

EIS EPOXY INDUSTRIAL SUPPLY SAFETY **CATALOG**

EPOXY • THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP • BẢO HỘ



CỨU HỘ

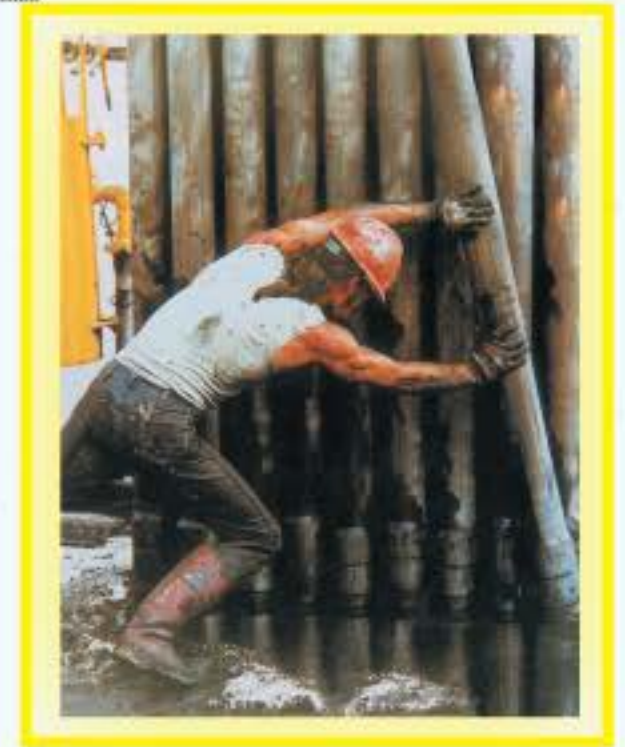


CỨU HỎA



MALAYSIA

DARUSSALAM



BẢO HỘ

Devcon

EIS



PACIFIC AND FIRE AEC Co., Ltd.

Tel. 0-2038-5840-41 Fax. 0-2886-7585 www.pacificandfire.com



Bảo trì, sửa chữa, đại tu

Keo epoxy chịu lực kéo cao

Sửa chữa thép loại Putty

Sửa chữa thép dạng lồng trộn với kim loại

Epoxy dành cho việc sửa chữa cao su tổng hợp

Epoxy dành cho công việc làm mới và đóng chặt loại có trộn Urethane

Epoxy dành cho việc sửa chữa khẩn cấp

Epoxy loại bảo vệ bề mặt và sơn để tạo ra kim loại mới.

Epoxy chịu lực kéo cao (structural)

Keo Methacrylate hàn kim loại với kim loại, hàn nhựa với nhựa, hàn nhựa với kim loại dính chặt vào nhau

Epoxy trộn với thép loại 10110

Epoxy dạng lỏng trộn với thép (B) loại 10210

Urethane Flexane loại 15820

Urethane dạng lỏng loại 15800

Epoxy loại quần ống

Epoxy chống sự ăn mòn High load loại 11490

Epoxy 5 phút.

Epoxy hàn nhựa loại 14335

Epoxy trộn với titan loại 10760

Epoxy trộn với nhôm dạng lỏng (F-2) loại 10710

Urethane loại dùng chổi để sơn loại 15350



Epoxy loại sửa chữa dưới nước loại 11800

Epoxy chống sự ăn mòn Fine load loại 11470

Epoxy 2 tấn loại trong suốt

Epoxy hàn nhựa loại 14336

Epoxy dành cho sửa chữa đồ gốm loại 11700

Epoxy dành cho việc sửa chữa điện (F) loại 19770

Jrethane chất lượng cao



Epoxy loại sửa chữa dưới nước loại 11800

Epoxy bảo vệ khỏi sự ăn mòn loại 10050



Epoxy hàn nhựa loại 14336

Epoxy trộn với nhôm (F) loại 10610

Epoxy loại dùng chổi vẽ sơn (đỏ) loại 11760 (xanh) loại 11765 (trắng) loại 11770

Epoxy dành cho việc sơn phủ kim loại FL-10 sơn phủ cao su FL-20 sơn phủ cao su FL-40



Epoxy loại sửa chữa dưới nước loại 11800

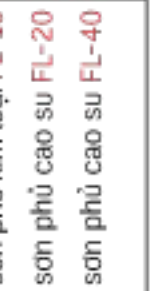
Korrobond 65 loại 11770



Epoxy hàn nhựa loại 14336

Epoxy trộn với thép mau khô 5 phút (SF) loại 10240

Epoxy trộn với thép không gỉ steel (ST) loại 10270



Epoxy trộn với cacbua loại 10780

Epoxy trộn với cacbua loại 10050



Epoxy hàn nhựa loại 14336

Epoxy trộn với đồng (BR) loại 10260

Epoxy trộn với cacbua (WR -2)



Nước tẩy Blend 300



Epoxy hàn nhựa loại 14336

Epoxy trộn với cacbua (WR -2)

Nước tẩy Blend 300



Nước tẩy Blend 300



Epoxy hàn nhựa loại 14336

Epoxy trộn với cacbua (WR -2)

Nước tẩy Blend 300



Nước tẩy Blend 300



Epoxy hàn nhựa loại 14336

ADHESIVE SYSTEMS
Keo epoxy chịu áp lực cao keo **METHACRYLATE** dán chặt kim loại với kim loại, nhựa với nhựa và kim loại với nhựa.

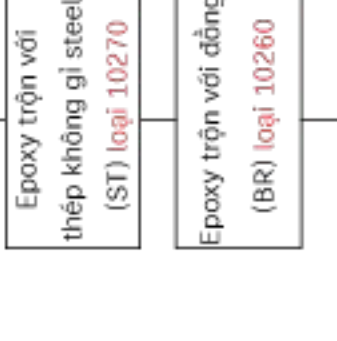
ABRASIVE REPAIR AND COATING SYSTEMS
Hệ thống sửa chữa và chống mài mòn



MAINTENANCE REPAIR OVERHAUL Bảo trì sửa chữa đại tu



ABRASIVE REPAIR AND COATING SYSTEMS
Hệ thống sửa chữa và chống mài mòn



METAL REPAIR SELECTOR GUIDE

BẢNG CHỌN DEVCON VÀ THỂ LOẠI CÔNG VIỆC



Plastic Steel Putty(A)
10110
Aluminum Putty(F)
10610
Titanium Putty
10760
Wear Guard Hi- Temp
Wear Guard Hi- Load
11480/11460
Ceramic Repair Putty
11700
Brushable Ceramic
11760/11765
**Wear Guard High-Load/
Fine Load/Combo W**
11490/11470/11450
Plastic Steel B/ Aluminum F-2
10210/10710
Stainless Steel Putty ST
10270
Underwater Repair Putty
11800

MRO Application

Sơn phủ để ngăn bị axit ăn mòn					*	*				
Sửa chữa mẫu	*	*	*							
Chịu hoá chất cấp độ cao			*		*	*				
Tự đạt mức độ								*		
Sơn phủ để chống va chạm/ xước				*	*	*	*			
Bộ tản nhiệt						*				
Sơn phủ ngăn bị ăn mòn				*	*	*	*			
Cyclone (máy xay đá)				*			*			
Epoxy mau khô										
Máy quạt/cánh quạt					*		*			
Khuôn								*		
Dụng cụ sửa chữa và phủ sơn						*	*			
Sửa chữa sự rò rỉ	*									
Sửa chữa phần bên trong				*			*			
Sửa chữa và tiện	*	*	*					*	*	
Nhà máy sản xuất thực phẩm	*		*			*			*	
Khớp nối loại cong (sơn màu và sửa chữa)				*			*			
Nhà máy xay đá				*			*			
Máy bơm công nghiệp và nước thải			*		*		*			
Máy bơm nước			*		*					*
Vít và bu lông	*		*					*		
Sửa chữa động cơ	*		*							
Lỗi trực			*							
Bể chứa					*	*				*
Vết nứt/vết lũng	*									
Van bít-tông	*	*	*							
Sửa chữa dưới nước/ấm ướt.										*



METAL REPAIR SỬA CHỮA KIM LOẠI

Devcon®

Phần kim loại Phần pha trộn



PLASTIC STEEL A
Loại 10110



STAINLESS STEEL PUTTY
Thích hợp cho việc sửa chữa thép không gỉ sử dụng trong việc sản xuất thực phẩm.



PLASTIC STEEL PUTTY
Sửa chữa và tạo ra kim loại nhiều thể loại tùy ý



RESIN : rê-xin

chất làm đông cứng
HARDENER



PLASTIC STEEL -5 Minute (SF)
Loại 10240



ALUMINIUM F : Loại 10610

METAL REPAIR PUTTY Sửa chữa thép loại PUTTY

* SỬA CHỮA BỀ MẶT THÉP CÁC THỂ LOẠI* (hãy ghép đôi sản phẩm của DEVCON với các loại thép như sau : thép, thép không gỉ, nhôm, đồng thau, hợp kim). Cách sử dụng : chuẩn bị bề mặt, pha trộn từng phần, bắt tay thực hành.

SỬA CHỮA

Khoảng trống và lỗ do bị rỉ sét* ngói* gang* ống* đường chạm chìa khoá* bơm* máy quạt* máy hút khí* tạo răng cưa mới* lớp kim loại lót bên trong.

PLASTIC STEEL A

Sửa chữa : khung bằng thép, khuôn kim loại, khuôn thép và gang

Đút khí kéo bằng cách đo độ dẻo dai

Số đo độ đông cứng

Màu sau khi khô

Chống thấm nước, chịu nhiệt

Khoảng thời gian khô và khoảng thời gian đông cứng : 45 phút

Khoảng thời gian sử dụng : 5 phút

Tỉ lệ pha trộn : 2.5 : 1

PLASTIC STEEL 5 MINUTES(SF)

Đút khí kéo bằng cách đo độ dẻo dai

Số đo độ đông cứng

Màu sau khi khô

Khoảng thời gian khô

Khoảng thời gian đông cứng

Khoảng thời gian sử dụng : 5 phút

Tỉ lệ pha trộn : 1 : 1

ALUMINIUM PUTTY (F)

Epoxy trộn với nhôm

Đút khí kéo bằng cách đo độ dẻo dai

Sửa chữa

Số đo độ đông cứng

Màu sau khi khô

Chống thấm nước, chịu nhiệt

Khoảng thời gian khô

Khoảng thời gian đông cứng

Khoảng thời gian sử dụng : 20 phút

Tỉ lệ pha trộn : 4 : 1

: Loại 10110 (454 gam)

: 2800 pounds/inch²

: 85 Shore D

: xám

: khô ở 121°C , ướt ở 50°C

: 45 phút

: 5 phút

: 2.5 : 1

: Loại 10240 (454 gam)

: 2,026 pounds/inch²

: 85 Shore D

: xám

: 5 phút

: 60 phút

: 5 phút

: 1 : 1

: Loại 10610 (454 gam)

: 2600 pounds/inch²

: nhôm và khung thép không gỉ

: 85 shore D

: nhôm

: khô ở 121°C , ướt ở 50°C

: 60 phút

: 60 phút

: 20 phút

: 4 : 1



Approved by
American Bureau of Shipping



TOOL

T2

THIỆT BỊ

METAL REPAIR SỬA CHỮA KIM LOẠI

Devcon®



STAINLESS STEEL ST Loại 10270



BRONZE BR Loại 10260

Proportional
Mixing



STAINLESS STEEL PUTTY (ST)

: Loại 10270 (454 gam)

Epoxy trộn với thép không gỉ

Đứt khi kéo bằng cách đo độ dẻo dai : 2,385 pounds/inch²

Sửa chữa

: các bộ phận cấu tạo khung và bể chứa làm từ thép không gỉ

Số đo độ đông cứng

: 85 Shore D

Màu sau khi khô

: xám trắng

Chống thấm nước/chịu nhiệt

: khô ở 121°C, ướt ở 50°C

Khoảng thời gian khô và thời gian đông cứng : 58 phút

Thời gian sử dụng

: 20 phút

Tỉ lệ pha trộn

: 3,75 : 1

BRONZE PUTTY (BR)

: Loại 10260 (454 gam)

Epoxy trộn với đồng

Đứt khi kéo bằng cách đo độ dẻo dai : 2,680 pounds/inch²

Sửa chữa

: các miếng và các bộ phận cấu tạo được làm từ đồng và đồng thau

Số đo độ đông cứng

: 85 Shore D

Màu sau khi khô

: đồng

Chống thấm nước/chịu nhiệt

: khô ở 121°C, ướt ở 50°C

Khoảng thời gian khô và thời gian đông cứng : 35 phút

Thời gian sử dụng

: 20 phút

Tỉ lệ pha trộn

: 3 : 1

NSF

ANSI NSF 61



Approved by
American Bureau of Shipping



APPLICATION

SHIPS & OFFSHORE STRUCTURES

Dùng cho tàu di biển và trụ khoan dầu



TANKS AND CHEMICAL CONTAINMENT AREAS

Dùng cho bể cất dầu và nhà máy sản xuất chất hoá học



TOOL

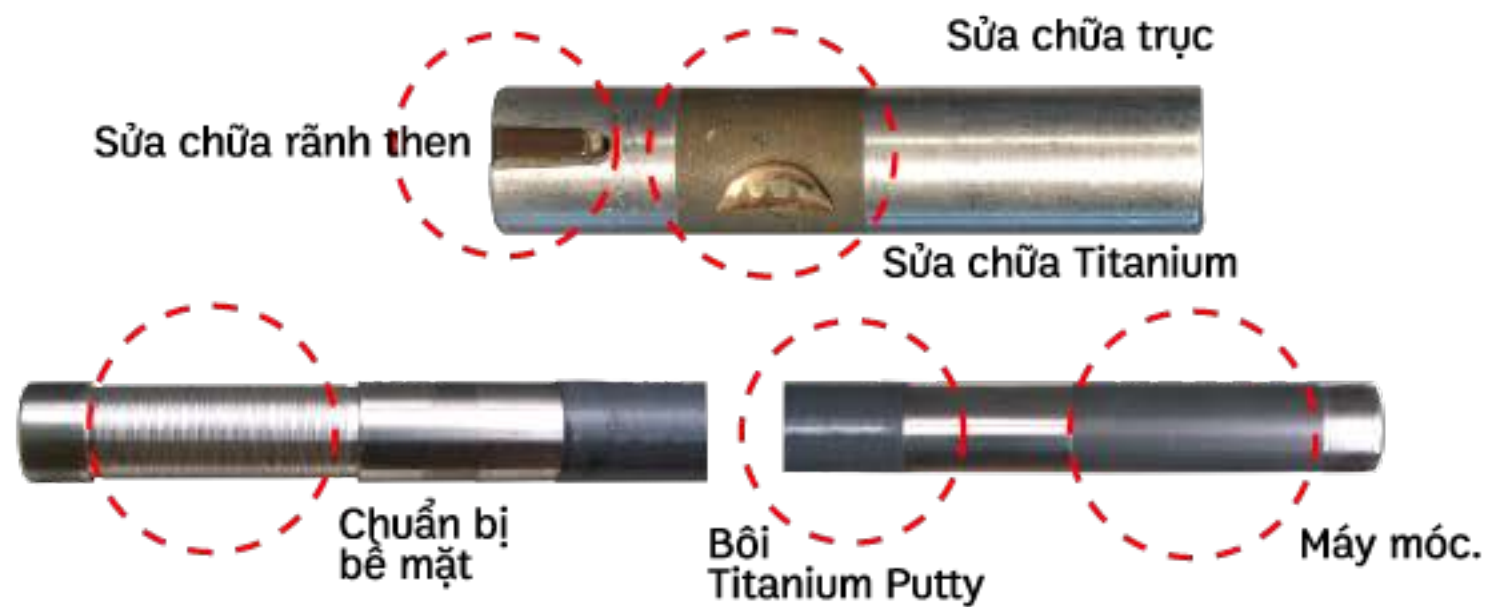
T3

THIẾT BỊ

PRECISION REPAIR

SỬA CHỮA CÓ ĐỘ CHÍNH XÁC CAO

Devcon®



PRECISION REPAIR EPOXY FOR METAL REPAIR

EPOXY SỬA CHỮA CÓ ĐỘ CHÍNH XÁC CAO DÀNH CHO SỬA CHỮA KIM LOẠI



sửa chữa các bộ phận của máy móc thích hợp với loại máy móc có độ chính xác cao* sự kết dính bền bỉ và cọ xát* cách sử dụng *chuẩn bị bề mặt* pha trộn* bắt tay làm việc * tiện hoặc chà*.

Approved by
American Bureau of Shipping



Sửa chữa.

Vòng bi và trục* rãnh then *xi-lanh thủy lực * bộ phận máy bơm *trục bánh xe * tạo đường xoắn ốc mới * chỉnh sửa đầu van* lưỡi kim loại * sửa chữa các bộ phận sử dụng bị hao mòn.



TITANIUM PUTTY

: LOẠI 10760 (454g)

Sửa chữa : khung thép, khuôn kim loại, khuôn thép và gang.

Độ dút khi kéo bằng cách đo độ dẻo dai

: 2000 pounds / inch²

Độ đông cứng

: 87 SHORE D

Mức độ chịu đựng hóa chất

: hiệu suất cao

Màu sau khi khô

: xám

Chống thấm nước / chịu nhiệt

: khô : 180°C , ướt : 66°C

Khoảng thời gian khô và khoảng thời gian đông cứng

: 21 phút

Khoảng thời gian sử dụng

: 20 phút

Tỉ lệ pha trộn

: 3,1 : 1

WEAR RESISTANT PUTTY (WR - 2)

: loại 11410 (454g)

Độ dút khi kéo bằng cách đo độ dẻo dai

: 2200 pounds / inch²

Độ đông cứng

: 85 SHORE D

Mức độ chịu đựng hóa chất

: hiệu suất cao

Màu sau khi khô

: xám đen

Chống thấm nước / chịu nhiệt

: khô : 121°C , ướt : 55°C

Khoảng thời gian khô và khoảng thời gian đông cứng

: 1 giờ

Khoảng thời gian sử dụng

: 20 phút

Tỉ lệ pha trộn

: 4 : 1



Bên trong được điều chỉnh lại kích cỡ bằng cách sử dụng TITANIUM PUTTY



Các cạnh của cầu chì được tái tạo lại với TITANIUM PUTTY

TOOL

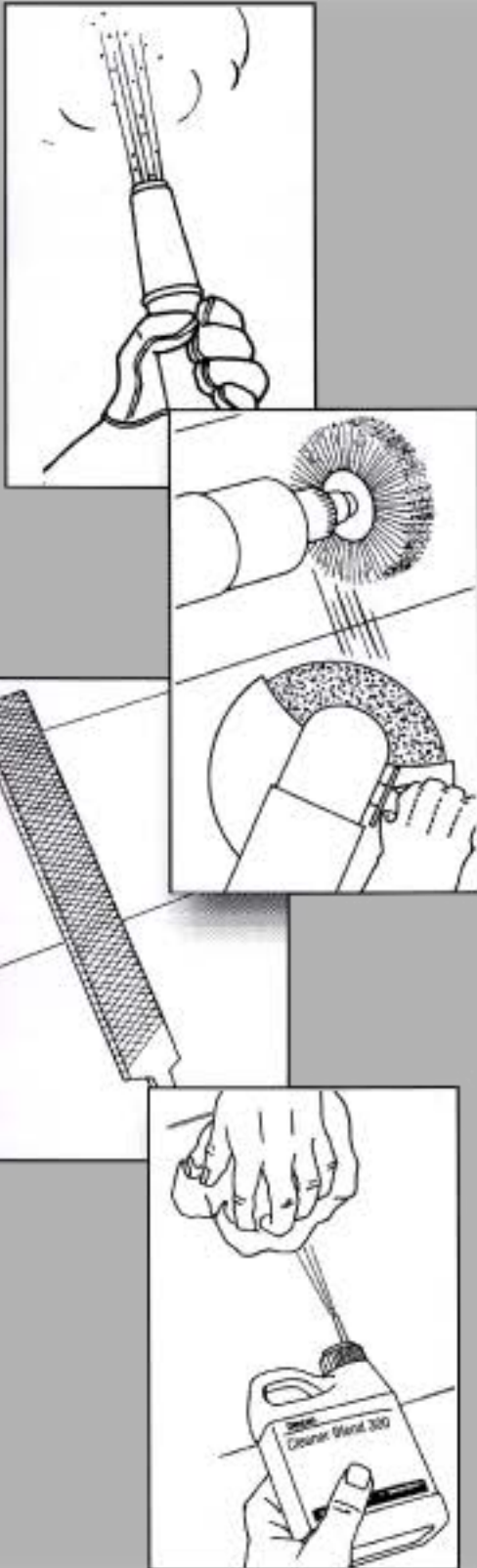
T4

THIẾT BỊ

SURFACE PREPARATION SỰ CHUẨN BỊ BỀ MẶT



Devcon®



PREPARED SURFACE



CLEAN, GREASE FREE, ROUGH

CÁCH LÀM SẠC DẦU MỠ

Làm sạch dầu mỡ trên bề mặt được nhúng dầu là một chuyện không dễ dàng gì, có nhiều khả năng là dầu sẽ thấm vào bề mặt kim loại gây ra vấn đề cho việc kết dính. Sau khi sử dụng Epoxy rồi thì trục máy bơm hay vỏ bọc vòng bị nhúng trong dầu nhớt sẽ là một ví dụ điển hình cho việc sửa chữa kim loại của DEVCON.

1. Bôi cleaner blend 300 lên bề mặt có dầu mỡ, việc bôi chất tẩy nhiều lần sẽ giúp hút dầu mỡ ra khỏi bề mặt.
2. Dầu mỡ được hút ra khỏi bề mặt kim loại được nhúng dầu mỡ phải được xử lý bằng sức nóng, hơi nóng sẽ đẩy dầu mỡ ra khỏi lỗ, việc đun nóng các bộ phận bằng súng phun hơi nóng hoặc nung các bộ phận trong lò sưởi sẽ tạo ra hiệu quả tốt.
3. Để nguội các bộ phận rồi sau đó làm sạch dầu mỡ bằng cleaner blend 300 một lần nữa

CÁCH TẠO BỀ MẶT THÔ

Việc dũa bề mặt mịn sẽ giúp thêm độ kết dính của Epoxy với lớp dưới, một số người phải làm lại nhiều lần chỉ vì quên làm cho bề mặt có hình dạng phù hợp.

1. Nếu bề mặt được làm sạch bằng cách xịt, chà, mài, thổi hoặc dùng súng ghim sẽ làm cho bề mặt thô đủ để sơn hoặc có thể tạo bề mặt thô bằng giấy nhám hoặc dũa

Bề mặt ướt

- 1) Theo thường lệ thì những chỗ được sửa chữa bằng cách sử dụng Devcon Industries Epoxy “ phải khô ráo”
- 2) Trừ khi bạn sử dụng Epoxy dành cho bề mặt ướt UW của Devcon (xem phần bề mặt dưới nước)
- 3) Trước hết hãy ngăn chặn tất cả sự rò rỉ, có thể làm được bằng cách...
 - a. Ngăn chặn dòng chảy hoặc áp lực
 - b. Đóng thanh gỗ hoặc thanh kim loại vào lỗ để ngăn dòng chảy của chất lỏng
 - c. Nhét wax, thanh gỗ hoặc vải vào chỗ đang bị rò rỉ để ngăn dòng chảy của chất lỏng.
- 4) Nếu sự rò rỉ được tạo ra do mặt bên cạnh bị vỡ thì phải mở rộng lỗ cho đến khi thấy phần kim loại tốt và dày đủ để có thể trám, sau đó trám chỗ bị vỡ bằng vật liệu được khuyến dùng (xem số 3)
- 5) Xử lý giọt nước dính thành cục trên bề mặt và độ ẩm ướt bằng cách sử dụng súng thổi hơi nóng hoặc dụng cụ khác tương tự.
- 6) Thực hiện theo cách thức chuẩn bị bề mặt thông thường.

SỰ CHUẨN BỊ BỀ MẶT DÀNH CHO EPOXY THÊM KIM LOẠI

Việc sử dụng bất cứ sản phẩm nào trong dòng sản phẩm công nghiệp của Devcon một cách có hiệu quả thì phụ thuộc vào sự chuẩn bị bề mặt làm sao cho phù hợp, bụi bặm, dầu mỡ, rỉ sét và ẩm ướt có ảnh hưởng tới sự kết dính của hầu hết epoxy, việc không kết dính với lớp dưới có thể tạo ra vụn sắt nhỏ, vết rạn nứt hoặc lỏng lẻo khi có áp lực, tình trạng của bề mặt sẽ khác nhau trong từng công việc và cách sau đây sẽ giúp chuẩn bị lớp dưới dành cho việc sử dụng Epoxy để sửa chữa kim loại của Devcon, phần này sẽ cho chi tiết liên quan đến sự chuẩn bị bề mặt thông thường bao gồm cả cách thức để chuẩn bị bề mặt thông thường.

CÁCH CHUẨN BỊ BỀ MẶT THÔNG THƯỜNG

1. Tất cả bề mặt phải khô, sạch sẽ và thô
2. Không để chất lỏng các loại rò rỉ trên bề mặt trong khi sửa chữa lớp dưới
3. Xử lý tất cả các màu, rỉ sét, vết bẩn ra khỏi bề mặt bằng cách sử dụng lực thổi mạnh hoặc máy móc loại khác .
4. Làm sạch dầu mỡ trên bề mặt bằng cleaner blend 300
5. Làm cho bề mặt kim loại “ phù hợp “ bằng cách tạo bề mặt thô bằng cách bắn hơi hoặc sử dụng máy móc loại khác.

BỀ MẶT SẠCH SẼ

- 1) Nếu bề mặt có dầu mỡ hãy sử dụng cleaner blend 300 để rửa bề mặt
- 2) Sau khi đã thực hiện cách làm vệ sinh như đã giới thiệu thì thực hiện thổi hơi trên bề mặt để tạo ra bề mặt phù hợp, dầu mỡ và bụi bặm thường đọng lại trên bề mặt và dùng rửa bề mặt.
- 3) Trong khi thổi hơi nên sử dụng các loại sỏi có góc như silicon carbide, black beauty hoặc aluminium oxide nên có số lượng A 0,003 đến 0,005 min, khuyến dùng black beauty kích cỡ vừa (kích cỡ grade vừa 1240)
- 4) Nếu bạn không thể thổi hơi ở lớp dưới được , bạn có thể dùng đầu mài thô (60 cờ-rin hoặc thô hơn hoặc dùng súng ghim) để có được bề mặt mịn như mong muốn.
- 5) Ngoài ra còn có lời khuyên dùng cách phun nước tốc độ cao có đồ chĩa sau khi phun. Làm sạch dầu mỡ bằng cleaner blend 300 một lần nữa để giúp rửa phần giữa được phun ra dính bên ngoài kim loại lần nữa, phải chắc chắn rằng đã sử dụng Devcon Epoxy ngay sau khi thổi hơi để tránh bị rỉ sét.
- 6) Hãy cố gắng sửa chữa cách nhanh nhất có thể sau khi làm vệ sinh lớp dưới, tránh việc tạo ra oxidation hoặc rỉ sét, nếu không làm được hãy dùng FL 10 Fiber để giữ bề mặt kim loại không bị gỉ sét..

T5

THIẾT BỊ

TOOL

PHYSICAL PROPERTIES TÍNH CHẤT VẬT LÝ

Devcon®



THÔNG SỐ VẬT LÝ



	Tỉ lệ pha trộn bởi trọng lượng (rè-xin với hóa chất làm đông cứng)	Tỉ lệ pha trộn theo khối lượng (rè-xin với hóa chất làm đông cứng)	Độ nhớt khi dùng hóa chất làm đông cứng (CPS)	Khối lượng riêng (inch ² /pound)	Thời gian đông cứng của hóa chất pha trộn 1 pound trong nhiệt độ 75°F (phút)	Độ bao phủ pound trên inch ² với độ dày 1/8 inch	Nhiệt độ làm việc (cao nhất, °F)	Độ đứt khi kéo bằng cách đo độ dẻo dai (pound / inch ² ASTM D 1002)	Độ kháng cự khi kéo (pound / inch ² ASTM D638)	Sức nén (pound / inch ² ASTM D 695)	Độ cong (pounds / inch ² ASTM D790)	Hệ số co giãn khi cứng (pound / inch ² ASTM D638 X X 105.1)	Hệ số giãn nở khi nóng (ASTM D 696 inch / inch) °F (106.3)	Độc tính dẫn điện từ nhiệt (ASTM C 117 (Cal - cm/s cm ² -c) x 10 ⁻³)	Hằng số phi điện (ASTM D 150)	Sức mạnh phi điện (ASTM D 149 VIMU)	Tỉ lệ thu nhỏ (inch / inch ASTM D2566)	Độ cứng (SHORE D ASTM D2240)	
Epoxy dành cho công việc sửa chữa thông thường (GENERAL REPAIR PUTTY)																			
Epoxy trộn với thép PLASTIC STEEL PUTTY (A)	10110 9:1	2.5:1	Putty	11.9	45	48	250	2,800	3,220	8,260	5,600	8.5	48	1.37	67.5	30	0.0006	85	
Epoxy trộn với thép dạng mau nhỏ PLASTIC STEEL 5-MINUTE PUTTY (SF)	10240 1.7:1	1:1	Putty	12.2	5	49	200	2,026	3,100	10,400	7,680	7.5	34	2.65	35.0	30	0.0006	85	
Epoxy trộn với nhôm ALUMINUM PUTTY (F)	10610 9:1	4:1	Putty	17.5	60	70	250	2,600	3,680	8,420	6,760	8.0	29	1.73	21.4	100	0.0008	85	
Epoxy trộn với nhôm dạng lỏng ALUMINUM LIQUID (F-2)	10710 9:1	5:1	15/25,000	17.5	75	70	250	2,700	5,000	9,820	3,540	7.5	50	1.58	8.6	100	0.0009	85	
Epoxy trộn với thép không gỉ STAINLESS STEEL PUTTY (ST)	10270 11:1	3.75:1	Putty	12.4	58	50	250	2,385	3,340	8,400	5,280	8.0	34	1.23	75.0	30	0.0010	85	
Epoxy trộn với đồng BRONZE PUTTY (BR)	10260 9:1	3:1	Putty	12.4	35	50	250	2,680	2,640	8,540	6,180	8.0	33	1.57	75.0	25	0.0010	85	
Epoxy dành cho công việc cần độ chính xác cao (PRECISION REPAIR EPOXIES)																			
Epoxy trộn với Titanium TITANIUM PUTTY	10760 4.3:1	3.1:1	Putty	11.7	21	47	350	2,000	4,000	18,800	7,700	9.5	22	1.95	44.8	56	0.0010	87	
WEAR RESISTANT (WR-2)	11410 9:1	4:1	Putty	13.9	60	56	250	2,200	4,300	9,800	6,500	7.5	32	1.67	6.3	4,000	0.0005	85	
FAS METAL	10780 1.07:1	1:1	Putty	17.2	4	69	250	2,000	3,145	12,700	7,000	8.5	32	2.04	18.6	370	0.0093	85	
Epoxy dành cho công việc chống ăn mòn (ABRASION-RESISTANT SYSTEM)																			
Epoxy loại dùng cọ để sơn, màu đỏ, màu xanh BRUSHABLE CERAMIC-RED,BLUE	5.6:1	3.4:1	32,000	16.5	40	7.6 ⁵	350	2,000	3,800	15,200	8,000	9.0	19	1.92	38.7	382	0.0020	90	
Epoxy loại sửa chữa Ceramic CERAMIC REPAIR PUTTY	11700 7:1	4.3:1	Putty	16.4	25	66	350	2,000	3,900	12,700	6,475	9.0	17	1.88	41.0	370	0.0022	90	
WEAR GUARD (HIGH LOAD)	11490 2:1	2:1	Putty	12.9	45	50	300	2,375	4,210	11,000	7,140	8.5	32	1.75	41.0	340	0.0006	87	
WEAR GUARD (FIND LOAD)	11470 2:1	2:1	Putty	12.4	45	50	300	2,375	4,300	11,000	7,190	8.5	34	1.81	46.0	340	0.0014	87	
CARBIDE PUTTY	10050 8:1	4:1	Putty	15.9	50	64	250	1,350	2,640	8,160	5,480	8.0	14	1.25	25.0	200	0.0009	85	
Epoxy dành cho công việc sửa chữa khẩn cấp (EMERGENCY REPAIR PRODUCT)																			
Epoxy loại chống thấm nước UNDERWATER REPAIR PUTTY (UW)	11800 14:1	1:1	Putty	17.0	45	68	250	2,685	2,760	5,625	4,990	7.5	18	1.41	8.6	150	0.0020	82	
HVAC (SPECIAL F)	19770 0.9:1	1:1	Putty	16.1	60	64	250	2,500	3,720	8,420	6,260	7.8	29	1.73	21.4	100	0.0009	85	
ZIP PATCH	11500 1:1	1:1	Set	-	5	-	200	2,400	10,000	-	19,000	2.9	64	1.71	43.5	250	0.0010	70	
METAL CASTING																			
Epoxy dạng lỏng trộn với thép PLASTIC STEEL LIQUID (B)	10210 9:1	3:1	15/25,000	13.1	45	52	250	2,800	4,900	10,200	7,480	8.5	38	1.39	67.5	30	0.0006	85	
Epoxy trộn với nhôm dạng lỏng ALUMINUM LIQUID (F2)	10710 9:1	5:1	15/25,000	17.5	75	70	250	2,700	5,000	9,820	3,540	7.5	50	1.58	8.6	100	0.0009	85	
ALUMINUM WEAR DE 087	DE 087 4:1	9:1	Putty	15.38	50	65	250	2,580	-	9,840	7,260	-	-	1.80	-	400	0.005	85	

TOOL

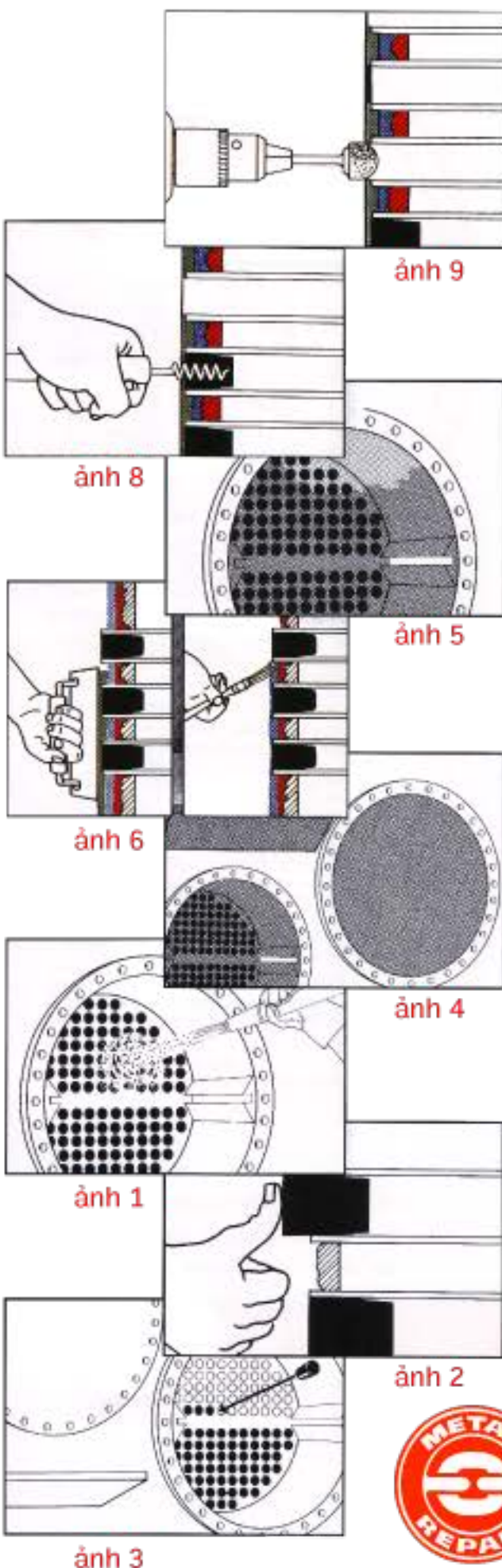
T6

THIẾT BỊ

HEAT EXCHANGER REPAIR

SỬA CHỮA BỘ TRAO ĐỔI NHIỆT

Devcon®



HEAT EXCHANGER REPAIR

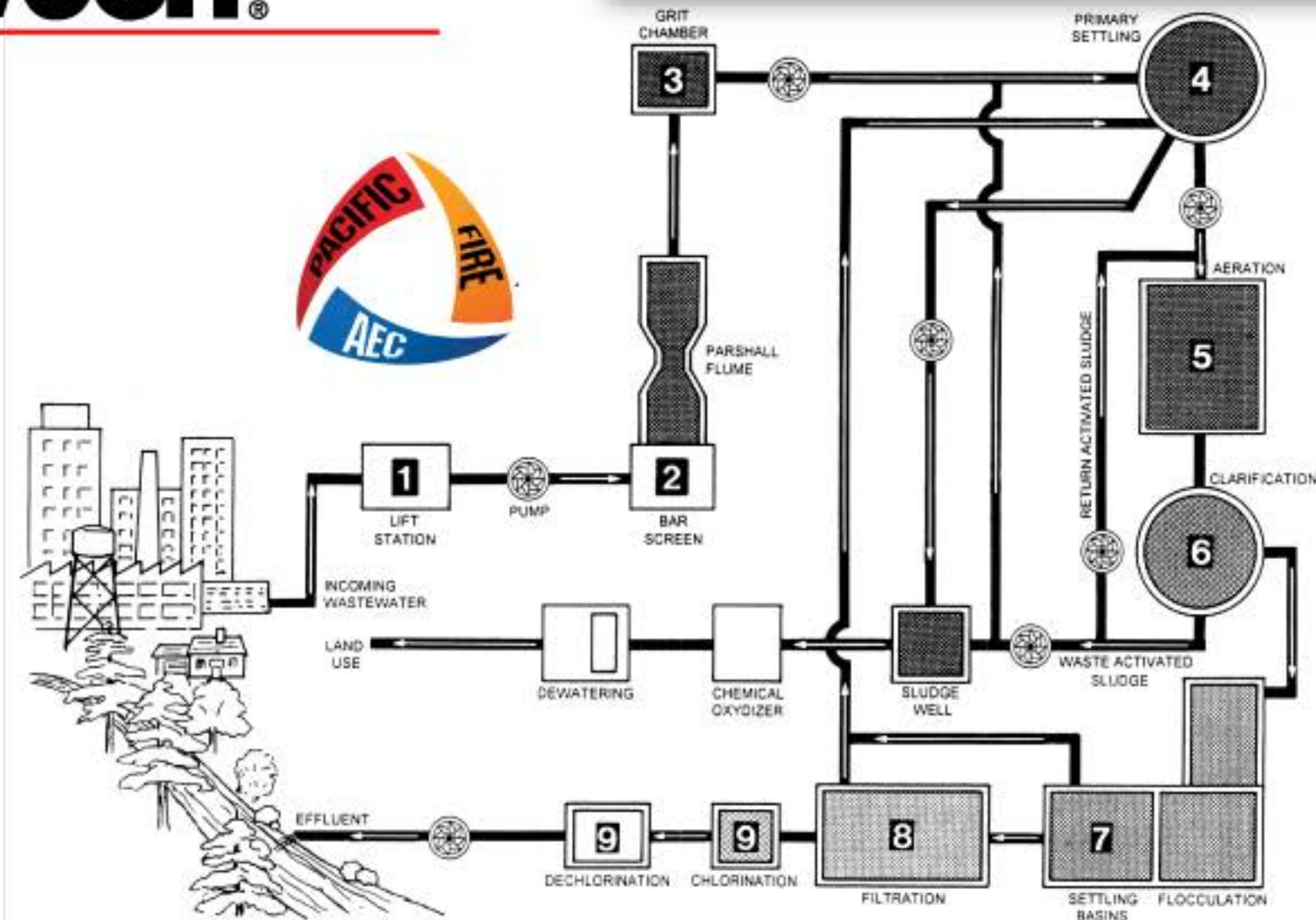
SỬA CHỮA MÁY TRAO ĐỔI NHIỆT

Sự ăn mòn của ống đồng bên trong do tiếp xúc với nước làm cho hợp chất chứa bên trong nước bám dính giữa phần đồng và tấm kim loại và ngoài ra do đồng và tấm kim loại là hai loại kim loại khác nhau nên nếu không nhận được sự chăm sóc và cứ ở trong tình trạng ẩm ướt suốt thì quá trình ăn mòn sẽ xảy ra nhanh chóng. Sau đây là cách thức bảo vệ tấm kim loại, đồng của bộ trao đổi nhiệt.

- Sự chuẩn bị bề mặt :** tháo tấm đĩa cuối và vật che đậy (nếu có) cắm nút cao su xuống mặt cuối ống đồng, nên sử dụng loại nút thích hợp và lòi ra phía cuối ống đồng không quá 1,5 mil.
(lưu ý : một số trường hợp ống đồng không đồng đều với tấm kim loại mặt trước, nếu tìm thấy điểm không đồng đều thì phải tìm nút cao su cắm vào để làm cho đồng đều với phía đầu cuối của ống đồng).
- Mặt trước ống đồng chỗ bị ăn mòn có thể sâu tới 3 mil** tính từ cạnh của ống đồng nên cần phải tìm nút cắm để được đồng đều với ống đồng (ảnh 1)
- Khi đã cắm nút xong rồi thì phun cát khắp vùng mặt trước của tấm kim loại**, nút sẽ giúp bảo vệ ống đồng khỏi bị ăn mòn sau khi phun cát (xem thêm chi tiết T5)
- Chuẩn bị vật dùng để che đậy** (nếu có) và nắp đậy ở đầu cuối ống giống như đã làm với tấm kim loại mặt trước ống đồng (ảnh 4).
- Pha trộn Brushable Ceramic red** nhãn hiệu Devcon loại 11760 và phủ lên bề mặt ống đồng, phải chắc chắn rằng đã phủ toàn bộ điểm được phun cát, sau lần phủ sơn thứ 1 nên đợi từ 1-3 giờ rồi mới phủ sơn lần 2 với Brushable Ceramic blue nhãn hiệu Devcon loại 11765. Hệ thống phủ sơn 2 lần sẽ giúp phủ sơn lên bề mặt đồng đều và dày dặn. (ảnh 5)
- Trong trường hợp ống đồng lòi ra khỏi tấm kim loại nhiều hơn 3 mil** có thể phải tái tạo lại tấm kim loại mặt trước của ống đồng cho đồng đều với ống đồng bằng cách phủ sơn tấm kim loại với Brushable Ceramic loại 11760 nhằm sơn lót cho bề mặt không bị ướt, sau đó sơn Brushable Ceramic Repair Putty loại 11700 để làm cho tấm kim loại có độ dày đồng đều với ống đồng bị lòi ra, bước cuối cùng là sơn Brushable Ceramic blue loại 11765 sơn bóng (ảnh 5).
- Sau khi đã phủ sơn tấm kim loại mặt trước** rồi thì trở lại phủ sơn chỗ đường vào của vật che đậy (nếu có) và nắp đậy, cắm sử dụng Epoxy các loại với rãnh của nắp đậy, nên giữ khe hở theo tiêu chuẩn đã định của nhà sản xuất.
- Đợi từ 16 - 20 giờ** rồi mới tháo nút cao su ra, dùng dụng cụ tháo nút hoặc kim cỡ lớn để tháo toàn bộ nút cao su ra (ảnh 8).
- Khoan lỗ bằng dụng cụ nén ở phía cuối ống** và làm cho cạnh của Epoxy thẳng với ống đồng được đồng đều để giúp chất lỏng có thể chảy qua dễ dàng hơn. (ảnh 9)

WASTE WATER PLANT CÁC LOẠI ĐẦU DÒ

Devcon®



Thiết bị	Vấn đề	Sản phẩm / cách xử lý vấn đề
Trạm nâng (bơm bùn) Mặt đất tầng thang, ống bùn.	Bùn làm cho vỏ và cánh quạt bê tông bị xói mòn hoặc nứt, gây độc hại, sàn trơn vừa mới sơn lại hoặc vừa mới lắp ráp sàn bị thủng thành lỗ do sự cọ xát của bùn.	Ceramic dùng để sửa chữa/ ceramic dạng có thể chà được. Tấm vá sàn (floor patch) Flip grip. Non skid 3500. Epoxy Seal 100, EC 7000, EC 8000, Magic Bond Stick/ chip vá.
Bar screen (tấm chắn rác thải) (bể loại khác) (bơm bùn)	Bể sắt có thể bị lũng. Bể bê tông có thể bị xói mòn Trục và vòng bảo vệ vỏ bị ăn mòn.	Chip vá / Magic Bond Stick Ultra quartet / tấm vá sàn. Titanium Putty, ceramic dạng có thể chà được.
Phòng lọc cát (bơm bùn)	Sự ăn mòn và sự chà màu ở bơm dạng tách rời.	Ceramic dùng để sửa chữa / ceramic có thể chà được.
Bể lắng ban đầu cánh quạt trong bể.	Khối bê tông bị xói mòn hoặc vỡ bộ phận của bê tông mất đi tấm cao su của cánh quạt mất đi.	Ultra quartet Flex Seal 80 Putty / Flex Seal dạng chà được.
Bình nạp khí (kim loại) được quét lớp Fiber Glass.	Sự ăn mòn đối với phần kim loại, lớp quét sơn Fiber Glass bị lột ra khỏi bề mặt bê tông. Khu vực bê tông bị nứt và rời ra.	Metal Plammer 9000/ metal server 900 Epoxy ướt UW loại 11800 Ultra quartet / tấm vá sàn.
Bể lắng (kim loại) (Dạng bê tông) Cánh quét tấm chắn kim loại ống bùn.	Bị gỉ sét bên ngoài và sự ăn mòn chỗ bị nứt và bị vỡ vụn của cao su cánh quét bị xé rách. Sự ăn mòn của lớp da kim loại lỗ thủng do chà màu.	Metal plammer 9000 / metal server 9000. Tấm vá sàn / ultra quartet Epoxy Seal 100 / AR Barber Flex Seal 80 Putty/ Flex Seal dạng chà được. Flex Seal dạng chà được / Metal server 9000 Chip vá / Magic Bond Stick.
Bể lắng, (bơm bùn) (bơm xi măng trắng) bể lọc bơm xi măng trắng.	Cavitation và chà màu áo bơm và cánh quạt do sự chảy Có lỗ thủng trong bể. Sự chà màu và Cavitation và cánh quạt.	Ceramic dùng để sửa chữa/ceramic loại chà được. Chip vá / Epoxy mặt ướt UW loại 11800 Titanium Putty, ceramic dùng để sửa chữa ceramic dạng chà được, Flex Seal dạng chà được.
Máy nạp clo (bơm) (máy xử lý clo)	Hóa chất ăn mòn áo bơm, cánh quạt và ống dẫn, tạo ra lỗ trong ống do hóa chất ăn mòn.	Titanium Putty, ceramic dạng chà được tấm chắn AR.

ABRASION/CORROSION&WEAR

SỰ BẢO VỆ BỀ MẶT VÀ PHỦ SƠN ĐỂ TẠO RA KIM LOẠI MỚI

Devcon®



Bề mặt bị ăn mòn sâu từ hệ thống tản nhiệt bởi nước biển thì được sửa chữa bằng **CERAMIC PUTTY** sau đó phủ sơn bảo vệ 2 lần bằng **BRUSHABLE CERAMIC**



Bề mặt của máy D- future hệ thống tản nhiệt bằng nước biển này được sửa chữa bằng cách dùng **TITANIUM PUTTY** và **CERAMIC REPAIR PUTTY** sau đó phủ sơn thêm 2 lần bằng **BRUSHABLE CERAMIC**.



Xử lý đường ống chặt chẽ Etylen bị ăn mòn hoặc bị xước được sửa chữa bằng cách dùng **CERAMIC REPAIR PUTTY** sau đó phủ sơn bảo vệ thêm 2 lần bằng **BRUSHABLE CERAMIC**.



Bề mặt bị ăn mòn quá nặng sâu hơn 0,3 mm của mặt cắt ống được sơn phủ đầy bằng **BRUSHABLE CERAMIC**.



Cánh quạt vận tải được sửa chữa bằng **BRUSHABLE CERAMIC** loại 11760, loại 11765.



Loại 11765 (màu xanh)

Loại 11760 (màu đỏ)



BRUSHABLE CERAMIC

ABRASION/CORROSION & WEAR REPAIR EPOXIES EPOXY LOẠI BẢO VỆ BỀ MẶT VÀ PHỦ SƠN ĐỂ TẠO RA KIM LOẠI MỚI

Epoxy trộn ô-xi-gen của nhôm độ bám dính và độ kháng cự có mật độ cao* bảo vệ khỏi sự ăn mòn từ hoá chất* bảo toàn sự khô ráo và cất giữ máy móc* cách sử dụng : bằng cách chuẩn bị bề mặt* pha trộn theo tỉ lệ pha trộn* bắt tay thực hiện bằng cách bôi hoặc sơn epoxy dạng Ceramic, có thể sử dụng trong việc tạo bề mặt mới và sửa chữa do nguyên nhân bị ăn mòn hoặc rỉ sét trên máy bơm cánh quạt và van, máy móc sử dụng trong việc sản xuất vật liệu khô, hệ thống nước thải, đường ray hình nón, và thiết bị bị ăn mòn hoặc rỉ sét, việc phủ sơn này nhằm mục đích kéo dài tuổi thọ và nâng cao chất lượng làm việc.

CERAMIC REPAIR PUTTY: loại 11700 (3 pond hay 1,35 kg)

Sự sửa chữa: có mật độ cao, dùng để thoa, bôi vùng cần tạo bề mặt mới hoặc vùng cần được điều chỉnh bề mặt của máy móc và thiết bị bị ăn mòn.

Độ đứt khi kéo bằng cách đo độ dẻo dai

: 2000 pounds/inch²

Số đo độ đồng cứng

: 90 Shore D

Màu sau khi khô

: đỏ

Chống thấm nước/ chịu nhiệt

: khô : 180°C

ướt : 66°C

Khoảng thời gian khô và khoảng thời gian đông cứng

: 25 phút/ lần 2 : 2-3 tiếng đồng hồ

Khoảng thời gian sử dụng

: 20 phút

Tỷ lệ vào khoảng

: 4,3 : 1

BRUSHABLE CERAMIC : loại 11765 xanh, loại 11770 trắng (NSF) (2 pond)

Sự sửa chữa : sử dụng cho thiết bị mới hoặc sau khi sửa chữa kim loại bằng cách sơn hoặc đóng bề mặt kim loại, phay và đánh bóng bề mặt trong của máy bơm, máy quạt, van và máy tản nhiệt và thiết bị sản xuất có độ trơn trượt thấp và mật độ cao, có chất lượng cao trong việc bảo vệ bề mặt được sửa chữa và bề mặt mới bằng epoxy loại dùng chổi để sơn loại 11700. Đảm bảo sự an toàn trong khi sử dụng đối với thiết bị dùng để sản xuất thực phẩm và đồ uống.

Độ đứt khi kéo bằng cách đo độ dẻo dai

: 15.200 pounds/inch²

Số đo độ đồng cứng

: 90 Shore D

Mức độ chịu đựng hoá chất

: Chất lượng cao

Chống thấm nước/ chịu nhiệt

: khô : 180°C, ướt : 66°C

Khoảng thời gian khô và khoảng thời gian đông cứng

: 16 tiếng/ lần 2

: 4-6 tiếng đồng hồ

Khoảng thời gian sử dụng

: 20 phút

Tỷ lệ vào khoảng

: 4 : 1

Độ dày của lớp sơn

: 10-20 mill (0,10 - 0,20 inch)

vùng bao phủ : 1m²

Lưu ý :

1. Khuấy đều cao su tổng hợp trước khi thêm độ đồng cứng
2. Pha trộn cao su tổng hợp để tạo sự đồng cứng
3. Chải bề mặt cho mịn và bóng trong khi sơn nhẹ lần cuối bằng MEK (Methyl Ethyl Chloride) trước khi dùng BRUSHABLE CERAMIC để sơn phủ lớp cuối cùng.



ANSI NSF 61



TOOL

T9

THIẾT BỊ

PUMP REPAIR SỬA CHỮA MÁY BƠM

Devcon®

SỬA CHỮA MÁY BƠM PUMP REPAIR.



Figure 1

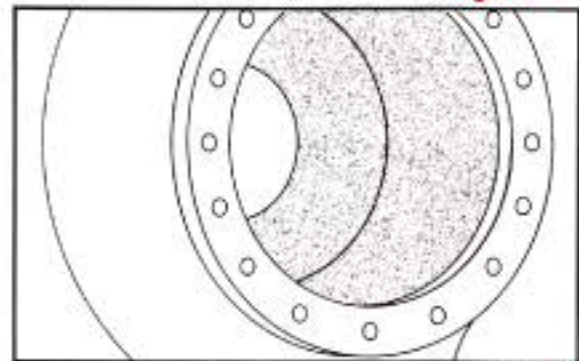


Figure 2

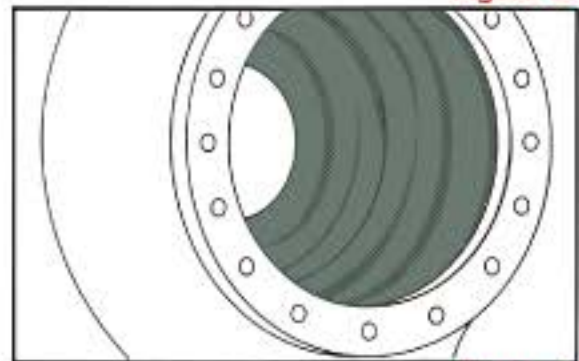


Figure 3

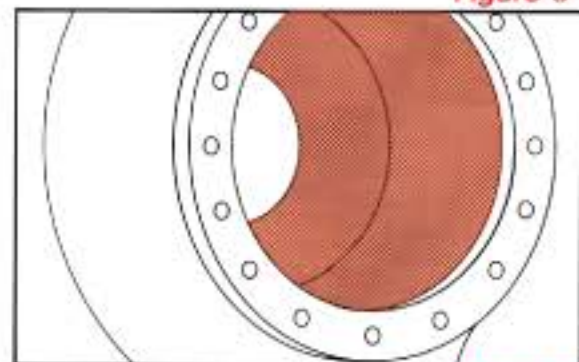


Figure 4

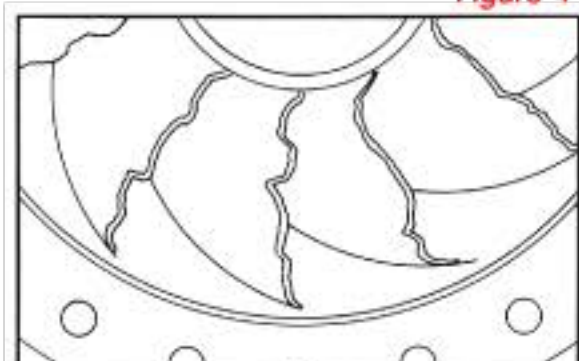


Figure 5

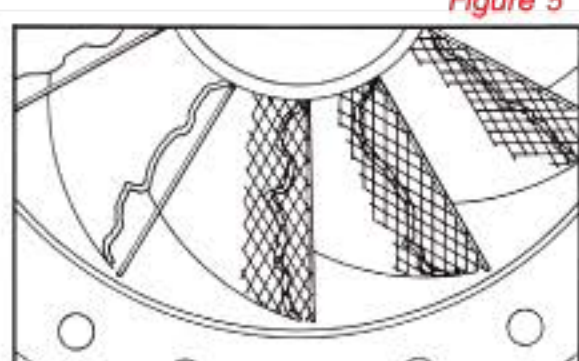


Figure 6

Việc trét sơn lên bề mặt bên trong hay làm mới bề mặt cho những chỗ bị hao mòn, máy bơm ly tâm, câu trả lời cho sự ăn mòn và sự trầy xước thường gặp khi sử dụng trong các nhà máy công nghiệp, sự ăn mòn do bị hao mòn từ bên trong và lực chấn động do trục và cánh quạt không cân bằng với nhau khi có chất lỏng đi qua, việc sửa chữa bề mặt bên trong của máy bơm cỡ lớn này rất dễ dàng bằng cách sử dụng Epoxy nhãn hiệu Devcon là lựa chọn ít tốn chi phí nhất so với việc bạn phải mua cỗ máy mới. hai chỗ thường bị ăn mòn mà bạn phải lưu ý ở thể loại này là bề mặt bên trong và cánh quạt.

1. **Sự chuẩn bị bề mặt** những chỗ bị ăn mòn thường là những vết trầy xước bề mặt không đồng đều, lớp dưới thường là những vật liệu đúc xốp có nhiều lỗ. bạn phải thực hiện theo cách sau đây làm vệ sinh bề mặt và làm sạch dầu mỡ trong sách hướng dẫn chuẩn bị bề mặt của chúng tôi cần phải sạch sẽ không có một vết dầu phải có độ nhám (mặt thô) (profile 3-5 mil) để Epoxy có thể dính chặt với bề mặt (ảnh 1) xem thêm chi tiết T5.
2. **Có thể phun cát hoặc dùng bàn chải chà lên để làm sạch vết bẩn trên bề mặt** sau đó phải lấy xăng dầu hóa học hoặc nguyên liệu khác được trét bên trong bề mặt ra khỏi bề mặt bằng cách sử dụng sức nóng hoặc đun nước để làm sạch tất cả các vết bẩn (ảnh 2).
3. **Bước tiếp theo quét lên đường rãnh bằng đục hoặc chỗ bị ăn mòn** Pha trộn Ceramic Repair Putty loại 11700 rồi quét lên khắp các vị trí bị ăn mòn sâu hơn 1/8 " (1CLAS) quét xi - măng lên cho đều bằng cách dùng máy xoa nền để Epoxy đồng đều với bề mặt. kĩ thuật dễ dàng nhất là dùng bàn tay ướm xoa nhẹ thành vòng tròn lên Epoxy. Bình thường Epoxy có tính chất kết dính nên khi dùng tay đang ướt nước sẽ làm cho Epoxy đồng đều với bề mặt kim loại. (ảnh số 3).
4. **Bước tiếp theo trét lên khắp bề mặt bên trong bằng Devcon loại 11760** (màu đỏ) hoặc loại 11765 (màu xanh) có thể phải trét 2 lần (tách riêng từng lớp và từng màu) để không tạo khe hở bong bóng / hóa chất dính lại gây nên ăn mòn, phải trét tất cả với độ dày 15-25 mil để bảo vệ phần trong của lớp áo trong (ảnh số 4).
5. **Sẽ có sự ma sát ở vị trí rìa cánh quạt gây nên hư hại cần có sự** sửa chữa hãy làm theo cách chuẩn bị bề mặt giống như cách chuẩn bị bề mặt bên trong, làm sạch dầu mỡ , dùng máy thổi và chà lên bề mặt, làm sạch dầu mỡ lúc này nên thực hiện kiểm tra sự ô nhiễm của chất Chloride , muối biển hoặc nước lợ để kiểm tra có hỗ trợ kết dính với bề mặt hay không (ảnh số 5).
6. **Bước tiếp theo tạo lại bề mặt bị mất** đi từ cánh quạt bằng cách hàn thanh sắt 3/8" (10 mil) để tạo cạnh cánh quạt sau đó gắn sàng lên để tạo cánh quạt mới theo hình dạng cũ (ảnh số 6).

FOOT

T10

THIẾT BỊ



PUMP REPAIR SỬA CHỮA MÁY BƠM

Devcon®

SỬA CHỮA MÁY BƠM (TIẾP THEO)

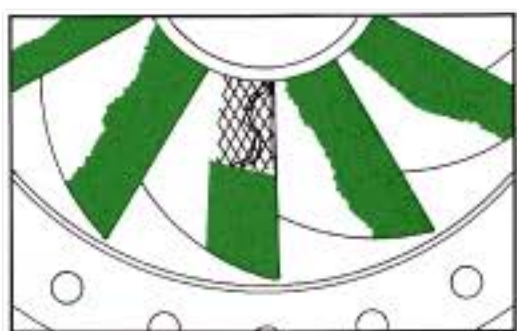


Figure 7.

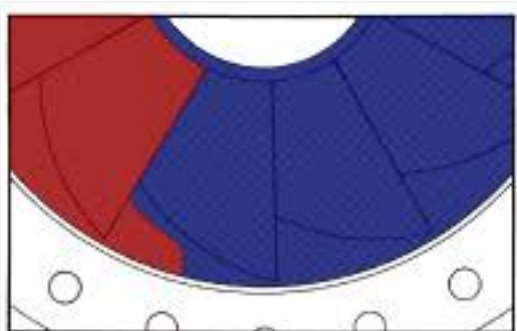


Figure 8.



7. **sau đó nên trét sơn** “chỗ bị mất đi” với Ceramic Repair Putty loại 11700 bằng cách đẩy Epoxy xuống lỗ cho đến khi đầy ra, phải chắc chắn rằng Epoxy đã lấp đầy bên trong không tạo ra khe hở có thể làm cho khung của cánh quạt mới được tái tạo lại không được chắc chắn, việc làm cho đồng đều và cân bằng bằng cách dùng máy xoa nền hay dùng tay như đã nói trong ảnh số 3 khi bề mặt mới của cánh quạt đầy đặn và đồng đều sẽ giúp tăng chất lượng chảy của bơm. (ảnh 7)

8. **Lúc này đã sẵn sàng để quét sơn lên khắp bề mặt** cánh quạt bằng cách dùng Flexible Ceramic Red nhãn hiệu Devcon loại 11760 (màu đỏ) cho đợt quét sơn thứ nhất với độ dày 15 - 20 mil, việc này sẽ giúp các vết lồi lõm trở nên đồng đều sau đó có thể quét thêm lần nữa trong vòng 3-16 giờ với Flexible Ceramic loại 11765 (màu xanh) Blue nhãn hiệu Devcon, hệ thống quét sơn 2 lần sẽ giúp sơn lấp đồng đều lên khắp bề mặt (ảnh số 8).

****Lưu ý**** - Cánh quạt Stainless Steel phải có sự chuẩn bị để quét sơn khác nhau, nên liên hệ với công ty TNHH Pacific And Fire AEC để có thêm chi tiết.

- Phải luôn nhớ rằng, trong việc quét sơn lên bề mặt cánh quạt và áo trong của bơm nên giữ khoảng trống tiêu chuẩn được giới hạn của nhà sản xuất để không quét sơn vượt quá giới hạn cho phép.

- Lực chấn động làm cho áo trong và cánh quạt bị ăn mòn, việc sửa chữa và giữ khoảng trống hợp lý theo tiêu chuẩn đã được quy định có thể dùng Devcon loại WEAR GUARD để tăng thêm chất lượng cho sức chịu đựng sự ăn mòn lên một mức độ nữa. xem thêm chi tiết tại T12.

- Khi cần cài đặt trọng tâm của trục và cánh quạt nên làm sau bước chuẩn bị bề mặt để sửa chữa các phần bị ăn mòn và cân bằng khắp bề mặt của lần đầu cho khô xong rồi đặt tâm trục và trở lại cân bằng bề mặt lần 2.

- Các bước trong việc sửa chữa các vùng bị xói mòn, kiểm tra bằng cách dỡ ra để có thể nhìn thấy sự ăn mòn, nên chỉ sửa chữa những vùng đó mà không cần phải chà Epoxy đã được sơn trong đợt sửa chữa trước, có thể sửa chữa riêng lẻ các phần bằng cách dùng sơn Devcon loại 11760 (màu đỏ) hoặc loại 11765 (màu xanh) trước khi sơn nên làm vệ sinh sạch sẽ theo các bước và sau đó có thể sơn lấp luôn.



Phần thân bơm được quét với BRUSHABLE CERAMIC.



Bơm Fly - ex được tái tạo lại bề mặt bằng cách dùng WEAR GUARD FINE LOAD.



T11

THIẾT BỊ

FOOT

ABRASION/CORROSION&WEAR

SỰ BẢO VỆ BỀ MẶT VÀ PHỦ SƠN ĐỂ TẠO RA KIM LOẠI MỚI

Devcon®



Carbide Epoxy Putty : loại 10050 (3 pound hay 1,35 kg)

Sửa chữa : việc sử dụng Ceramic Repair Putty là một sự lựa chọn nữa trong việc tiết kiệm chi phí và Epoxy đối việc tạo ra kim loại mới hay bảo vệ bề mặt của khớp nối, máy nghiền, hệ thống băng tải, phần bên trong của ống thông gió.

Độ đứt khi kéo bằng cách đo độ dẻo dai : 1350 pounds/inch²

Số đo độ đông cứng : 85 Shore D

Màu sau khi khô : xám

Chịu nhiệt độ khô/hơi nước : khô : 120°C , ướt : 50°C

Thời gian khô và thời gian đông cứng : 5 phút/lần 2 : 3-6 giờ

Thời gian sử dụng : 20 phút

Tỉ lệ theo khối lượng : 4: 1

WEAR GUARD TROWELABEL ABRASION/CORROSION & WEAR EPOXIES
EPOXY CHỐNG MÀI MÒN / SỰ BẢO VỆ VỚI HỆ THỐNG SƠN LỚP BAO BỌC



Khay nạp máy nghiền được sửa chữa bằng cách dùng

Wear Guard High Load



Bên trong ống được sửa chữa và phủ sơn bởi

Wear Guard High Load



Bơm Fly-ex được tạo bề mặt mới bằng

Wear Guard Fine Load



ống chuyển than đá được phủ sơn chống ăn mòn bởi

Wear Guard Fine Load

Wear Guard High Load : loại 11490 (30 pound)

Wear Guard High Load : loại 11490 (30 pound)

Nhận vật liệu chuyển qua có kích cỡ lớn hơn 0,17 mm Phù hợp với việc sửa chữa máy móc, hệ thống băng tải-vận tải/ hệ thống ống cống / khớp nối/ đường sắt. Có hiệu suất cơ giãn tốt.

Mức độ bao phủ : 9,68m² / thùng ở độ dày 6 mm

Kích cỡ hạt aluminaoxide : số 8 - 12 (2,38 - 1,68 mm)

Sức nén : 11000 pounds / inch²

Số đo độ đông cứng : 87 Shore D

Màu sau khi khô : Xám

Chịu nhiệt độ khô / hơi nước : khô 150°C

Wear Guard Fine Load : loại 11470 (30 pound)

Nhận vật liệu chuyển qua có kích cỡ lớn hơn 0,17 mm

Có sự kháng cự hóa chất, bụi bặm và các hạt li ti

Phù hợp với ống chuyển than đá, hệ thống máy đánh bóng, máy bơm chất lỏng/ hệ thống nước thải Có hiệu suất trong việc cơ giãn tốt

Mức độ bao phủ : 9,68m²/ thùng ở độ dày 6mm

Kích cỡ hạt aluminaoxide : số 12 - 20 (1,68 - 0,84 mm)

Sức nén : 11000 pounds / inch²

Số đo độ đông cứng : 87 Shore D

Chịu nhiệt độ khô / hơi nước : khô : 150°C ướt : 60°C



Wear Guard High Load
loại 11490.



Wear Guard High Temp : loại 11480 (30 pound)

Để bảo vệ trong nhiệt độ cao và sự ăn mòn, có hiệu suất trong sự cơ giãn tốt.

Nhận vật liệu chuyển qua có kích cỡ lớn hơn 0,17 mm

Mức độ bao phủ : 11,6m²/ thùng ở độ dày 6 mm

Kích cỡ hạt aluminaoxide : số 12 - 20 (1,68 - 0,84 mm)

Sức nén : 13200 pounds / inch²

Số đo độ đông cứng : 85 Shore D

Chịu nhiệt độ khô/ hơi nước : khô 275°C, ướt : 60°C.

FOOT

T12

THIỆT BỊ

ABRASION/CORROSION&WEAR

SỰ BẢO VỆ BỀ MẶT VÀ PHỦ SƠN ĐỂ TẠO RA KIM LOẠI MỚI

Devcon®

DFense Blok™

DFense Blok™ is a revolutionary wear and abrasion protection epoxy compound formulated to significantly outlast traditional wear and abrasion products while also providing superior performance in the most severe conditions.

Dfense Blok : loại 11330 (30 pound) là sản phẩm mới của DEVCON mà sẽ giúp thêm hiệu suất trong sự bảo vệ bề mặt và phủ sơn để tạo ra kim loại mới bao gồm cả mức độ chịu sự va chạm, sự ma sát có hiệu suất cao, sử dụng bền lâu, chất DEVCON không bị tan chảy, chống được nhiều loại hóa chất.

Dfense Blok Surface Wetting Agent : loại 11340 và sản phẩm High Load, Fine Load. Dfense Blok được dùng để thêm hiệu suất độ nén giữa DEVCON với bề mặt kim loại, thêm hiệu suất ngăn bị rơi ra, sự phân tán và bị rơi ra do va chạm, Dfense Blok Surface Wetting Agent loại 11340 dùng để lót trước rồi sử dụng sản phẩm của DEVCON ngay sau đó mà không cần phải đợi.

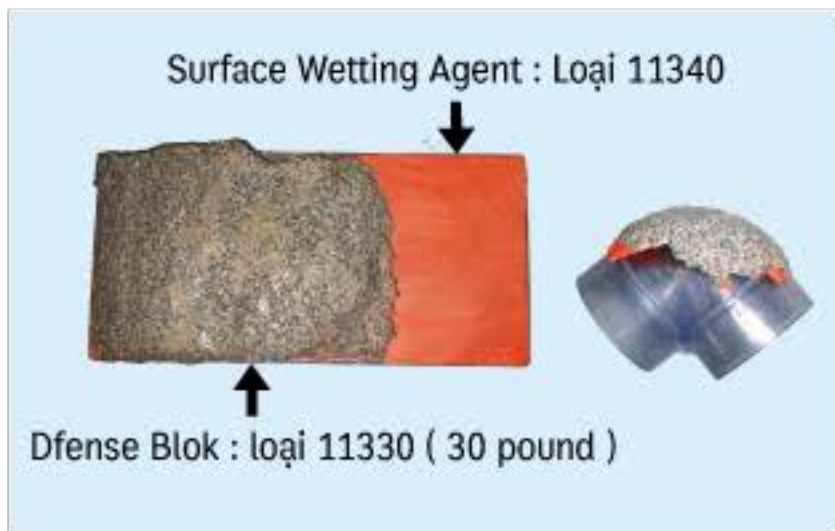
Sửa chữa sử dụng Dfense Blok loại 11330 và Dfense Blok Surface Wetting Agent loại 11340 trong việc sửa chữa ống, khớp nối, đường ray, bể, thùng chứa và cánh quạt vận tải.

Dfense Blok : loại 11330 (30 pound)

Mức độ bao phủ
Kích cỡ hạt aluminaoxide
Sức nén

Độ hút khí kéo bằng cách đo độ dẻo dai
Số đo độ đông cứng
Chịu nhiệt độ khô/hơi nước

: 9,2m²/ thùng ở độ dày 6mm
: số 8 - 20 (2,38 - 0,84 mm)
: 7145 pounds/inch²
: 2,616 pounds/inch²
: 77 Shore D
: khô : 300°C
hơi nước : 140°C.



POWER Mixer with Paddle



Thiết bị điện dành cho việc pha trộn sản phẩm của DEVCON ABRASION/ CORROSION AND WEAR dùng để pha trộn rê-xin và chất làm đông cứng thành một với nhau một cách có hiệu quả, thiết bị có mô-tơ điện để xoay thùng và có mái chèo bên trong dành cho người pha trộn, có bánh xe để giúp di chuyển thiết bị dễ dàng, sử dụng điện 220 V/ 50 HZ/1PH, trọng lượng 37kg.

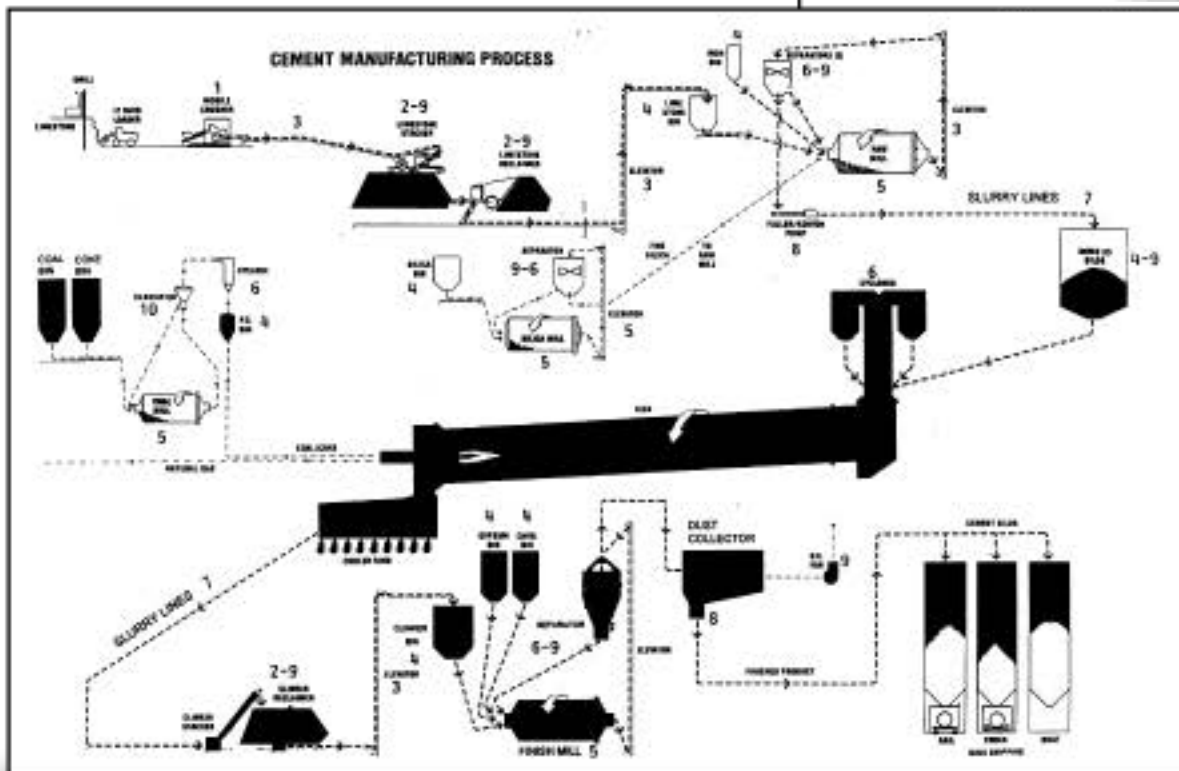
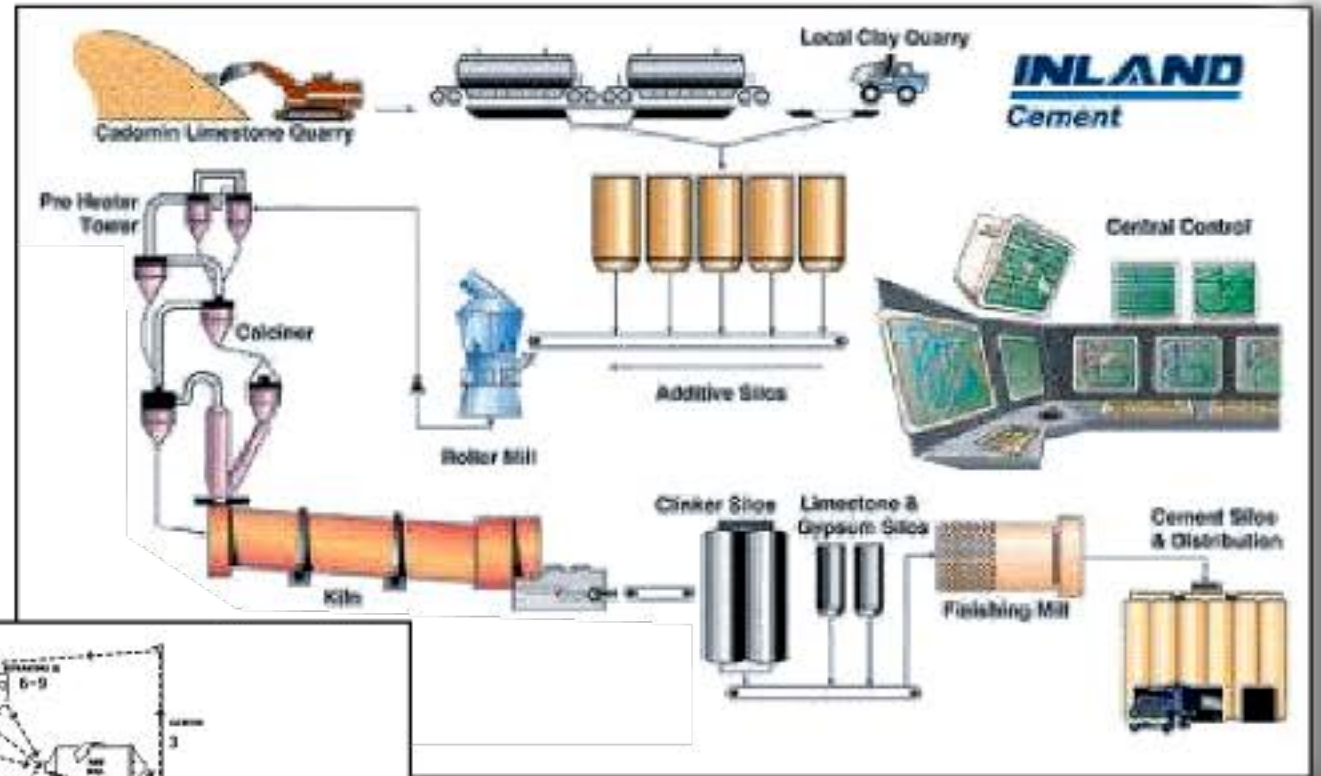
T13

THIẾT BỊ

TOOL

CEMENT PLANT NHÀ MÁY SẢN XUẤT XI MĂNG

Devcon®



Khu vực Dành Cho Thiết Bị.

1. Máy nghiền hình nón/ xoay liên tục
2. Máy xếp đá vôi/ máy sửa lại để dùng
3. Dây đai băng tải
4. Thang nâng máng xúc
5. Thùng bùn, thùng silon/ miệng hình nón máy nghiền đá viên
6. Máy nghiền (máy nghiền silic, máy xay thô và máy giã)
7. Máy tách cyclone.
8. Ống bùn, ống gió.
9. Máy bơm bùn
10. Máng băng tải và phễu nạp
11. Bộ tách.

Vấn Đề

- Tấm dán
- Thùng bị ăn mòn
- Dây đai
- Thùng xúc urêthane/ sắt
- Sửa cao su bao bọc và sắt bọc mà vật liệu va đập
- bộ sửa chữa làm từ cao su
- Tấm dán máy hỗ trợ từ phía sau, tấm dán dầu và diaframe
- Tấm dán máng nạp, khớp nối cong chỗ đường vào tấm dán bị ăn mòn, tấm dán thả ra
- Lỗ khắc ở chỗ khắc mặt trong , hỗ trợ trục tai.
- gió bị ăn mòn
- tái tạo lại bề mặt bị ăn mòn hoặc cài đặt thiết bị mới
- ngói ceramic Atlech
- ăn mòn ở bề mặt phức tạp (cao su bị ăn mòn trực tiếp)
- thay thế phễu vôi phun bị ăn mòn
- chỗ bị ăn mòn nhẹ ở vùng đường thẳng và đường cong.
- Thân máy, tấm hút và chỗ thả ra.
- Vùng bị ăn mòn cao chủ yếu.
- Bị ăn mòn do mài mòn chỗ đường xuống
- Sửa chữa dao chia và hạ tầng thông thường
- Máy tách bên trong tấm dán cao su.

Vấn Đề / Cách giải quyết vấn đề

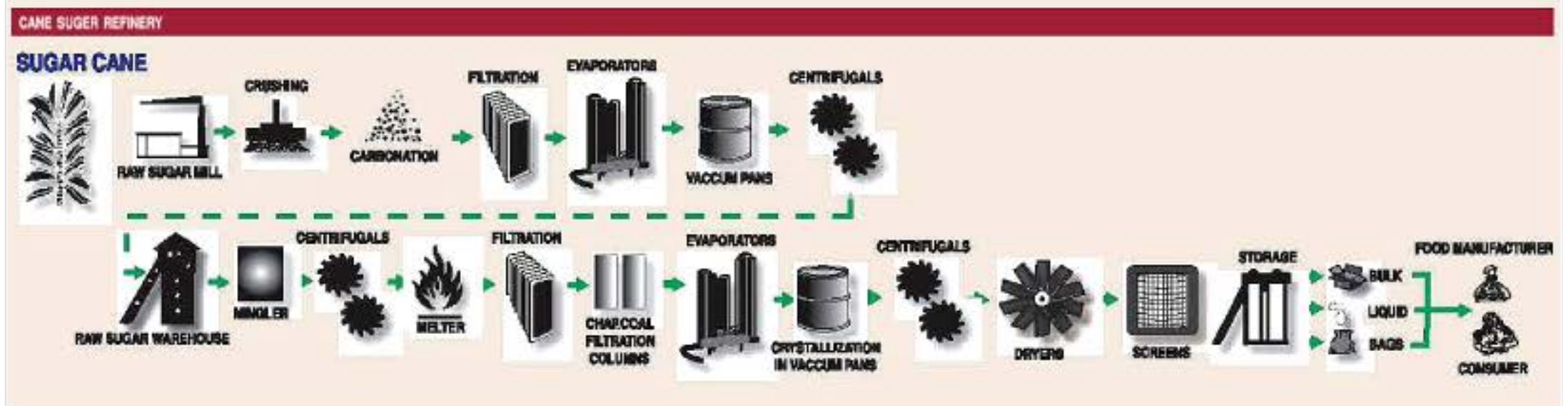
- Dùng thuốc hỗ trợ có hiệu suất cao (Korrobond)
- Dùng High Load loại 11490 Ceramic Wear
- Bộ sửa chữa làm từ cao su.
- Dùng ceramic wear/bộ sửa chữa làm từ cao su
- Bộ sửa chữa làm bằng cao su.
- Bộ High Load loại 11490
- Dùng thuốc hỗ trợ có hiệu suất cao (DE025)
- Dùng High Load loại 11490 Wear Guard sửa chữa Ceramic
- Dùng nhựa bao bọc sắt
- Dùng thuốc Flexane 80 Putty loại 15800
- Dùng ultra quartz
- Keo dán gạch ngói
- Dùng High Load loại 11490 Temp 450 loại 11480
- Dùng Fas Metal loại 10780 Fine Load loại 11470
- Dùng Ceramic Wear / Ceramic Repair loại 11700 Fine Load loại 11470
- Dùng Fine Load loại 11470 Ceramic Wear
- Dùng High Load loại 11490
- Bộ sửa chữa làm từ cao su.

T14

THIẾT BỊ

SUGAR FACTORY

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐƯỜNG ĂN



CHĂM SÓC, SỬA CHỮA VÀ ĐIỀU CHỈNH THIẾT BỊ SẢN XUẤT

RAWCANE PROCESSING : KNIFE REPAIR AND CONVEYOR BELT REPAIR (sửa chữa lưỡi dao và dây đai băng tải).

Nguyên nhân : lưỡi dao bị mài mòn và dây đai bị hư hỏng.

Cách xử lý : Dùng Devcon loại 10760 Titanium (sức chịu đựng và sức nén) để sửa chữa mặt dao (trang T4)
Dùng Devcon loại 10110 plastic steel A để sửa chữa bề mặt kim loại thông thường (trang T2)

CRUSHING – GROOVED ROLLERS AND CENTRIFUGAL BASKETS.

Nguyên nhân : do sự ma sát và sự mài mòn của rãnh lăn.

Cách xử lý : Dùng Devcon loại 11700 Ceramic Repair Putty để sửa chữa bề mặt bị xước
Dùng Devcon loại 11760 (màu đỏ) và loại 11765 (màu xanh) để quét sơn lên bề mặt (trang T9)
Dùng Devcon loại 10760 Titanium để sửa chữa thân trục (trang T4)

Nguyên nhân : sự ma sát và sự mài mòn của lớp áo ngoài dạng sừng.

Cách xử lý : Dùng Devcon loại 11760 (màu đỏ) và loại 11765 (màu xanh) để quét sơn bên trong (trang T9)
Dùng Devcon loại 10780 cho việc làm mới bề mặt chỗ bị mài mòn.

BAGASSE HANDLING : CORROSION AND ACID PROTECTION (bảo vệ khỏi sự ma sát và ăn mòn từ axit).

Dùng Devcon loại 11700 Ceramic Repair Putty để sửa chữa lớp vỏ bị xước (trang T9)

Dùng Devcon loại 11760 (màu đỏ) và loại 11765 (màu xanh) để quét sơn bên trong bảo vệ khỏi sự ăn mòn từ axit (trang T9).

Dùng Devcon loại 10270 (ST) Stainless Steel Putty để sửa chữa thùng và tấm thép làm từ Stainless (trang T3).



JUICE PRODUCTION – SPLIT CASE PUMPS (máy bơm trang T10 và T11)

Dùng Devcon loại 11760 (màu đỏ) và loại 11765 (màu xanh) để quét sơn bên trong bơm (trang T9)

CO – GENERATION (trang T6) sản xuất điện bằng nông sản.

Quạt hút gió – dùng Devcon loại 11760 (màu đỏ) và loại 11765 (màu xanh) để quét sơn cánh quạt

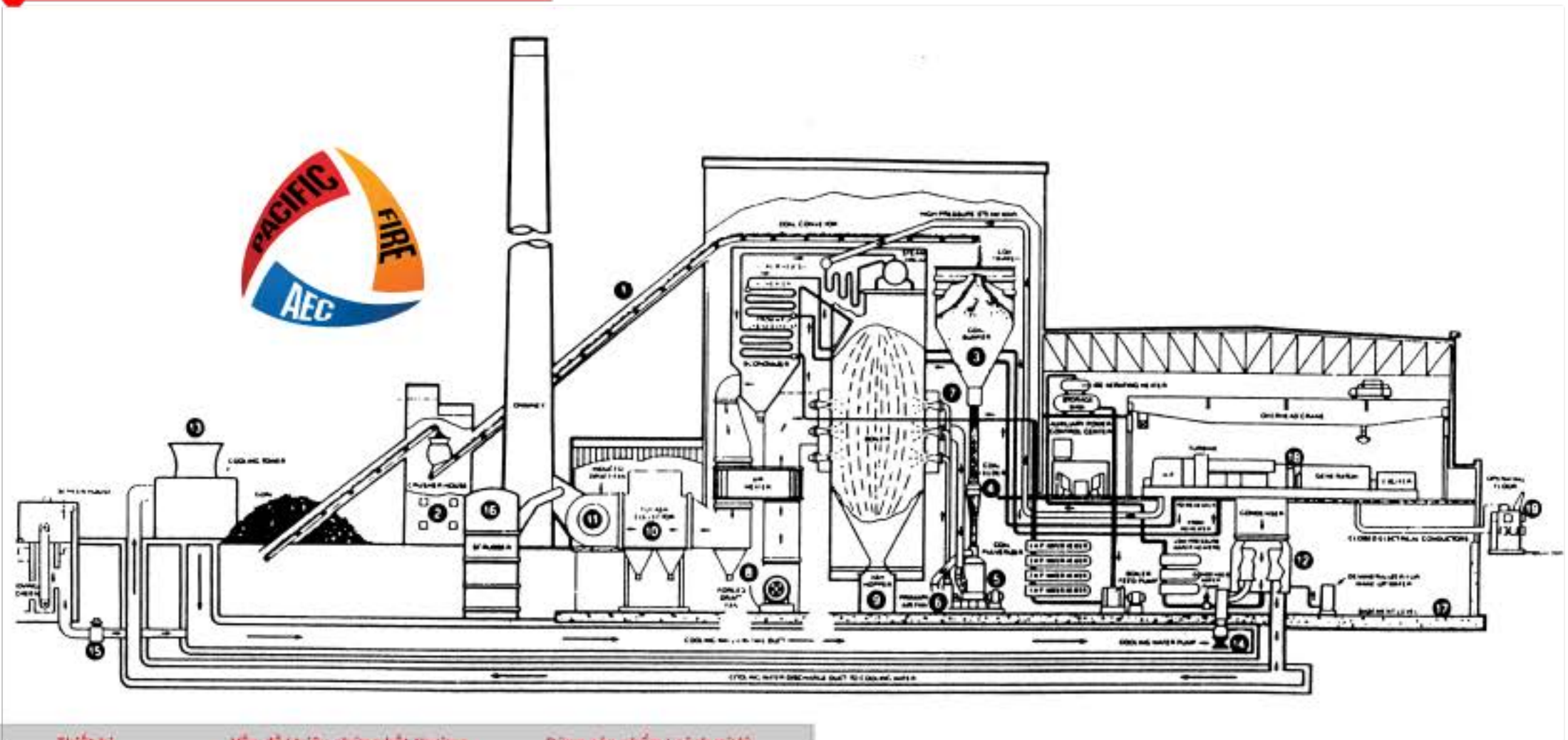
(trang T16).

HEAT EXCHANGERS – Heat Exchanger Repair sửa chữa máy trao đổi nhiệt (trang T7).



POWER PLANT (LIGNITE) NHÀ MÁY ĐIỆN

Devcon®



Thiết bị	Vấn đề/ triệu chứng bất thường	Dùng sản phẩm/ cách xử lý
1. Dây đai	Viên bị hư hỏng/ dây bị xé ra, thô sần	Dùng bộ sửa chữa flexane Repair kit / xi măng flexane 80 loại 15820.
2. Buồng nghiền	Hiện tượng ăn mòn ở rãnh và điểm nhận vật liệu Ròng rọc không đồng đều	High Load xi măng loại 11490 Fine Load loại 11470
3. Tường buồng chứa than đá	Rãnh thà bị ăn mòn	Dùng High Load loại 11490
4. Dụng cụ nạp than đá	Phểu / điểm thà bị ăn mòn	Dùng High Load loại 11490.
5. Máy nghiền	Gạch ceramic bị ăn mòn	Dùng keo Tile adhesive
6. Quạt hút gió chính	Rãnh và rong bị ăn mòn	Dùng High Load loại 11490
7. Ống dẫn dầu, nhiên liệu và khớp nối ống	Ceramic bị hư hỏng/ ăn mòn, hiện tượng mài mòn ở ống nạp, vỏ ống và bên trong phểu.	Dùng High temperature 450 loại 11480 High Load loại 11490
8. quạt phụ	Trục và hộp bi bị ăn mòn	Dùng xi măng titanium
9. phểu tro	Thân quạt và cánh quạt bị ăn mòn	Dùng High Load loại 11490 Fine Load loại 11470
10. buồng chứa tro	gạch ceramic bị hư hỏng và ăn mòn. Bị lũng nhỏ bằng mắt kiến	Dùng ceramic Repair loại 11700
11. quạt hút phụ induced draft fan	Vỏ ống bị mài mòn mạnh	Dùng ceramic repair loại 11700
12. tháp ngưng tụ	Gạch ceramic bị ăn mòn/hư hỏng	Dùng High Load loại 11490
	Trục / hộp bi bị ăn mòn	Dùng keo Tile Adhesive
	Thân và cánh quạt bị ăn mòn	Dùng xi măng titanium
	Thân phểu và cổ phểu bên dưới bị ăn mòn	Dùng Fine Load loại 11470 High Load High Impact loại 11460
	Thân buồng và bề mặt của máy phân ly bị ăn mòn	Dùng High Temperature 450 loại 11480
	Thân và cánh quạt bị ăn mòn.	Dùng Ceramic repair/ vật liệu ceramic được dùng là loại có thể chải làm vệ sinh được.
	Trục, vòng đệm và hộp bi bị ăn mòn	Dùng High Temperature 450 loại 11470. High Load loại 11490.
	Buồng ngưng tụ tường bị ăn mòn thành ống/ tấm/ các đầu khác bị ăn mòn	Dùng xi măng titanium
		Dùng xi măng titanium
13. ống thoát nhiệt	Cánh quạt bị ăn mòn/ bị lột.	Dùng ceramic repair / vật liệu ceramic được dùng là loại có thể chải để làm vệ sinh được.
14. máy bơm nước	Cánh quạt bị lỏng Hiện tượng mài mòn/ hút khí	Dùng xi măng titanium. vật liệu ceramic được dùng là loại có thể chải để làm vệ sinh được.
15. bơm phân phối	Hiện tượng hút khí, thân máy và cánh quạt bị ăn mòn	Dùng xi măng titanium. vật liệu ceramic được dùng là loại có thể chải để làm vệ sinh được/ dùng ceramic repair
16. hệ thống chứa khí từ nước và chất lỏng	Hộp bi bị lỏng Tạo buồng bơm mới.	Dùng xi măng titanium Dùng ceramic repair/ vật liệu ceramic được dùng là loại có thể chải để làm vệ sinh được.
17. sàn, nền, lối lên xuống	Cao su/ vòng đệm Yurethane bị mòn Vòng đệm bị ăn mòn.	Dùng bộ sửa chữa flexane repair kit Dùng High Temperature 450 vật liệu ceramic được dùng là loại có thể chải để làm vệ sinh được.
18. Nền cánh quạt tua bin	Có vết hư hỏng từ va chạm và phểu ở bề lũng bị ăn mòn, hư hỏng	Dùng xi măng flexane 80 Dùng xi măng flexane 80
19. Máy biến áp	Bê tông bị vỡ/ hư hỏng bề mặt trơn, gây nguy hiểm mới sơn sàn hay mới đổ bê tông	Dùng floor patch Dùng floor patch/ non skin 3500 Dùng Epoxy sealer 100 Epoxy coat 7000,8000.
	Bê tông bị vỡ/ hư hỏng	Dùng floor patch/ Epoxy coat 7000
	Tấm sắt diamond plate bị vỡ	Dùng floor grip
	Bị ăn mòn/ gỉ sét	Dùng ceramic repair/vật liệu ceramic được dùng là loại có thể chải để làm vệ sinh được
		Dùng bộ sửa chữa Rubber Repair. Brushable Ceramic Repair loại 11760/ loại 11765
		Dĩa bị sứt mẻ

TOOL

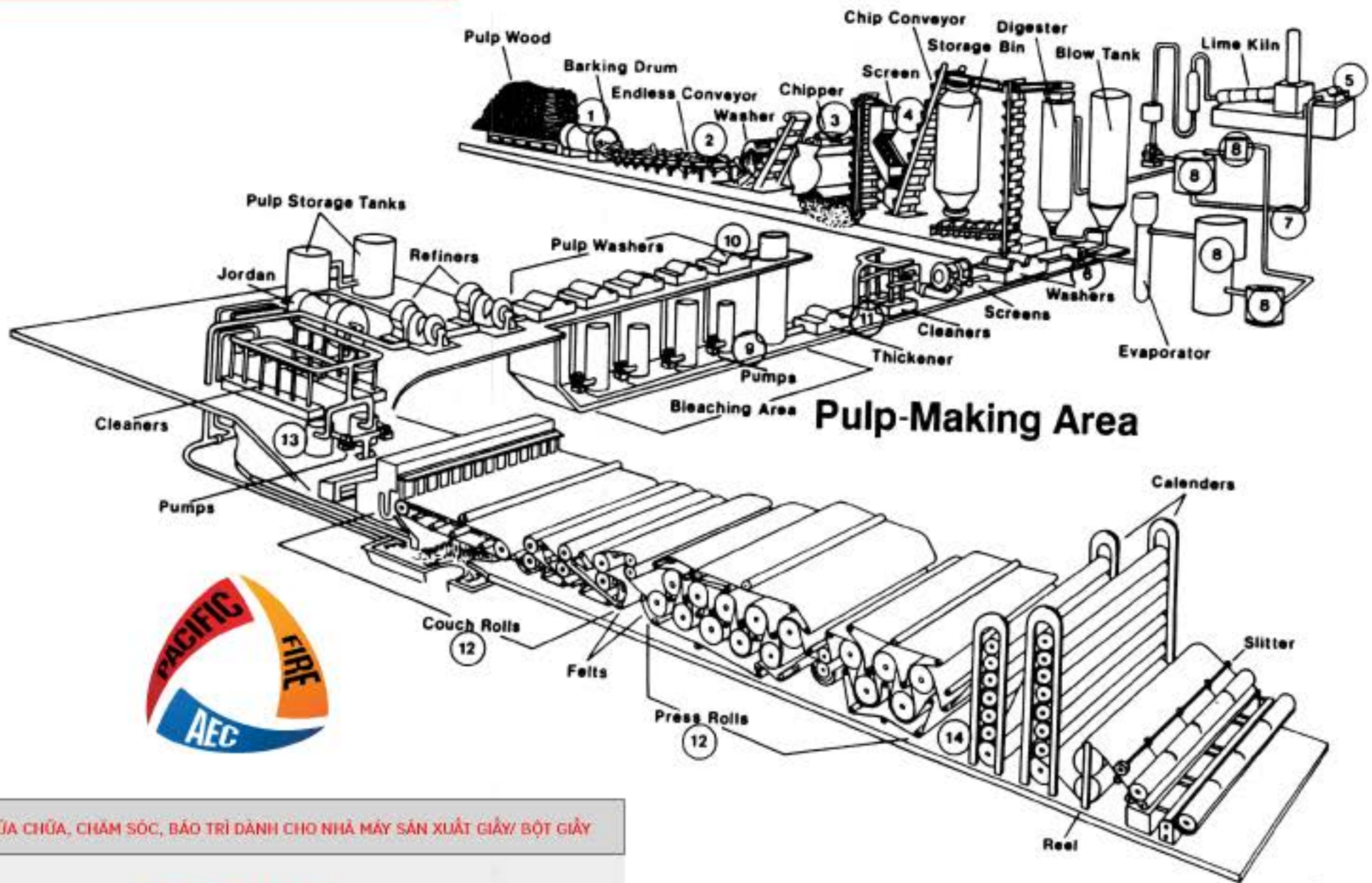
T16

THIẾT BỊ



PUMP & PAPER PLANT NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY

Devcon®



SẢN PHẨM SỬA CHỮA, CHĂM SÓC, BẢO TRÌ DÀNH CHO NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY/ BỘT GIẤY

Đơn vị nguyên liệu (gỗ)

Thiết bị	Vấn đề / hiện tượng bất thường xảy ra	Dùng sản phẩm / cách xử lý
1. Buồng lột vỏ cây	Bên trong buồng có dấu hiệu mài mòn / xuất hiện lỗ	Dùng Fine Load loại 11470 Dùng High Load loại 11490
2. Đơn vị dăm gỗ và dây đai	Dây đai bị mòn, giãn và xuất hiện lỗ	Dùng xi măng Flexane 80 Putty loại 15820
3. Cyclone tấm gỗ	Thân, cánh quạt bị ăn mòn	Dùng High Load loại 11490.
4. Phễu chứa và sàng lọc	Xuất hiện lỗ mất kiên + bị mài mòn nặng	Dùng xi măng Ceramic Repair loại 11700 Fine Load loại 11470.

Đơn vị sản xuất giấy

Thiết bị	Vấn đề / hiện tượng bất thường xảy ra	Dùng sản phẩm / cách xử lý
5. Bơm nước nấu bột trong suốt/ đục	Xuất hiện hiện tượng hút khí bộ phận bên trong bị ăn mòn.	Dùng bộ Ceramic Repair loại 11700 / vật liệu Ceramic được dùng là loại có thể chải làm vệ sinh được.
6. Bơm hóa chất tất cả các bể trong đơn vị hóa chất, ăn mòn tấm lót và nền bơm.	Bị ăn mòn bởi hóa chất + vòng ốc bị	Dùng bộ Ceramic Repair loại 11700, xi măng Titanium / vật liệu Ceramic được dùng là loại có thể chải làm vệ sinh được.
7. Vòng xung quanh bể phản ứng	Bề mặt bê tông xuất hiện lỗ dẫn đến việc hấp thụ hóa chất	Dùng Ultra Quartz / Epoxy Sealer AR Barrier.
8. Bể chứa, nước nấu bột trong/ đục/ nước xi măng chất ăn mòn. /bể chứa.	Mặt bể xuất hiện lỗ/ bị thủng do hóa chất ăn mòn.	Dùng zip patch/ Magic Bond Stick/ Ceramic Repair/ vật liệu Ceramic được dùng là loại có thể chải làm vệ sinh được.

Đơn vị sản xuất bột giấy

Thiết bị	Vấn đề / hiện tượng bất thường xảy ra	Dùng sản phẩm / cách xử lý
9. Đơn vị tẩy trắng	Bề mặt bị ăn mòn do hóa chất	Dùng floor patch / Epoxy Sealer 100 / EC 7000 Non Voc
10. Bơm phân phối/ bơm hút chân không(rùa bột)	Xuất hiện vết ăn mòn / hiện tượng hút khí bên trong do hóa chất ăn mòn.	Dùng Ceramic Repair / vật liệu Ceramic được dùng là loại có thể chải làm vệ sinh được.
11. Bể mặt xung quanh	Tấm lót và nền bơm bị mài mòn do hóa chất ăn mòn/ bị xói mòn và hư hỏng nặng do hóa chất.	Dùng Ultra Quartz / Floor patch Dùng Ultra Quartz / Epoxy Sealer 100
12. Con lăn cao su/ con lăn ăn/ con lăn dài.	Xuất hiện vết nứt mẻ/ vết xước trên bề mặt + viền cạnh.	Dùng Flexane Rubber Repair loại 15820.
13. Bơm hút/ bơm hút chân không/ bơm khác.	Xuất hiện hiện tượng hút khí và mài mòn bên trong.	Dùng Ceramic Repair / vật liệu Ceramic được dùng là loại có thể chải làm vệ sinh được.
14. Bể mặt xung quanh.	Mặt bê tông bị xói mòn, xuất hiện lỗ xuất hiện lỗ do hóa chất ăn mòn /lót/ trơn.	Dùng EC 7000 Non Voc Epoxy Sealer 100 dùng Non - Skin 3500

FOOT

T17

THIẾT BỊ

CASTING & MOLDING

DÙNG ĐỂ TẠO KHUÔN MẪU

Devcon®



PLASTIC STEEL LIQUID

STEEL AND ALUMINUM CASTING

MOLD, CASTING AND LIQUID EPOXY COMPOUNDS

(Epoxy pha trộn dạng lỏng dành cho khuôn và gang)

Plastic Steel Liquid B : loại 10210 (454 g) : loại 10230 (25 pound)

Cách sử dụng : Epoxy dạng lỏng có sắt dùng cho thiết bị dùng để kết dính khuôn và các bộ phận của khuôn, sau khi đông cứng có thể tạo lỗ và tạo xoắn ốc mới.

Màu sau khi khô	:	màu xám đen
Độ hút khi kéo dựa trên độ dẻo dai	:	2800 pounds / inch ²
Độ đông cứng	:	85 Shore D
Thời gian lấy khuôn đúc ra	:	10 giờ / thời gian đông cứng : 16 giờ
Thời gian sử dụng	:	20 phút

Tỉ lệ trung bình : pha trộn để đông cứng một cách hoàn hảo với Epoxy dạng lỏng có cao su tổng hợp.

Oil Paste B -2 : loại 370701.

Cách sử dụng : dùng bên trong khuôn trước khi đổ, sơn Devcon dạng lỏng để tháo khuôn ra dễ dàng hơn.

Aluminum Liquid F - 2 : loại 10710 (454 g)

Cách sử dụng : Epoxy dạng lỏng có nhôm dành cho dụng cụ kết dính, khuôn và các bộ phận của khuôn, làm cho đồng đều dùng máy móc trong việc giữ cho thẳng. sau khi đông cứng có thể tạo lỗ và xoắn ốc mới. dành cho việc chế biến thành kim loại.

Màu sau khi khô	:	màu nhôm
Độ hút khi kéo dựa trên độ dẻo dai	:	2700 pounds / inch ²
Độ đông cứng	:	85 Shore D
Thời gian lấy khuôn tháo khuôn đúc ra	:	10 giờ / thời gian đông cứng : 16 giờ
Thời gian sử dụng	:	20 phút

Tỉ lệ trung bình : pha trộn để đông cứng một cách hoàn hảo với Epoxy dạng lỏng có cao su tổng hợp.

Aluminum Wear Compound : loại DE087 20 pound (9kg)

Cách sử dụng : dùng để lấp vết lõm hoặc sửa chữa khuôn mẫu* trám lỗ hoặc khe hở ở gang* bảo vệ khỏi gỉ sét ở kim loại mới.

Nguyên liệu	:	Putty màu xám đen
Độ hút khi kéo dựa trên độ dẻo dai	:	2580 pounds / inch ²
Độ đông cứng	:	85 Shore D
Màu sau khi khô	:	màu xám
Giới hạn khoảng thời gian đông cứng	:	5 phút @ 12,5 mm
Thời gian sử dụng	:	20 phút
Tỉ lệ trung bình	:	9 : 1

MOLDING URETHANE RUBBER LIQUID EPOXY COMPOUNDS

(Epoxy dạng lỏng có cao su Urethane)

Flexane 80 : loại 15800 (454 g)

Cách sử dụng : Epoxy dạng lỏng có urethane dành cho khuôn mẫu có độ đàn hồi, khuôn và các bộ phận của khuôn, sau khi đông cứng có thể tạo lỗ, tạo xoắn ốc mới, quét sơn và bảo vệ các thành phần cấu tạo của thiết bị điện tử, cuộn dây trải qua va đập hoặc chịu lực chấn động.

Màu sau khi khô	:	đen
Độ hút khi kéo dựa trên độ dẻo dai	:	2100 pounds / inch ²
Độ căng tối đa	:	650%
Độ đông cứng	:	87 Shore A
Chịu nhiệt tối đa	:	khô : 82°C , ướt : 50°C
Thời gian tháo khuôn đúc ra	:	10 giờ / thời gian đông cứng : 16 giờ
Thời gian sử dụng	:	20 phút

Tỉ lệ trung bình : pha trộn để đông cứng một cách hoàn hảo với Epoxy dạng lỏng có cao su tổng hợp.

Lưu ý : dùng quạt gió nóng để thổi trên bề mặt ngoài của khuôn mẫu để xóa bong bóng khí ra khỏi chỗ pha trộn.

Sửa chữa khuôn : Metallic Putty loại 205200.

Epoxy dạng 3 phần dùng để sửa chữa khe hở, các vết xước xấu trên bề mặt, trên máy phun. Cách dùng : chuẩn bị bề mặt theo trang (T-5) quét Epoxy lên bề mặt bằng cách dùng máy xoa nền hoặc nhét vào vết nứt bằng cách dùng dụng cụ nhọn, súc nén cao và có thể đánh bóng.



Loại DE087
Aluminum Wear Compound



RUBBER CASTING



T18

THIẾT BỊ

TOOL

RUBBER REPAIR EPOXY

EPOXY SỬA CHỮA DẠNG CAO SU

Devcon®

URETHANE RUBBER REPAIR EPOXY COMPOUNDS

EPOXY SỬA CHỮA DẠNG CAO SU URETHANE LỎNG

Lưu ý : cách sử dụng sản phẩm của Devcon sau đây để có hiệu quả tốt nhất.

Loại 15980 (FL-10) dùng Devcon Epoxy dạng cao su urethane dành cho kim loại

Loại 15985 (FL-20) dùng Devcon Epoxy dạng cao su urethane dành cho cao su, gỗ, fiber glass và xi măng bằng cách dùng Devcon urethane sơn 2 lần trước khi phủ sơn bề mặt một lớp nữa.

Loại 15984 (FL-40) dùng để chống nứt cho các sản phẩm dạng cao su.

Flexane 80 : loại 15820 (1 pound hoặc 454 g)

Dùng để sửa chữa máy móc có sự va chạm, có vết ăn mòn, chấn động mạnh, sự giãn nở và sự co lại sửa chữa điểm và vết rạn nứt mạng nhện trên dây băng tải* dùng để kết dính khuôn* giảm tiếng ồn * việc sửa chữa dành cho công nghiệp cao su và hệ thống băng tải * công việc sửa chữa trong công nghiệp cao su hạng nặng* sửa chữa các thiết bị làm từ cao su.

Lưu ý : sử dụng Devcon để có hiệu quả tốt như sau :

Nguyên liệu	: putty màu đen
Độ đứt khi kéo dựa trên độ dẻo dai	: 1700 PSI
Độ bám tối đa	: 300%
Độ đông cứng	: 87 Shore A
Chịu nhiệt tối đa	: khô : 82°C, ướt : 50°C
Thời gian kết dính/ đông cứng	: 12 giờ
Thời gian sử dụng	: 20 phút
Tỉ lệ trung bình	: pha trộn hoàn hảo để cho kết quả tốt nhất.



Flexane HP Putty : loại 15330 (1 pound hoặc 454 g)

Epoxy dạng cao su có độ dẻo dai và đàn hồi dùng cho việc sửa chữa có sự va chạm, sự mài mòn và chấn động mạnh, sự giãn nở và co lại* sửa chữa điểm và vết nứt mẻ trên dây băng tải* dùng để kết dính khuôn* giảm tiếng ồn * việc sửa chữa dành cho công nghiệp cao su và hệ thống băng tải * việc sửa chữa khe hở và vết nứt trong công nghiệp cao su hạng nặng.

Lưu ý : sử dụng Devcon để có hiệu quả tốt như sau :

Nguyên liệu	: Putty màu đen.
Độ đứt khi kéo dựa trên độ dẻo dai	: 4500 PSI
Độ bám tối đa	: 600%
Độ đông cứng	: 87 Shore A
Chịu nhiệt tối đa	: khô : 80°C, ướt : 50°C
Thời gian lấy ra khỏi khuôn đúc	: 1,5 giờ
Thời gian đông cứng	: 16 giờ
Thời gian sử dụng	: 20 phút.



Flexane 80 : Loại 15820



Flexane HP Putty : Loại 15330



Loại FL-10 lót bề mặt kim loại
Loại FL-40 lót bề mặt làm cho dính chặt
Loại FL-20 Lót bề mặt cao su

DELIVERY HOSE



Dùng để sửa chữa ống dẫn dầu



Loại 15330 dùng để sơn trên bề và dưới ống để giảm lực va chạm



Loại 15330 dùng để phủ sơn lên tấm kim loại để giảm lực chấn động



Loại 15330 dùng để sơn bề mặt kim loại/ xi măng để chịu sự va chạm

T19

THIẾT BỊ

FOOT

PHYSICAL PROPERTIES – TÍNH CHẤT VẬT LÝ

Devcon®

TÍNH CHẤT VẬT LÝ

Tỉ lệ pha trộn theo khối lượng (tỷ-xin trên hóa chất làm đông cứng)	Trung bình (inch) trên pound	Độ bao phủ trên pound trên inch ở độ dày 1/4 inch.	Độ nhớt khi dùng hóa chất làm đông cứng (CPS)	Khoảng thời gian đông cứng của hóa chất pha trộn 1 pound dưới nhiệt độ 750F (phút)	Thời gian tháo khuôn đúc (giờ)	Nhiệt độ thực hiện công việc (độ ướt tối đa)	Nhiệt độ thực hiện công việc (độ khô tối đa)	Độ đóng cứng (Shore ASTM D2240)	Lực kéo khi kéo (pound/ inch2 ASTM D412)	Tỉ lệ co lại (inch / inch ASTM D2566)	Lực chống đứt (PSI ASTM D624)	Độ chống ăn mòn (sự mất mát trong lượng)	Lực giãn tối đa (100/ ASTM D412)	Độ chắc khi không dẫn điện (ASTM D149V/ ML)
---	------------------------------	--	---	--	--------------------------------	--	--	---------------------------------	--	---------------------------------------	-------------------------------	--	----------------------------------	---

Urethane dành cho việc sửa chữa cao su

FLEXANE 80 PUTTY	15820	72:28	23.5	94	Putty	20	12	120	180	87	1,700	0.0014	300	280	300	350
------------------	-------	-------	------	----	-------	----	----	-----	-----	----	-------	--------	-----	-----	-----	-----

Flexane High Performance Putty 15330

Flexane Fast Cure 15049

Flexane 80 Liquid 15800

Flexane 94 Liquid 15250

Flexane Brushable 15350

15330	94:6	23.5	94	Putty	10	10	120	180	78	4,500	0.12	400	140	600	350
15049	80:20	23.5	94	Putty	9	1.5	120	180	90	2,200	0.0025	200	280	350	350
15800	77:23	26.5	106	Liquid	30	10	120	180	87	2,100	0.0018	350	285	650	350
15250	69:31	26.5	106	Liquid	10	5	120	180	97	2,800	0.0014	415	330	500	350
15350	80:20	26	-	Liquid	45	16	120	180	86	3,500	0.23	400	90	600	340

Belt Repair 15165

Flexane Belt Repair Kit

Edge & Seal

(T-35) DF 039

High Temp Edge & Seal

(T-36) DF 045

15165	72:28	23.5	94	Putty	25	10	120	180	87	1,700	0.0014	300	280	300	350
DF-039 (T-35)	80:20	26.5	94	Putty	26.5	3	120	180	94	3,300	0.0014	430	250	450	350
DF-045 (T-36)	80:20	26.5	94	Putty	25	3	250	350	94	3,300	0.0014	515	88	350	350



APPLICATORS (súng bắn Epoxy)



Mã số súng bắn	dầu pha trộn	tỉ lệ	dùng chung với
Loại 14280 - 1:1 (50ML)	14285	1:1	Plastic Welder (14340) ; Plastic Welder II (14340) ; Flex Welder 14345 ; Epoxy Plus 25 (14278)
Loại 14280 - 10:1 (50ML)	14285	10:1	Metal Welder (14366)
Loại 15043 (380ML)	15074	4:1	Edge & seal (DF039) ; High temp Edge & seal (DF045) Flexane Fast Cure (15049)



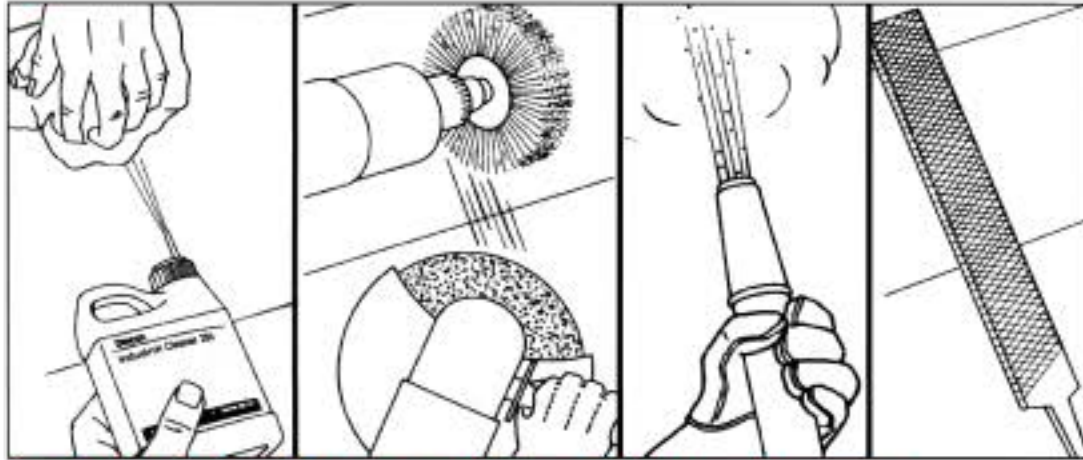
FOOH

T20

THIẾT BỊ

CLEANING AND PRIMING RUBBER LÀM VỆ SINH BỀ MẶT CAO SU

Devcon®



Chuẩn bị bề mặt dành cho technology Flexane

Việc sử dụng bất cứ sản phẩm nào trong dãy sản phẩm dành cho công nghiệp của Devcon cho hiệu quả phụ thuộc vào sự chuẩn bị bề mặt cho phù hợp. Technology Flexane urethane có các chi tiết mà bạn cần phải làm theo để chắc chắn rằng việc sử dụng sản phẩm có hiệu quả. Bụi bặm, dầu mỡ, gỉ sét và ẩm ướt có ảnh hưởng tới sự kết dính của tất cả sản phẩm Flexane. Tình trạng của bề mặt sẽ khác nhau theo từng công việc trong khi nhiệt độ và độ ẩm thay đổi theo từng giờ, cách sau đây sẽ giúp chuẩn bị lớp dưới cho việc sử dụng Devcon Flexane. Phần này có chi tiết của việc chuẩn bị bề mặt thông thường bao gồm cả việc sử dụng để chuẩn bị bề mặt.

SỰ CHUẨN BỊ BỀ MẶT THÔNG THƯỜNG

1. Tất cả bề mặt phải khô ráo, sạch sẽ và thô
2. Phải ngăn chặn sự rò rỉ chất lỏng lên bề mặt trong khi sửa chữa lớp dưới.
3. Làm sạch màu, gỉ sét và các vết bẩn trên bề mặt bằng cách thổi chà hoặc sử dụng thiết bị khác.
4. Làm sạch dầu với Devcon Cleaner 300
5. Tạo hình dạng phù hợp trên bề mặt kim loại và bề mặt cao su bằng cách làm cho bề mặt thô.
6. Độ ẩm trên bề mặt sẽ gây ảnh hưởng tới sự kết dính của vật liệu urethane, phải luôn nhớ rằng nên sử dụng vật liệu lót phù hợp để có sự kết dính tốt nhất với bề mặt hiện tại.

LÀM VỆ SINH BỀ MẶT CAO SU

1. Trước hết, hãy dùng máy nghiền có bánh quần dây kềm hoặc cao su trên bề mặt để tạo hình dạng phù hợp cho bề mặt, lúc này dầu mỡ và các vết bẩn sẽ rơi ra khỏi bề mặt cao su.
2. Dùng CLEANER 300 của Devcon với bàn chà để làm sạch tất cả dầu mỡ ra khỏi bề mặt cao su để có được bề mặt cao su sạch sẽ.
3. Chà bề mặt với khăn sạch không có lông cho đến khi không còn vết bẩn dính trên khăn màu trắng.

LÀM VỆ SINH BỀ MẶT KIM LOẠI

4. Nếu bề mặt kim loại có dầu mỡ thì dùng Devcon Cleaner Blend 300 để rửa sạch bề mặt.
5. Sau khi làm theo cách làm vệ sinh như đã nêu thì phun, chà lên bề mặt để tạo hình dạng phù hợp cho bề mặt, dầu mỡ và bụi bẩn thường dính trên bề mặt và không thể rửa sạch bằng cách làm sạch dầu nên dùng bàn chà có sợi 25 - 40 Grid hoặc thô hơn để chà lên bề mặt.
- 6.
7. Nên cố gắng thực hiện việc sửa chữa trong thời gian nhanh nhất có thể, sau khi đã làm vệ sinh lớp dưới, để tránh việc xuất hiện oxidation hoặc gỉ sét nên phủ sơn kim loại với sơn lót FL-10 để bảo vệ bề mặt kim loại khỏi gỉ sét.



Loại FL-10
sơn lót bề mặt kim loại

Loại FL-40
sơn lót để kết dính chặt

Loại FL-20
sơn lót bề mặt cao su

LÀM SẠCH DẦU

Việc làm sạch dầu ra khỏi bề mặt được nhúng dầu thường rất khó có thể làm được, có khả năng dầu thấm sâu trong bề mặt kim loại sẽ là nguyên nhân của vấn đề kết dính trong khi Flexane đang sửa chữa. Bọt dầu hay vùng vòng đệm là ví dụ điển hình cho các điểm có vấn đề về kết dính khi bị nhúng dầu trước khi dùng Devcon Flexane urethane.

1. Bôi cleaner 300 lên bề mặt có dầu, việc bôi thuốc tẩy làm sạch này nhiều lần sẽ giúp hút dầu ra khỏi bề mặt, trong khi làm vệ sinh bề mặt cao su việc dùng bàn chà sẽ giúp làm sạch dầu trên bề mặt.
2. Dầu thấm vào từ các bề mặt được nhúng trong dầu nên được triệt tiêu bằng nhiệt, nhiệt sẽ đẩy dầu ra khỏi lỗ, việc làm nóng các bộ phận bằng súng nhiệt hoặc nung các bộ phận trong lò sưởi sẽ mang đến kết quả như mong muốn, để nhiệt độ cao nhiều lần lên bề mặt sau khi đã làm vệ sinh cho đến khi không còn dầu trên bề mặt.

CÁCH TẠO BỀ MẶT THÔ.

Chà lên bề mặt đã đồng đều để thêm sự kết dính của Flexane với lớp dưới, có thể phải làm nhiều lần vì một số người thường bỏ qua công đoạn tạo bề mặt thô này.

1. Nếu làm vệ sinh bề mặt bằng cách phun chà, phun bắn hoặc chà bằng giấy nhám bề mặt sẽ thô đủ để thực hiện bước tiếp theo.
2. Hoặc làm cho bề mặt thô bằng dũa loại thô, bàn chà hoặc giấy nhám để tạo hình dạng thích hợp cho bề mặt.

SƠN LÓT BỀ MẶT

Việc sử dụng Technology Flexane của Devcon sẽ không hiệu quả nếu thợ không dùng sơn lót phù hợp để kết dính Flexane với lớp dưới, có 2 hệ thống trong việc sơn lót khi dùng Flexane gồm như sau:

1. Bề mặt kim loại sơn lót FL-10 của Devcon, phủ sơn 2 lần cho đều lên lớp dưới kim loại, dùng cho thiết bị stainless steel và nhôm.
2. Bề mặt cao su dùng sơn lót FL-20 của Devcon cho đều lên bề mặt cao su neoprin hoặc urethane sửa chữa lên khắp bề mặt.
3. Việc nhúng lớp dưới: dùng cả FL-10 của Devcon và FL-20 để sơn lớp dưới sẽ được nhúng vào bất cứ hóa chất làm tan chảy nào đó. Trước hết, sơn lót bề mặt với FL-10 rồi để cho khô 60 phút, tiếp theo sơn lót với FL-20 để cho khô 30 phút trước khi dùng vật liệu Flexane.
4. Bê tông dùng sơn lót FL-20 của Devcon để sơn phủ lớp dưới, bê tông có lớp dưới quá xốp có thể phải sơn lót với FL-20 nhiều lần cho sự kết dính thích hợp, bao gồm cả sơn lót phải khô 30 phút trước khi dùng sơn khác.
5. Gỗ, fiber glass dùng sơn lót FL-20 của Devcon, đối với tất cả các sản phẩm gỗ sẽ phải sơn lót 2 lần do đặc tính thấm hút của gỗ. Nên nhớ rằng việc dùng sơn lót FL-10 sơn 2 lần ở lớp dưới kim loại sẽ làm cho việc kết dính tốt hơn hệ thống sơn lót 1 lần. Đối với tất cả các lớp dưới khác nên tư vấn công ty hay nhà máy chuyên về sơn lót để tìm sơn lót thích hợp và cách sử dụng đúng đắn.

T21

THIẾT BỊ

TOOL

BELT REPAIR SỬA CHỮA DÂY ĐAI BĂNG TẢI

Devcon®



Than đá trên dây chuyền băng tải.



Sửa chữa bề mặt của dây đai băng tải

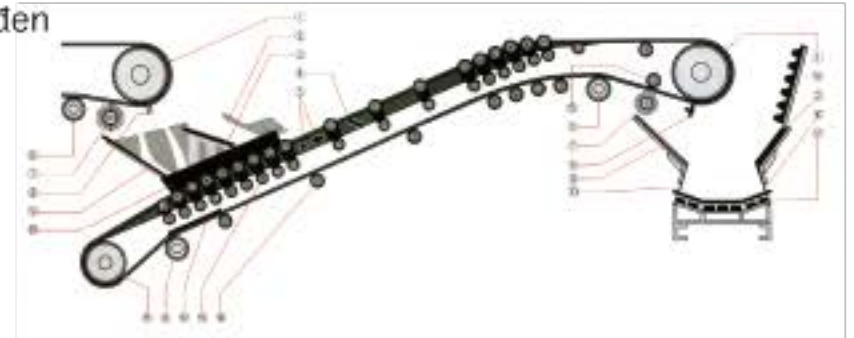


Flexane 80 Putty trong sửa chữa bề mặt.

Flexane 80 : loại 15820 1 pound (454 g)

Nguyên liệu : Putty màu đen
 Độ đứt khi kéo dựa trên độ dẻo dai : 1700 PSI
 Độ bám tối đa : 300%
 Độ đông cứng : 87 Shore A
 Chịu nhiệt tối đa : khô : 82°C
 ướt : 50°C.

Khoảng thời gian kết dính/đông cứng : 12 giờ.
 Thời gian sử dụng : 20 phút.
 Tỷ lệ trung bình : pha trộn hoàn hảo để có hiệu quả tốt.



SPECIALIZED CONVEYOR BELT EDGE REPAIR & SEALING RUBBER EPOXY COMPOUNDS EPOXY DẠNG CAO SU, SỬA CHỮA CẠNH VÀ XÓA DẤU VẾT TRÊN DÂY ĐAI BĂNG TẢI.

Edge and seal T-35 : loại DF039 (400 ml) Cartridge
 High Temp Edge and Seal T-35 : loại DF045 (400 ml) Cartridge

Lưu ý : dùng máy bắn loại 15043 cùng với đầu loại 15047 với tỷ lệ 4 : 1

*dùng trong hệ thống sửa chữa Putty dạng cao su urethane loại đông cứng nhanh
 * sửa chữa và làm mới dây đai băng tải/ xóa vết ăn mòn và mài mòn do sử dụng của vành đai xe hơi* phủ sơn vết nổi kim loại/ xóa vết nổi của dây điện và các bộ phận cấu tạo điện tử.

Nguyên liệu : Putty màu đen
 Độ đứt khi kéo dựa trên độ dẻo dai : 3000 PSI
 Độ bám tối đa : 450%
 Độ đông cứng : 87 Shore A
 Chịu nhiệt tối đa : khô : 82°C , ướt : 50°C.

Khoảng thời gian kết dính : 1,5 giờ.
 Khoảng thời gian đông cứng : 3 giờ
 Thời gian sử dụng : 26,5 phút.
 Tỷ lệ trung bình : pha trộn hoàn hảo để có hiệu quả tốt.



URETHANE RUBBER LIQUID EPOXY COMPOUNDS – EPOXY DẠNG CAO SU URETHANE LỎNG EPOXY DẠNG CAO SU LOẠI PHỦ SƠN VÀ XÓA DẤU VẾT.

Flexane 80 Liquid : loại 15800 1 pound (454 g)

Cách dùng : Epoxy dạng cao su urethane lỏng dùng cho các bộ phận của cao su, khuôn mẫu và sự kết dính mà không có dấu vết, kim loại lót trong của nắp đậy được dán trên thân trục, cuộn dây có vỏ bao bọc và các bộ phận điện tử bị va đập và chấn động mạnh sự giãn nở và co lại* có thể khoan lỗ và làm mới.

Lưu ý : dùng quạt hơi nóng để xóa bong bóng khí trong khi lắp ráp khuôn.

Màu sau khi khô : màu đen
 Độ đứt khi kéo dựa trên độ dẻo dai : 2100 pounds / inch².
 Độ đông cứng : 87 Shore A.
 Chịu nhiệt tối đa : khô : 82°C , ướt : 50°C.
 Khoảng thời gian giãn nở/đông cứng : 10 giờ
 Thời gian sử dụng : 30 phút.
 Tỷ lệ trung bình : pha trộn hoàn hảo để có hiệu quả tốt .



Flexane Fast Cure Rubber Repair Putty : loại 15049 (400 ml) Cartridge

Flexane Fast Cure Rubber Liquid : loại 15050 (400 ml) Cartridge

Lưu ý : dùng máy bắn loại 15043 cùng với đầu loại 15047 với tỷ lệ 4 : 1

Hệ thống sửa chữa Putty dạng cao su urethane loại đông cứng nhanh* dùng để sửa chữa dấu vết và vết nứt mạng nhện trên dây đai băng tải* sửa chữa lỗ và khe hở trong công nghiệp cao su* làm đầy khe hở và lỗ trên vành đai xe hơi.

TOOL



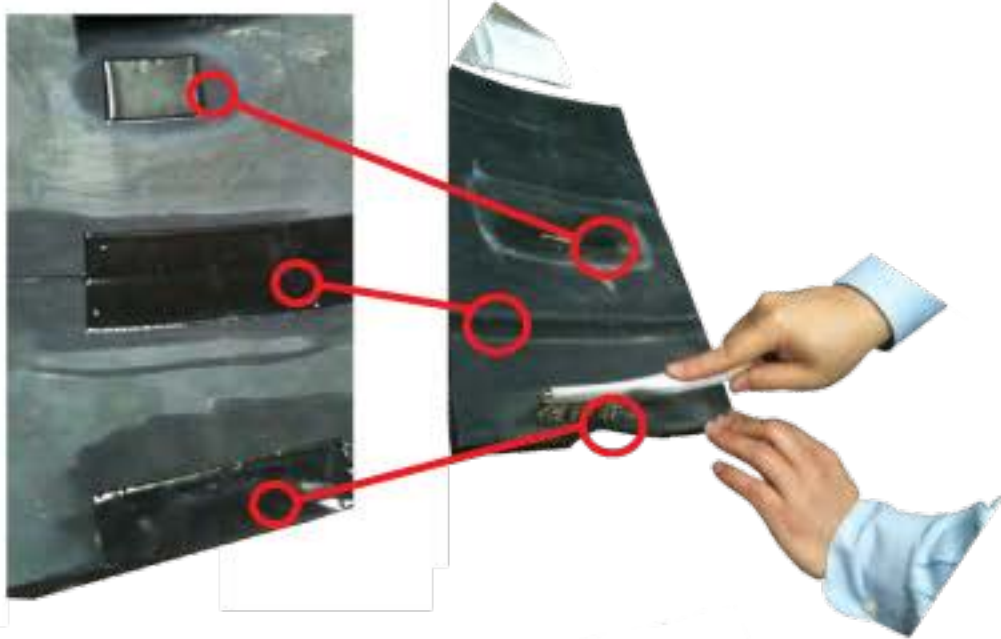
Flexane 80 Liquid : loại 15800

T22

THIỆT BỊ

BELT REPAIR – SỬA CHỮA DÂY ĐAI BĂNG TẢI

Devcon®



DEVCON loại R – FLEX BELT REPAIR.

Loại 15565 dùng để sửa chữa, trám lỗ bị cào hoặc bị rách và tạo bề mặt mới cho dây đai băng tải. làm từ cao su tổng hợp SBR dùng để bao phủ đường may hoặc đường nối giữa dây đai băng tải với tấm kim loại để phòng sự hư hại.

Lưu ý : cách dùng Devcon để có hiệu quả tốt như sau:

- * có chất lượng cao trong việc kết dính với bề mặt lớp trên của dây đai băng tải
- * khi bôi hóa chất sẽ tự cân bằng mà không bị chảy xệ.
- * Dây đai băng tải sẽ có thể tái sử dụng lại trong vòng 90 phút
- * pha trộn và cho hóa chất vào trong lúc sửa chữa mà không cần dùng nhiệt cho quá trình đông cứng.

Nguyên liệu : Putty màu đen.

Sự kết dính : 89 pil@ 24 giờ : 128 pil@ 7 ngày.

Độ bám tối đa : 421%

Độ đông cứng : 92 Shore A

Chịu nhiệt tối đa : khô : 82°C

: ướt : 49°C.

Thời gian đông cứng : 90 phút

Thời gian sử dụng : 7 phút

Thời gian pha trộn : dạng lỏng 1 – 3 phút

: dạng putty 3 – 5 phút

Tỉ lệ trung bình : pha trộn hết cả hai phần.

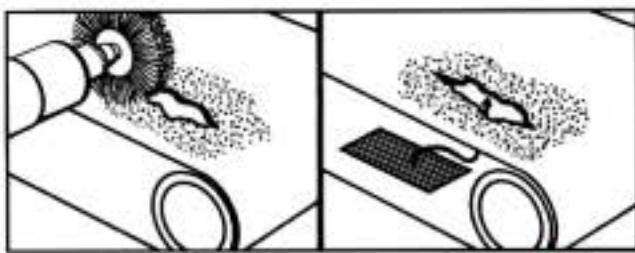


Figure 1



Figure 2



Figure 3

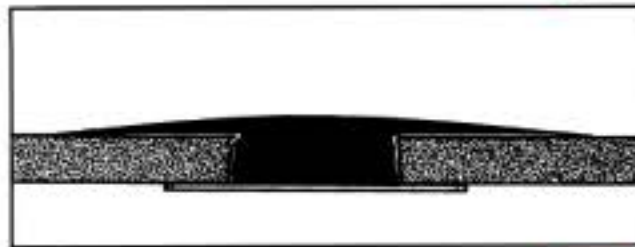


Figure 4



SỬA CHỮA DÂY ĐAI BĂNG TẢI

Có thể thực hiện sửa chữa dây đai băng tải theo 3 thể loại với R-Flex của Devcon .

Thể loại thứ 1 là sửa chữa dây đai băng tải ở chỗ xuất hiện lỗ hoặc vùng có vụn vật liệu bị kẹt giữa wiper và dây đai băng tải tạo ra sự ma sát và làm cho dây đai bị rách.

Thể loại thứ 2 là sửa chữa vết nứt giữa dây đai được nối vào nhau bằng cách dùng nhiệt để hỗ trợ và dùng máy bắn vào chỗ bị ăn mòn.

Thể loại thứ 3 là sửa chữa sự mài mòn ở các góc cạnh của dây đai băng tải với sản phẩm R-Flex.

Sự sửa chữa cả 3 thể loại trên bao gồm các bước như sau :

1. Chuẩn bị bề mặt : thực hiện theo các bước làm vệ sinh bề mặt cao su trong phần chuẩn bị bề mặt (trang T21) nên nhớ là chà lên vùng dây đai cho sạch và thô để R-Flex có thể kết dính tốt.

** đối với việc rách hay lỗ trên dây đai, trước hết phải dùng băng keo quấn ống phía dưới dây đai để ngăn R-Flex chảy qua, sau đó làm vệ sinh vùng bị rách. (ảnh 2).

2. Trộn R-Flex (loại 15565) cho đều khoảng 4 – 8 inch (ảnh 3)

3. Sơn R-Flex cho đồng đều với bề mặt cũ, tránh không để bề mặt dây đai bị lồi và nên dùng R-Flex ở độ dày ít nhất là 3 mil trên khắp dây đai để tăng thêm độ chắc chắn và đàn hồi. (ảnh 4)

4. Đối với việc sửa chữa các vết nứt, nên dùng bàn chải chà để làm sạch và tạo bề mặt thô, nên chà lần qua vùng được nứt khoảng 4 – 8 inch.

5. Bước tiếp theo là chuẩn bị bề mặt cho sạch.

6. Trộn R-Flex và trét lên khắp chỗ vết nứt, phải chắc chắn là đã nhấn và nén xuống cho chắc trong khi trét R-Flex , quấn R-Flex trở lại vùng được chuẩn bị sẵn 4 – 8 inch và sơn cho đều với bề mặt cũ, sơn với độ dày 3 mil để chắc chắn hơn.



TOOL

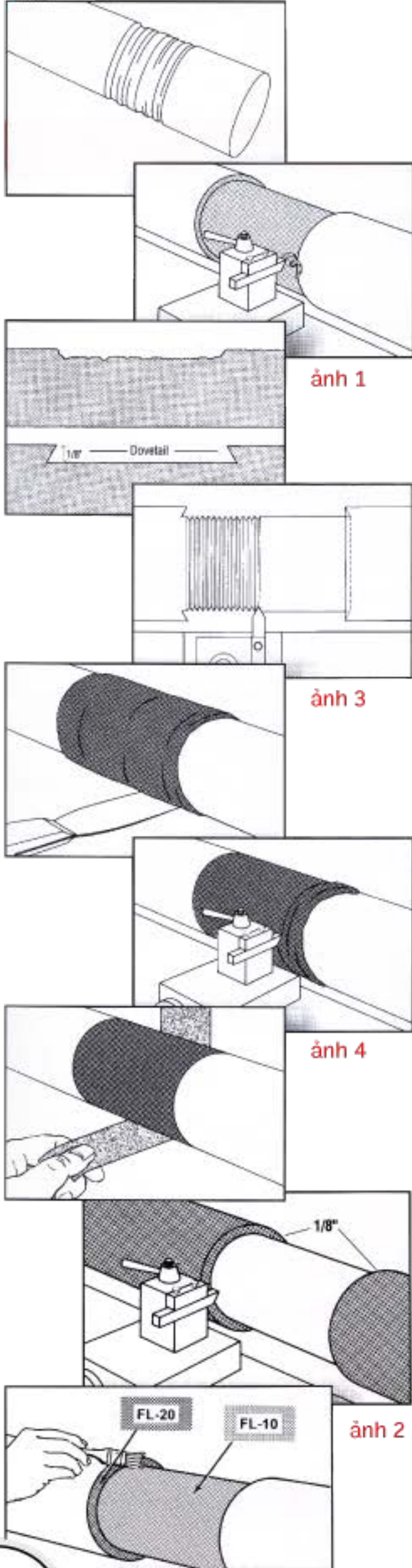
T23

THIẾT BỊ

RUBBER ROLLER REPAIR

SỬA CHỮA CON LĂN CAO SU

Devcon®

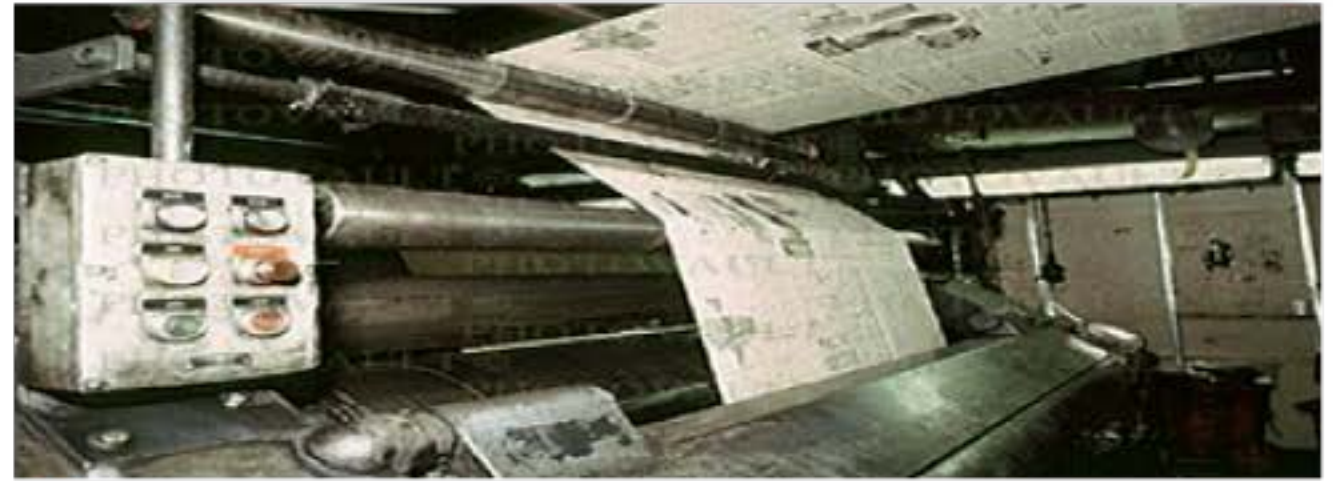


ảnh 1

ảnh 3

ảnh 4

ảnh 2



ROLLER REPAIR IN PRINTING FACTORY

SỬA CHỮA CON LĂN TRONG NHÀ MÁY IN

Đúc kiểu urêthane và sửa chữa cao su
Sửa chữa con lăn cao su/ vỏ bọc cao su.



Khả năng của Flexane để “điều chỉnh” độ cứng trở thành hình dạng đẹp mắt trong việc giúp sửa chữa con lăn cao su trong công nghiệp sản xuất giấy, két nước condencer được bao bọc bởi cao su rất thích hợp với sản phẩm Flexane của chúng tôi, hai lợi ích này đã được mang vào sử dụng trong hiện tại. Việc sửa chữa con lăn cần phải chuẩn bị bề mặt và thấu hiểu trong lợi ích sử dụng, để chắc chắn rằng vật liệu đã kết dính vào nhau cả trục kim loại và vỏ bọc cao su. Sau đây là cách thức dành cho con lăn cao su.

1. Chuẩn bị bề mặt : làm vệ sinh bề mặt cao su để triệt tiêu dầu và mỡ ra khỏi bề mặt, làm theo phần làm sạch dầu của sách hướng dẫn. Sau đó trong khi con lăn đang lăn thì lấy hết các miếng cao su bị rách ra khỏi con lăn bạn có thể kéo cao su xuống trục “lõi” kim loại hoặc chỉ cắt phần dưới của cao su ít nhất 1/8” phải chắc chắn rằng vẫn để góc cạnh “chỗ nhìn thấy rõ nhất” của cả hai bên vùng bị rách **ảnh 1**.

2. Sau khi làm vệ sinh con lăn kỹ càng rồi thì sơn lót bề mặt kim loại **FL-10** trên “trục” kim loại của con lăn rồi sơn lót bề mặt cao su **FL-20** trên “cạnh” của cao su.

Lưu ý : nếu bạn dùng máy móc để lấy đi các phần nhỏ của cao su ra khỏi con lăn này để lắp ráp con lăn lại như cũ thì phải chắc chắn rằng “cạnh” của con lăn được bao phủ bởi sơn lót bề mặt **FL-20** để có sự kết dính tốt nhất. **ảnh 2**

3. Sau khi đã phủ sơn lót xong bạn đã sẵn sàng để sơn vật liệu Flexane. Để máy tiện chạy từ từ theo chiều kim đồng hồ trong lúc con lăn đang lăn, bắt đầu sơn vật liệu Flexane, phải chắc chắn rằng đã nén, nhấn urêthane xuống trục vật liệu và xuống “cạnh” của cao su hiện tại. Thực hiện sửa chữa cho đồng đều nhất có thể, cứ để cho máy tiện quay trong 2- 3 giờ để làm cho vật liệu Flexane “đông cứng” và khô.

Lưu ý : đôi khi vật liệu urêthane “dày đặc” nếu không cho di chuyển liên tục sẽ bị “rơi ra” hoặc có thể “rơi xuống” **ảnh số 3**.

Lúc này bạn đã sẵn sàng để sửa chữa cao su bằng máy, việc này rất khó, nên nhớ rằng nhiệt độ tăng lên khi máy hoạt động sẽ là nguyên nhân làm cho Flexane bị “xé rách” làm cho bề mặt bị thô.

Lời khuyên khi sử dụng máy : đối với việc nghiền dùng bàn chải kim cương số 60 đối với sử dụng máy dùng carbide bằng cách để vụn nhỏ lọt qua mà không sinh ra nhiều nhiệt. **ảnh 4**

TOOT

T24

THIẾT BỊ

RUBBER REPAIR SELECTOR GUIDE

BẢNG LỰA CHỌN DEVCON VÀ THỂ LOẠI CỦA CÔNG VIỆC



Flexane Applications

Flexane 80 Putty 15820 Flexane High Performance Putty 15330 Flexane Fast Cure Putty 15049 Flexane Brushable 15350 Flexane Belt Repair Kit 15165 Flexane 80 Liquid 15800 Flexane 94 Liquid 15250 Edge & Seal T35 DF 039 High Temp Edge&Seal DF-045

Flexane Applications	Flexane 80 Putty 15820	Flexane High Performance Putty 15330	Flexane Fast Cure Putty 15049	Flexane Brushable 15350	Flexane Belt Repair Kit 15165	Flexane 80 Liquid 15800	Flexane 94 Liquid 15250	Edge & Seal T35 DF 039	High Temp Edge&Seal DF-045
Khuôn mẫu					*	*	*		
Dây đai băng tải	*		*		*				
Sửa chữa thùng chứa.	*	*		*					
Phủ sơn điều chỉnh sự va đập/ ma sát	*	*		*					
Trét sơn vữa			*						
Phủ sơn phủ nẹp	*	*							
Sửa chữa vòng đệm								*	*
Thiết bị hỗ trợ						*	*		
Phủ sơn kim loại		*	*	*		*	*		
Tạo khuôn mẫu						*	*		
Phủ sơn để giảm tiếng ồn	*					*	*		
Phủ sơn khuôn/mẫu								*	*
Sửa chữa keo bóng	*				*	*	*		



T25

THIẾT BỊ

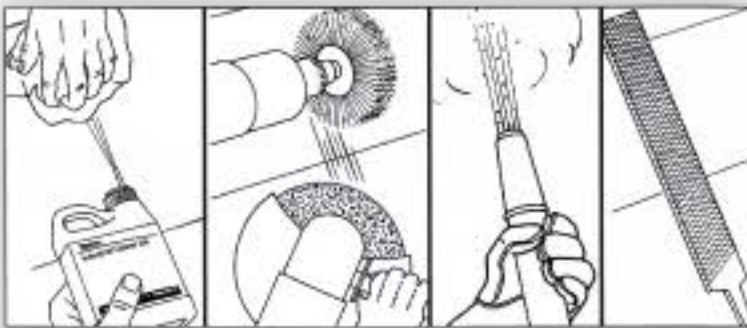
FOOT

EMERGENCY REPAIR SỬA CHỮA KHẨN CẤP

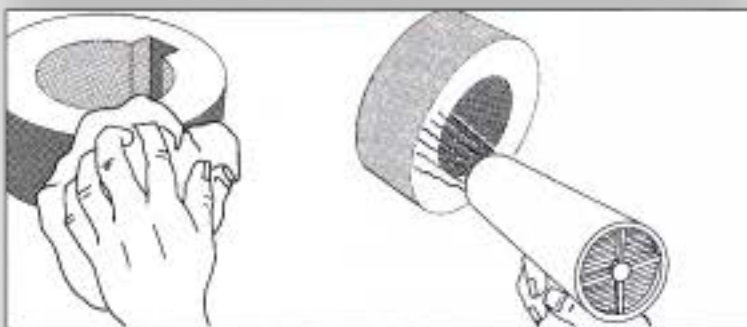
Devcon.



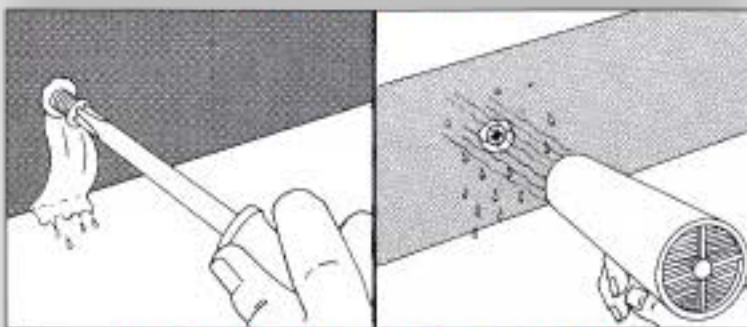
SURFACE CLEANING



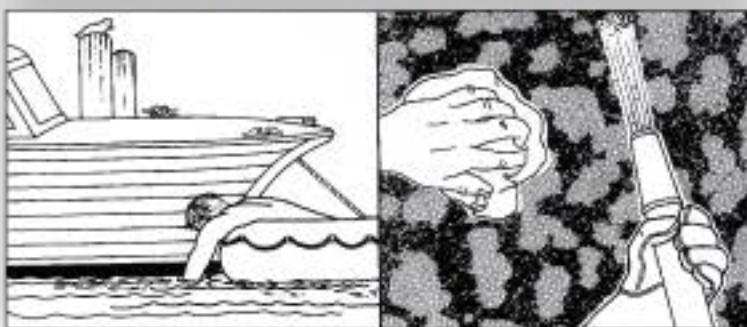
DE-GREASING



DRY & CLEAN



UNDER WATER REPAIR



SỬA CHỮA DƯỚI NƯỚC

Bề mặt ở dưới nước không thể được chuẩn bị bề mặt theo như đã làm trong sách hướng dẫn cách chuẩn bị bề mặt nhưng cũng cần được lưu ý theo cách sau đây :

1. Triệt tiêu bụi bặm, các vật bám trên bề mặt, sơn đang bị lột vá các vết mục rữa, san hô ra khỏi bề mặt lớp dưới.
2. Lau vùng hiện tại bằng khăn sạch để xóa vết bẩn trên bề mặt bạn không thể nào làm sạch dầu trên bề mặt dưới nước được nhưng việc lau đi lau lại bằng khăn sạch sẽ giúp làm sạch vết bẩn trên bề mặt.
3. Dũa bề mặt nếu có thể (dùng thiết bị hoặc dùng dũa tay)
4. Có thể triệt tiêu việc hình thành quá trình ôxy hóa bằng cách dùng máy phun sỏi nước hoặc dùng hóa chất.

EPOXY DÀNH CHO VIỆC SỬA CHỮA KHẨN CẤP (EMERGENCY REPAIR)

Epoxy dạng chống nước/ UNDERWATER REPAIR PUTTY (UW)

(loại 11800 trọng lượng 454 g)

dành cho việc sửa chữa bằng cách dán lên bề mặt để tạo thành bề mặt mới dưới nước, trong vùng có mưa và những nơi ẩm ướt, có thể dùng được với sắt, nhôm, đồng thau, đồng, xi măng, gỗ, nhựa. Epoxy loại này có thể kết dính trong điều kiện ẩm ướt mà không cần phải làm khô bề mặt trước.

SỬA CHỮA NHÔM

Việc hình thành quá trình ôxy hóa trên bề mặt của nhôm sẽ làm giảm sự kết dính của Epoxy với bề mặt, bạn cần phải làm sạch vết bẩn trước khi sửa chữa và dùng Epoxy sửa chữa kim loại của Devcon.

1. Bạn có thể triệt tiêu quá trình ôxy hóa bằng cách dùng máy phun sỏi hoặc dùng hóa chất.
2. Thực hiện theo cách chuẩn bị bề mặt thật chi tiết theo như đã trình bày trong phần này.

UNDERWATER REPAIR PUTTY (UW) : loại 11800 (trọng lượng 454 g)

Dành cho việc sửa chữa bằng cách dán lên bề mặt để tạo thành bề mặt mới ở dưới nước, trong vùng có mưa và những nơi ẩm ướt, có thể dùng được với sắt, nhôm, đồng thau, đồng, xi măng, gỗ và nhựa. Epoxy loại này có thể kết dính trong điều kiện ẩm ướt mà không cần phải làm cho bề mặt khô trước.

Tỉ lệ pha trộn trung bình : 1:1

Che vết lũng và sửa chữa như sau :

Cách dùng : cào hết các vết bẩn, ốc, sơn đang bị lột hoặc rêu ra khỏi bề mặt. sau đó lấy khăn lau chỗ sẽ lấp vết lũng để làm sạch vết bẩn, sau khi đã pha trộn xong thì dán lên tấm nhựa và lấy tấm nhựa dán lên vết lũng, thời gian khô khoảng 24 giờ.

FOOT



UW Loại 11800

T26

THIẾT BỊ

DEVCON EPOXY GLUES (KEO EPOXY)

Devcon®

EPOXY GLUES AND METHACRYLATES (KEO EPOXY)

Tên	thể loại và kích cỡ	thành phần pha trộn và thời gian sử dụng	tính chất	súng bắn
2 - TON EPOXY	14310 kích cỡ 25 ml	1:1 8-12 phút	kết dính chặt chẽ ,màu trong suốt	-
2 - TON EPOXY	14360 kích cỡ 9 pound/bộ	1:1 8-12 phút	kết dính chặt chẽ ,màu trong suốt	chai nhựa
5 - MIN. EPOXY	14250 kích cỡ 25 ml	1:1 3-4 phút	nhanh khô, màu vàng nhạt	-
5 - MIN. EPOXY	14630 kích cỡ 9 pound/bộ	1:1 3-4 phút	màu vàng nhạt	chai nhựa.
5 - MIN GEL EPOXY	14240 kích cỡ 35 ml	1:1 4-6 phút	màu xám	
METAL WELDER II	14363 kích cỡ 380 ml	10:1 14-16 phút	màu xám	14409 + 10 :1 14293 vòi phun
EPOXY PLUS 25	14278 kích cỡ 47 ml	1:1 25 phút	màu xám	14280 + 1:1 14285 (vòi phun)
PLASTIC WELDER II	14363 kích cỡ 47 ml	1:1 12-15 phút	màu vàng nhạt	14280 + 10:1 14285 (vòi phun)
FLEX WELDER	14345 kích cỡ 47 ml	1:1 9-12 phút	kim loại và nhựa dính vào nhau, màu trắng	14285 + 1:1 14285 (vòi phun)

Lưu ý : thời hạn sử dụng có thể được kéo dài nếu được bảo quản dưới nhiệt độ 200C trước khi dùng.



5 - MIN. 14250



2-TON 14310



5-MIN. GEL 14240

QUIK REPAIR EPOXY



*

*

*



*



1. Cut off required amount.



2. Mix to uniform color with gloved fingers.



3. Apply to repair surface within 1 hour

QUICK EPOXY REPAIR STICKS SỬA CHỮA NHANH VỚI EPOXY NHÃN HIỆU QUIK



- AquaMend Fiber Glass Epoxy Repair** - dành cho việc sửa chữa Fiber glass trong bể bơi, hồ nước, bể sục, tàu, thùng nước và các sản phẩm làm từ Fiber glass.
- Quik Aluminium** - dành cho việc sửa chữa khuôn mẫu, bộ phận khuôn mẫu, khung tàu và các thiết bị làm từ nhôm.
- Fast steel** - dành cho việc sửa chữa các phụ tùng làm từ kim loại, sửa chữa vết lõng, vết nứt, khe hở, vết xước trên các thiết bị làm từ kim loại, dùng để sửa chữa xoắn ốc và vết khắc bị lõng cho chắc hơn, sự mài mòn ở phụ tùng xe hơi.
- InstaCrete** - dành cho việc sửa chữa nhanh ở trần nhà, tường, sàn nhà và các dụng cụ khác làm từ xi măng.
- QuikCopper** - dành cho việc sửa chữa vết lõng trên ống đồng hoặc hệ thống ống nước dùng để lấp vết lõng, rò rỉ trên ống nước, khớp nối cong, khớp nối và các vật liệu, thiết bị khác có pha trộn đồng hoặc đồng thau, có thể dùng trong điều kiện ẩm ướt và vùng ứ đọng nước.
- QuikPlastic** - dành cho việc sửa chữa nhựa cứng và đàn hồi như bộ phận xe hơi và các sản phẩm khác làm từ nhựa, dụng cụ trang trí nhà, sửa chữa vết lõng, vết nứt, khe hở, vết xước bằng cách chà rồi sơn.
- QuikTitanium** - dành cho việc sửa chữa trong môi trường có nhiệt độ cao tại các nhà máy xí nghiệp do tính chất kết dính mạnh và độ bền cao.
- Quikwood** - dành cho việc sửa chữa các sản phẩm làm từ gỗ, sửa chữa vết dẹt do va chạm, dấu đinh, giúp thắt chặt xoắn ốc bị lỏng, vết xước, có thể dùng xong rồi sơn lấp thêm.
- Repairit Quik** - dành cho việc sửa chữa thông thường, sử dụng cho vật liệu và thiết bị làm từ kim loại, gỗ, thủy tinh, sứ, xi măng và nhựa một cách nhanh chóng.



T27

THIẾT BỊ

TOOL

PHYSICAL PROPERTIES TÍNH CHẤT VẬT LÝ

Devcon®

	OEM Material	5 Minute Epoxy Loại 14250/14630	2Ton Clear Epoxy Loại 14310/14360	Epoxy Plus 25 Loại 14278	Plastic Welder Loại 14335/14340	Flex Welder Loại 14345	Metal Welder/ Metal Welder II Loại 14366/14363
KIM LOẠI	Nhôm	*	*	*	○	○	*
	Đồng thau	*	*	*			
	Sắt	*	*	*	*	✓	*
	Đồng	*	*	*			
	Hóa chất tạo nên sắt	✓	✓	*	*	✓	*
	Sơn kim loại	✓	✓	✓	✓	✓	*
	Mạ kim loại			✓	✓		✓
	Tấm kim loại			*	*		*
	Stainless	*	*	*	○	○	*
	Kim loại cuộn	*	*	*	*	*	*
	Mạ kẽm			*		○	
Nhựa	ABS			✓	*	✓	*
	Acrylics			*	*	✓	*
	Fiberglass	✓	✓	*	*	*	*
	Gel coats			*	✓	✓	*
	Epoxy	✓	✓	*	*	✓	*
	Polyamide(Nylon)			*	*	✓	○
	Polyester			*	*	*	*
	Polycarbonate			✓	*	✓	*
	PPO ands PPO blends				*	*	*
	Vinyls	✓	✓	✓	*	✓	*
	RIM urethane				*	✓	*
	SMCs			✓			*
	Styrene resins			✓	*	*	*
	Polyacrylate			✓	*	✓	*
	Polyurea				*	✓	✓
	Cellulosics				*	✓	✓
	Polysulfone				✓		*
Phenolics			✓	*	✓	*	
Laminates			✓	*		*	
Gỗ	Gỗ cứng	*	*	*	✓	✓	✓
	Gỗ ép	*	*	*	✓	✓	✓
	Gỗ ép	*	*	*	✓	✓	✓
Khác	Brick/Gạch	*	*	*	*	✓	*
	Concrete/Bê tông	*	*	*	*	✓	*
	Honeycomb/Gạch tổ ong	✓	✓	*	*	✓	*
	Ceramics/Sứ	✓	✓	*	*	✓	✓
	Glass/Pha lê	✓	✓	✓			

T28

THIẾT BỊ

Lưu ý : * Excellent Choice

✓ Good Choice

○ Requires Metal Prep 90



CONSUMER PACK KÍCH CỠ DI ĐỘNG

Devcon®

CONSUMER PACK – KÍCH CỠ DI ĐỘNG

KEO EPOXY DẠNG 2 PHẦN 2 TON EPOXY

Độ dút khi kéo dựa trên độ dẻo dai : 2500 pounds/inch²
Màu sau khi khô : trong suốt
Chống nước/ chịu nhiệt : 94°C
Thời gian khô : 2 giờ/ thời gian đông cứng : 8 giờ
Thời gian sử dụng : 10 phút
Tỉ lệ pha trộn trung bình : 1:1
Sự kết dính :
Sắt và gỗ, xi măng, ly và đĩa thủy tinh, sứ và thiết bị vệ sinh, FiberGlass, đá quý, đồ trang sức.



5 MINUTE EPOXY

Độ dút khi kéo dựa trên độ dẻo dai : 1500 pounds/inch²
Màu sau khi khô : trong suốt
Chống nước/ chịu nhiệt : 94°C
Thời gian khô : 15 phút/ thời gian đông cứng : 1 giờ
Thời gian sử dụng : 10 phút
Tỉ lệ pha trộn trung bình : 1:1
Sự kết dính :
Sắt và gỗ, xi măng, ly và đĩa thủy tinh, sứ.
Xem thêm chi tiết tại : www.devcon.com



2 TON EPOXY

Độ dút khi kéo dựa trên độ dẻo dai : 2500 pounds/inch²
Màu sau khi khô : màu trắng
Chống nước/ chịu nhiệt : 94°C
Thời gian khô : 2 giờ/ thời gian đông cứng : 8 giờ
Thời gian sử dụng : 30 phút
Tỉ lệ pha trộn trung bình : 1:1
Sự kết dính :
Sắt và gỗ, xi măng, ly và đĩa thủy tinh, sứ và thiết bị vệ sinh, FiberGlass, đồ trang sức, trần châu.

: Loại S-30 (56,8g)



Epoxy loại PUTTY dạng 2 phần (sửa chữa bề mặt kim loại, có thể khoan lỗ, tạo xoắn ốc, chà và sơn màu)

PLASTIC STEEL EPOXY

Độ dút khi kéo dựa trên độ dẻo dai : 2500 pounds/inch²
Màu sau khi khô : màu xám đậm
Chống nước/ chịu nhiệt : 121°C
Thời gian khô : 2 giờ/ thời gian đông cứng : 16 giờ
Thời gian sử dụng : 20 phút
Tỉ lệ pha trộn trung bình : 1:1
Sửa chữa trám lỗ và vết nứt
Đồng và sắt, nhôm, thép không gỉ, đồng thau và gang.

: Loại S-5 (56,8 g)



TOOL

T29

THIẾT BỊ

ANTISEIZE & LUBRICANTS

SẢN PHẨM CHỐNG NẮM BẮT VÀ BÔI TRƠN

MOLYSLIP®

NHÓM SẢN PHẨM CHỐNG NẮM BẮT VÀ BÔI TRƠN "MolySlip"



Sản phẩm
COPASLIP có và không có chì
 Loại 13001-100g
 Loại 13004-spray
 Loại 13005-500g
 Loại 13050-5kg.

CHỨC NĂNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG

Là hóa chất anti seize (chống nắm bắt) có chức năng bôi trơn làm cho việc vận ốc được thuận lợi, nhanh chóng có thành phần pha trộn của benthocris chịu nhiệt và bột đồng thau, chì hoặc polybithane và hóa chất chống ăn mòn, sử dụng cho chỗ bị ăn mòn cao, có hơi nước biển, **nhệt độ thấp hoặc cao từ 40 - 110°C**, thích hợp cho việc sửa chữa bảo trì trong công nghiệp và máy móc như xe tải, xe hơi, giàn khoan trên biển, nhà máy cắt dầu, nhà máy điện, tàu biển, công việc hóa chất, máy móc nông nghiệp, thể tích chứa trong ống 100g, lon 500g, lon spray 400ml.

ALUMSLIP loại 11005
 ADF loại 14003-300ml

Đối với nhôm nên dùng Alumslip là hóa chất anti seize, hóa chất bôi trơn dạng khô, molybdenumdisulphide nguyên chất và chất bao phủ rê-xin thích hợp cho công việc không có dầu mỡ, sử dụng tốt cho các bộ phận trước khi được lắp ráp, thể tích chứa trong lon spray 300ml, lon 5 lít.



FMG (NSFH1)
 Loại 21004-400ml
 Loại 21005-450g
 HSB
 loại 22004-400g,
 Loại 22005-450g
 Loại 22050-5kg
 LQG
 Loại 23004-400ml.

Mỡ bôi trơn Foodgrade dành cho máy móc sản xuất thực phẩm đã qua chứng nhận của FDA (USA) thể tích chứa trong ống 400g, lon 450g, 5 kg.

Mỡ Lithiumbase dành cho máy móc xoay với tốc độ cao, có thành phần pha trộn molybdenumdisulphide hóa chất chống ăn mòn, không tụ lại thành cục, thể tích chứa trong ống 400g, lon 450g, 5kg.

Hóa chất bôi trơn dạng lỏng đa năng pha trộn molybdenumdisulphide có khả năng thẩm hút và bôi trơn tốt hơn mỡ thông thường, dùng tốt với bộ xích cơ động, có pha trộn hóa chất chống ăn mòn, thể tích chứa trong lon spray 400ml, lon 5 lít.

OGS
 Loại 26004-400ml
 Loại 26050-5 lít.

Hóa chất bôi trơn pha trộn molybdenumdisulphidedính chặt trên bề mặt, dùng tốt cho hộp số mỡ, dây cáp, dùng trong nơi có nhiệt độ đến 250°C, thể tích chứa trong lon spray 400ml, lon 5 lít.

MCC
 Loại 40004-450G.

Hóa chất compound bôi trơn chất lượng cao, dễ dàng tan chảy, dành cho ngành sắt mọi thể loại, hóa chất bôi trơn đặc biệt có pha trộn molybdenumdisulphide, thể tích chứa trong lon 450g, 3kg.

MWF
 Loại 41003-350ml.

Hóa chất bôi trơn pha trộn molybdenumdisulphidetrong dầu hữu cơ, dành cho ngành sắt mọi thể loại, thể tích chứa trong chai 350ml, thùng 5 lít, thùng 25 lít.

COMBAT A8
 Loại 70004-400ml.

Spray đa chức năng, loại bỏ độ ẩm, bôi trơn, chống rỉ sét, thể tích chứa trong lon spray 400ml, lon 5 lít



THIẾT BỊ

TOOL

T30



ANTI-SEIZE AND RUST PREVENT

THUỐC CHỐNG GỈ VÀ CHỐNG NẮM BẮT



NEVER - SEEZ REGULAR GRADE
Thuốc chống gỉ và chống nắm bắt là

LIQUID WRENCH SUPER PENETRANTS
(thuốc bôi trơn xoắn ốc bị nắm bắt)

FLUID FILM RUST PROTECTION.
Thuốc bao phủ kim loại các loại để bảo vệ khỏi gỉ sét và chống nắm bắt.



Là Thuốc chống gỉ và chống nắm bắt bảo vệ khỏi sự cọ sát phản ứng giữa hai loại kim loại và sự kết dính vào nhau khi nhiệt độ cao. Dùng cho việc tháo ráp các bộ phận trong khi sửa chữa và để có chất lượng cao hơn trong khi ngưng hoạt động.

Màu tiêu chuẩn : màu bạc

Áp suất/ lực đối khí kéo : 32000 PSI

Chịu nhiệt tối đa : 180° F/C

Loại NSA-16 dạng lon xịt 16 oz

Loại NS-160 dạng bôi, 1 pounds.

Loại NSBT-16 dạng bôi, kèm theo cọ, 1 pounds.

Loại NS-168 dạng bôi 8 pounds.

COLD GALVANIZING P/N 7007



Dùng để xịt lên đầu vít, trục vít hoặc trên các bộ phận đang dính không thể tháo ra được, giúp cho xoắn ốc được bôi trơn và tháo ra được.

Cách dùng : xịt hoặc phun và chờ thuốc thấm vào, sau khi xoắn ốc được bôi trơn rồi thì có thể tháo ra được.

Loại L1-04 dạng lỏng, kích cỡ 4oz/chai.

Loại L1-12 dạng lon kích cỡ 12oz.

Loại L2-12 dạng lon kích cỡ 12oz.

Là thuốc bổ sung và bôi trơn, bảo vệ kim loại các loại

(có thể dùng thay cho loại WD-40)

Làm từ Lanolin (dầu lông cừu) để bao phủ kim loại các loại, bảo vệ bề mặt không để sự ẩm ướt thấm vào.

Cách dùng : dùng chung với các bộ phận máy móc thay cho dầu bôi trơn để chống gỉ trong thời gian dài.

Loại AS 11 dạng lon kích cỡ 11oz

Loại DNAS dạng lỏng kích cỡ 200 lít (55 gallons)

COLD GALVANIZING P/N 7007 thuốc chống gỉ và chống nắm bắt nhãn hiệu

Thuốc bao phủ chống gỉ dạng phun spray loại lon xịt, dùng để xịt đầu vít, trục vít hoặc các bộ phận bị dính hoặc nắm bắt mà không tháo ra được, giúp các xoắn ốc đang dính rời ra và có thể tháo gỡ được.

Cách dùng : dùng để xịt, phun và chờ thuốc thấm vào, sau đó ốc xoắn đang dính sẽ rời ra và có thể tháo được.



GARCO PACKING TOOLS DỤNG CỤ THÁO VÒNG ĐỆM



SETS - DỤNG CỤ DẠNG TRỌN BỘ

Thế loại dụng cụ	chiều dài/ kích cỡ vòng đệm	hình dạng/ đầu	loại đầu để thay
F-1	dài 7,5" (19 cm.) vòng đệm 5/16"	dạng cong và đầu xoắn ốc (c1)	loại c1-dạng xoắn ốc loại w1-dạng xoắn ốc nhỏ
F-2	dài 11" (28 cm) vòng đệm 7/16"	dạng cong và đầu xoắn ốc (c2)	loại c2-dạng xoắn ốc loại w2-dạng xoắn ốc nhỏ
F-3	dài 14,5" (36,8) vòng đệm 1/2"	dạng cong và đầu xoắn ốc (c2)	loại c2-dạng xoắn ốc loại w2-dạng xoắn ốc nhỏ
F-7	dài 10" (25,4 cm) vòng đệm 1/8"	dạng thẳng và có đầu nhọn	-
F-8	dài 10" (25,4 cm) vòng đệm 3/16"	dạng thẳng và đầu nhọn	-
F-9	dài 10" (25,4 cm) vòng đệm 5/16"	dạng thẳng và đầu nhọn	-

INDIVIDUAL TOOLS - DỤNG CỤ CHIẾC

Loại bộ/ chiếc	thành phần cấu tạo / loại dụng cụ	hình dạng	loại đầu thay
Bộ A -11 chiếc chứa trong hộp nhựa	F1, F2, P7, P8, P9	dạng cong và dạng thẳng	dạng xoắn ốc loại c1,c2
Bộ B -17 chiếc chứa trong hộp nhựa	F1, F2, F3, P7, P8, P9	dạng cong và dạng thẳng	dạng xoắn ốc loại c1, c2, c3 dạng xoắn ốc nhỏ loại w1, w2, w3.

Lựa chọn dạng dụng cụ tháo vòng đệm dạng chiếc/ dạng bộ corkscrew (dạng xoắn ốc) loại w1-w3 dùng để tháo vòng đệm nhiều loại dạng wood screw (dạng xoắn ốc nhỏ) dùng để tháo vòng đệm cứng và dính chặt dạng solid shaft picks (dạng sắt nhọn) loại P7-P9 dùng để tháo vòng đệm bị khô và vỡ.

T31

THIỆT BỊ

TOOL

THERMOPROBE NHIỆT KẾ



TANK GAUGING

TP7-C



DỤNG CỤ ĐO DÀNH CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP

- NHÀ MÁY CHỨNG CẮT DẦU
- NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÓA CHẤT
- TRẠM XĂNG
- SỞ NGHIÊN CỨU
- DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN DẦU VÀ HÓA CHẤT
- **LOẠI TP7 - C**
- **LOẠI TP - 9**

Đo nhiệt độ từ -40 đến + 2040C / -40 đến + 4000F
(cảm ứng nhiệt 2 phần)

Độ chính xác $\pm 0,10C$ từ 0 đến 1000C

$\pm 0,2 OF$ từ 0 đến 2000F

TP9



DIGITAL THERMOMETERS

TL1-W



TL1-R

ThermoProbe

DIGITAL THERMOMETERS

- Thích hợp cho việc sử dụng trong phòng thí nghiệm hoặc bên ngoài.
- Độ bền cao, màn hình điện tử Dễ đọc, có độ chính xác cao $\pm 20F$ từ 0 đến 2500F
- Dùng pin, có thể phân tích nhiệt 2 phần 0C và 0F.
- Có giấy chứng nhận từ nhà sản xuất và giấy chứng nhận trong nước.
- **Loại TL 1 - R**
- **Loại TL 1 - W**



PROBE TYPES

Custom Design Example

Rail Car

Extra Weight

Asphalt Weight

Standard Weight

T32

THIẾT BỊ



OIL GAUGING

THUỐC ĐO NƯỚC VÀ ĐO MỨC ĐỘ DẦU

KOLOR KUT
WATER FINDING PASTE

KOLOR KUT - CHỈ SỐ SẢN PHẨM XĂNG DẦU VÀ CHẤT LỎNG



Thuốc đo nước loại **KK01** kích cỡ 3oz/ống
Màu tiêu chuẩn : màu nâu chuyển sang màu đỏ tươi khi tiếp xúc với nước, dùng để đo mức độ nước có trong trong dầu các loại như hidrocacbon, lưu huỳnh, axit NO, HCL, AMONIAC, KIỀM, CLO và CLORUA.



Thuốc đo mức độ dầu ben- xin và GASOHOL

Cách dùng: có thể đo mức độ bằng cách bôi thuốc lên miếng đo mức độ dầu hoặc khúc gỗ dùng để đo mức độ dầu, nếu cần đo mức độ nước hay gasohol bao gồm cả mức độ cồn ở trong xăng gasohol thì phải bôi ở phần dưới và nếu cần đo mức độ ben-xin và dầu thô hoặc nguyên liệu lỏng thì phải bôi phần trên.

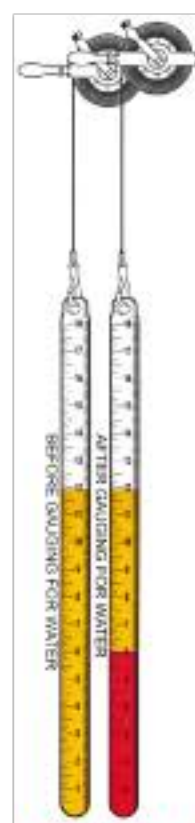
Cách đo dầu : nhúng miếng đo hoặc khúc gỗ đo xuống thùng chứa, có thể đọc được mức độ từ màu xuất hiện trên miếng đo hoặc khúc gỗ dùng để đo, màu sẽ lập tức thay đổi nếu tiếp xúc với hidrocacbon hoặc axit và phải mất từ 10 - 15 phút nếu tiếp xúc với dầu thô.



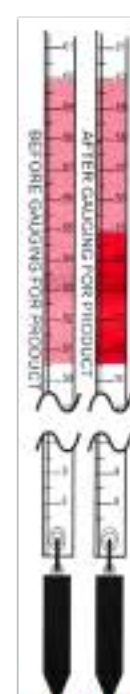
Thuốc đo ben-xin loại **KK02**

kích cỡ 2,25oz/lọ

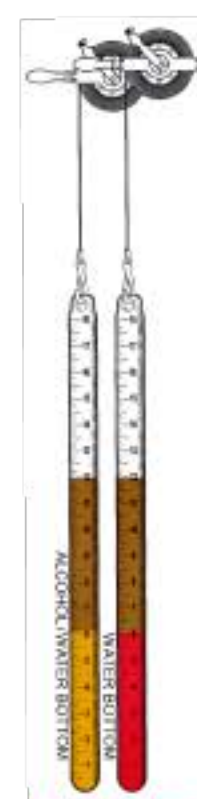
Màu tiêu chuẩn : màu hồng chuyển sang màu đỏ khi tiếp xúc với ben-xin, diesel, Naptha, dầu khí, dầu thô, nhiên liệu A-1 JET FUELS và hidrocacbon.



KK01 Water Finding Paste



KK 02 Gasoline Gauging Paste



KKM3 Mod. Water Paste

Thuốc đo nước cải tiến loại **KKM3** kích cỡ 2,5oz/ống

thuốc đo nước dạng cải tiến dùng chung với ben-xin có pha trộn cồn (gasohol)

Màu tiêu chuẩn : màu nâu chuyển sang màu đỏ tươi khi tiếp xúc với nước hoặc chuyển sang màu vàng khi tiếp xúc với nước có pha trộn cồn, dùng trong việc đo nước ở Methanol và Ethanol (Biofuels) có thể đo mức độ nước pha cồn khi có thành phần pha trộn cồn ở 6%, khi tiếp xúc KOLOR KUT sẽ chuyển sang màu vàng , sản xuất theo tiêu chuẩn MIL-W-83779

T33

THIẾT BỊ

TOOL

HAND CLEANER THUỐC RỬA TAY



GOJO loại 1111-06 dạng lon kích cỡ 4,5 pound, mở nắp xong có thể dùng ngay.

GOJO loại 1115-06 dạng lon kích cỡ 4,5 pound dùng chung với nền ấn **loại 1204-01**

Thuốc rửa tay dạng kem, kem pha trộn PUMICE (hạt lava) có thể rửa mỡ, dầu và Tar (dầu thô), chức năng đặc biệt, có dầu tự nhiên, giữ ẩm cho tay.

Cách dùng cho kem lên tay, thoa tay rồi lau hoặc rửa bằng nước sạch.

Loại 1111-06 Loại 1115-06

Loại 1204-21



GOJO loại 0955-04 dạng chai có nắp bơm kích cỡ 3,78 lít, thuốc rửa tay dạng kem, kem pha trộn hạt lava và nước cam, có thể rửa đất bùn, dầu mỡ, chức năng đặc biệt, giữ ẩm cho tay không lở loét hay khô nứt.

Cách dùng cho kem lên bàn tay, thoa tay rồi lau hoặc rửa bằng nước sạch.



GOJO loại 0915-06 kem pha trộn chanh

GOJO loại 0905-06 kem pha trộn chanh và PUMICE (hạt lava) thuốc rửa tay dạng kem, chứa trong lon kích cỡ 4,5 pound, dùng chung với nền ấn **loại 1204-01** có thể rửa dầu mỡ và Tar (dầu thô) chức năng đặc biệt, có dầu tự nhiên, giữ ẩm cho bàn tay.

Cách dùng cho kem lên bàn tay, pha ít nước, thoa bàn tay rồi lau hoặc rửa bằng nước sạch.

Loại 0915-06 Loại 0905-06

Loại 1204-04

HAND ANTIBACTERIAL LOTION THUỐC RỬA TAY DẠNG DIỆT KHUẨN

GOJO loại 7220-04 kích cỡ 2000ml dùng chung với nền ấn **loại 7200-01**

thuốc rửa tay diệt khuẩn loại túi refill.

Chức năng đặc biệt là bọt lỏng, có thể làm sạch, diệt vi khuẩn thông thường 99,99% và giữ ẩm cho bàn tay.



Loại 7200-01



Loại 7220-04

PURELL loại 5392-02 kích cỡ 1200ml dùng chung với nền ấn **loại 2702-12** thuốc rửa tay dạng diệt khuẩn loại chai refill. Chức năng đặc biệt, có thể làm sạch, diệt vi khuẩn thông thường 99,99% và giữ ẩm cho bàn tay, sử dụng đến 1500 lần.



Loại 2720 - 12



Loại 5392-02

SPECIAL ORDER – ĐẶT NHẬP KHẨU ĐẶC BIỆT



OVER 480,000 PRODUCTS
McMASTER-CARR

GRAINGER

T34

THIỆT BỊ

TOOT

MK MORSE BAND SAW BLADES

LƯỠI CỬA DẠNG DÂY ĐAI

Nhãn hiệu MK MORSE (USA)

Loại FB STD BLADE (lưỡi cưa làm từ kim loại cacbon)

(HARD EDGE/ HARD BACK / STD TOOTH) cạnh răng cứng/ cạnh sau cứng.

- Dùng để cắt thép, sắt sọc, kim loại , thép làm khung, đồng, đồng thau, gang, chì.
- Dùng cho mô tơ điện 3-5 mã lực.
- Chịu áp lực cao khi cưa.
- Nhiệt độ 0°-180°
- Chịu sự cưa liên tục (ở mức giữa)
- Độ cứng của răng cưa (Rc 64 - 67)
- Độ cứng của cạnh sau cưa (Rc 42 48)
- Độ cong răng cưa 0°



Applications



- Light to medium production and non-production work on small to mid-sized machines.
- Cuts cold rolled steel, carbon tool steels, annealed steels, solids, structurals, brass, bronze, cast iron, lead, zinc.

Loại HB/HOOK BLADE

(lưỡi cưa làm từ kim loại cacbon)

(HARD EDGE/ HARD BACK/ HOOK TOOTH)

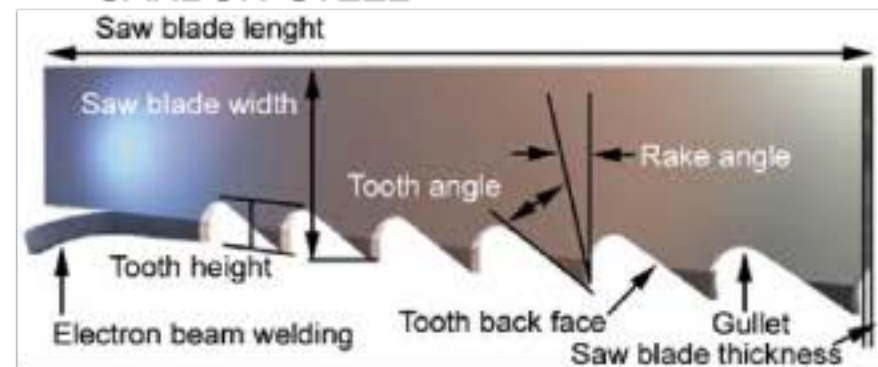
cạnh răng cứng, cạnh sau cứng, răng cưa cong 10°.

- Dùng để cắt thép, kim loại, thép làm khung, đồng, đồng thau, gang, chì.
- Dùng cho mô tơ điện 3-5 mã lực.
- Chịu áp lực cao khi cưa
- Nhiệt độ 0°-185°
- Chịu sự cưa liên tục (cao)
- Độ cứng của răng cưa (Rc 64 - 67)
- Độ cứng của cạnh sau cưa (Rc 42 - 48)
- Răng cưa cong 10°.

lưỡi cưa (BAND SAW AND HACK SAW MK MORSE USA)

BLADE DIMENSION		HB STD	HB HOOK	HB STD	HB HOOK
Chiều cao		răng/inch	răng/ inch	răng/ inch	
Inch	mm				
1/4"	6.3	-	6	8, 6, 18	6
3/8"	9.5	8	6	8, 6, 18	8
1/2"	12.5	6	-	8, 6, 10	-
3/4"	19	6	6	-	-
1"	25	-	4, 6	6, 8	-

** CARBON STEEL



Thuốc bôi trơn nhãn hiệu CASTROL dùng cho dây đai/ lưỡi cưa.

Dùng để bôi lên đầu lăn, hộp mực và lưỡi cưa dây đai để nâng cao chất lượng trong khi làm việc, giảm độ ma sát và tăng tuổi thọ đến 30 % chăm sóc con rọc và các bộ phận máy móc, giúp chống gỉ sét và tăng chất lượng bôi trơn khi làm việc, không tạo vết hay vết bẩn lên bề mặt đối tượng. Dùng trong việc tiện và cưa nhôm, đồng, kim loại để không dính vào nhau.

Cách dùng : bôi lên bề mặt cả hai mặt trước khi cho máy hoạt động, khi có tiếng ồn tăng lên thì bôi thêm lần nữa.

Dung lượng : 350g/hộp



T35

THIẾT BỊ

TOOL

MK MORSE BAND SAW BLADES

LƯỠI CỬA DẠNG DÂY ĐAI

Nhãn hiệu MK MORSE (USA)

Loại FB STD BLADE (lưỡi cưa làm từ kim loại cacbon)

(HARD EDGE/ HARD BACK / STD TOOTH) cạnh răng cứng/ cạnh sau cứng.

- Dùng để cắt thép, sắt sọc, kim loại , thép làm khung, đồng, đồng thau, gang, chì.
- Dùng cho mô tơ điện 3-5 mã lực.
- Chịu áp lực cao khi cưa.
- Nhiệt độ 0°-180°
- Chịu sự cưa liên tục (ở mức giữa)
- Độ cứng của răng cưa (Rc 64 - 67)
- Độ cứng của cạnh sau cưa (Rc 42 48)
- Độ cong răng cưa 0°



Applications



- Light to medium production and non-production work on small to mid-sized machines.
- Cuts cold rolled steel, carbon tool steels, annealed steels, solids, structurals, brass, bronze, cast iron, lead, zinc.

Loại HB/HOOK BLADE

(lưỡi cưa làm từ kim loại cacbon)

(HARD EDGE/ HARD BACK/ HOOK TOOTH)

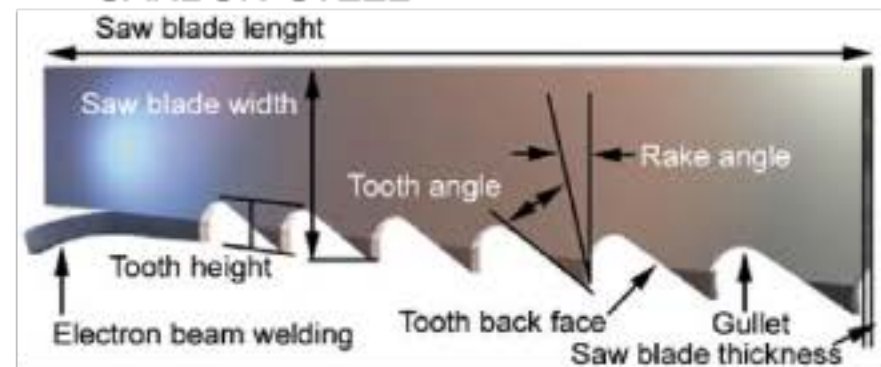
cạnh răng cứng, cạnh sau cứng, răng cưa cong 10°.

- Dùng để cắt thép, kim loại, thép làm khung, đồng, đồng thau, gang, chì.
- Dùng cho mô tơ điện 3-5 mã lực.
- Chịu áp lực cao khi cưa
- Nhiệt độ 0°-185°
- Chịu sự cưa liên tục (cao)
- Độ cứng của răng cưa (Rc 64 - 67)
- Độ cứng của cạnh sau cưa (Rc 42 - 48)
- Răng cưa cong 10°.

lưỡi cưa (BAND SAW AND HACK SAW MK MORSE USA)

BLADE DIMENSION		HB STD	HB HOOK	HB STD	HB HOOK
Chiều cao		răng/inch	răng/ inch	răng/ inch	
Inch	mm				
1/4"	6.3	-	6	8, 6, 18	6
3/8"	9.5	8	6	8, 6, 18	8
1/2"	12.5	6	-	8, 6, 10	-
3/4"	19	6	6	-	-
1"	25	-	4, 6	6, 8	-

** CARBON STEEL



Thuốc bôi trơn nhãn hiệu CASTROL dùng cho dây đai/ lưỡi cưa.

Dùng để bôi lên đầu lăn, hộp mực và lưỡi cưa dây đai để nâng cao chất lượng trong khi làm việc, giảm độ ma sát và tăng tuổi thọ đến 30 % chăm sóc con rọc và các bộ phận máy móc, giúp chống gỉ sét và tăng chất lượng bôi trơn khi làm việc, không tạo vết hay vết bẩn lên bề mặt đối tượng. Dùng trong việc tiện và cưa nhôm, đồng, kim loại để không dính vào nhau.

Cách dùng : bôi lên bề mặt cả hai mặt trước khi cho máy hoạt động, khi có tiếng ồn tăng lên thì bôi thêm lần nữa.

Dung lượng : 350g/hộp



T35

THIẾT BỊ

TOOL

MK MORSE BAND SAW BLADES

LƯỠI CƯA DẠNG DÂY ĐAI



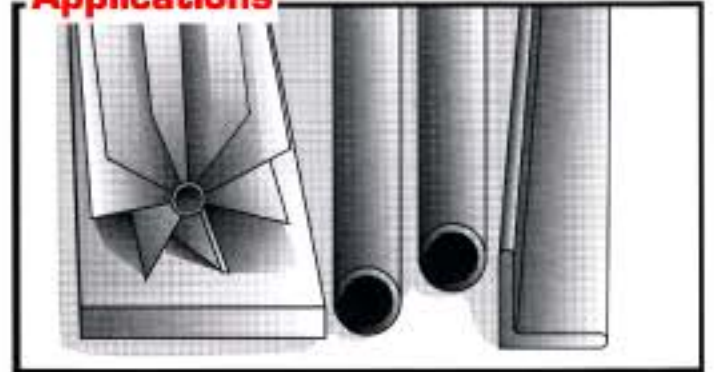
MK MORSE BAND SAW BLADES

**Loại HEF/STANDARD (lưỡi cưa làm từ kim loại cacbon)
(HARD EDGE/ FLEX BACK/ STD TOOTH) cạnh răng cứng, cạnh sau mềm/ dẻo.**

- Dùng để cắt gỗ, nhựa, gỗ cork, fiberglass, graphite, nhôm, đồng, đồng thau, gang, chì, kẽm.
- Dùng cho motor điện 1 - 3 mã lực
- Chịu áp lực thấp khi cưa
- Nhiệt độ 0° - 185°
- Chịu sự cưa liên tục (ở mức giữa)
- Độ cứng của răng cưa (Rc 64 - 67)
- Độ cứng của cạnh sau cưa (Rc 28 - 35)
- Cạnh sau dạng mềm/dẻo
- Răng cưa cong 0°.



Applications



- For small light duty machines with occasional use.
- For tool rooms and general maintenance areas.
- General purpose cutting of mild steels and non-ferrous metals.
- Cuts wood, plastic, cork, fiberglass, graphite, aluminum, brass, bronze, cast iron, copper, lead, zinc, etc.

**Loại HEF/HOOK (lưỡi cưa dùng để cưa nhanh và giảm lực ma sát)
(HARD EDGE / FLEX BACK/ HOOK TOOTH)
cạnh răng cứng, cạnh sau mềm/dẻo, cạnh răng cong 100.**

- Dùng để cắt gỗ, nhựa, gỗ cork, fiberglass, graphite, nhôm, đồng, đồng thau, gang, chì, kẽm.
- Dùng cho motor điện 1 - 3 mã lực.
- Chịu áp lực thấp khi cưa.
- Nhiệt độ từ 0° - 185°
- Chịu sự cưa liên tục (cao) như đồ đạc nội thất.
- Độ cứng của răng cưa (Rc 64 - 67)
- Độ cứng của cạnh sau cưa (Rc 28 - 35)
- Cạnh sau dạng mềm/dẻo.
- Răng cưa cong 0°.



TOOL

T36

THIẾT BỊ

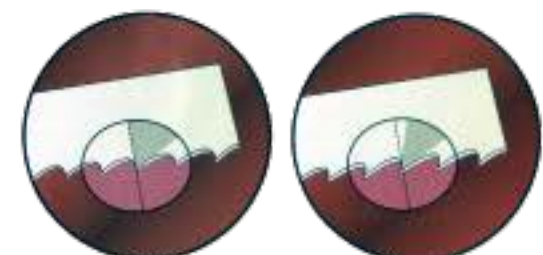
TOOTH TYPE



STANDARD

HOOK

TOOTH FORM



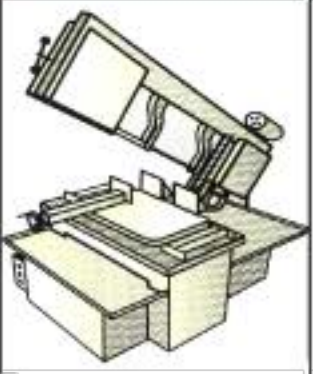



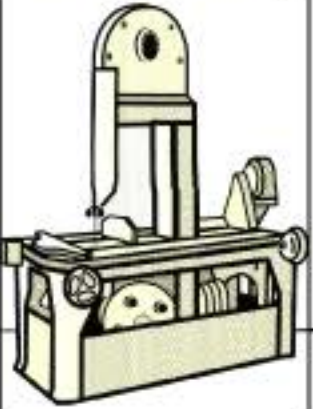



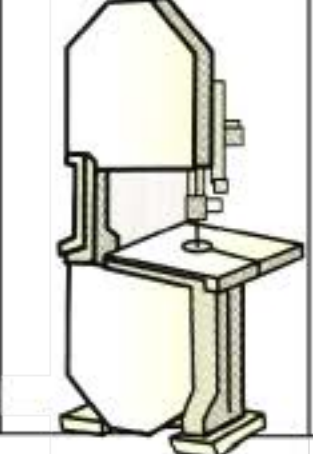

STANDARD (0 RAKE)

HOOK (POSITIVE RAKE)

MK MORSE BAND SAW BLADES

LƯỚI CỬA DẠNG DÂY ĐAI



	Loại máy cưa	Thể loại kim loại	Thể loại công việc sử dụng
Loại independence.	 <p>Máy cưa loại làm việc liên tục hơn 7 giờ/ngày hệ thống tự động, máy cắt theo chiều thẳng đứng hoặc máy cắt theo chiều ngang.</p>	<p>Cắt kim loại mọi thể loại, thép gang, stainless, hợp kim loại đặc biệt, dạng thanh tròn, ống dày, ống mỏng, thanh vuông, hình chữ I, cả dạng chiếc, dạng bó và dạng xếp chồng lên nhau.</p> 	<p>Có thể cưa lâu hơn 7 giờ/ngày.</p>
Loại M42	 <p>Máy cưa loại sử dụng liên tục hơn 7 giờ/ngày hệ thống tự động, máy cắt dạng thẳng đứng hoặc máy cắt dạng chiều ngang.</p>	<p>Cắt kim loại mọi thể loại, thép, gang, stainless, hợp kim đặc biệt, dạng thanh vuông, thanh tròn, ống dày.</p> 	<p>Cắt được lâu hơn 7 giờ/ngày người dùng có thể thay đổi kiểu cắt.</p>
Loại Matrix	 <p>Máy cắt loại sử dụng thông thường sử dụng 4 giờ/ngày, hệ thống tự động hoặc hệ thống điều chỉnh bằng tay, máy cắt theo chiều thẳng đứng hoặc cắt theo chiều ngang hoặc cắt theo hình dạng mong muốn.</p>	<p>Cắt kim loại mọi thể loại, thép có độ cứng thấp đến loại thép có độ cứng trung bình, loại ống mỏng, thanh vuông, ống hình chữ I cả dạng chiếc, dạng bó và dạng xếp chồng lên nhau.</p> 	<p>Cắt liên tục hoặc cắt theo mong muốn người dùng có thể đổi kiểu cắt hoặc thể loại kim loại.</p>
Loại hard edge hard back	 <p>Máy cắt loại sử dụng thông thường, sử dụng 4 giờ/ngày, hệ thống tự động hoặc hệ thống điều chỉnh bằng tay, máy cắt theo chiều thẳng đứng hoặc máy cắt theo chiều ngang hoặc cắt theo hình dạng có vòng làm việc thấp hơn 4000f/phút.</p>	<p>Cắt kim loại dạng nhôm, đồng, đồng thau, nhựa, thép có độ cứng thấp đến thép có độ cứng trung bình, gang nhôm, thép làm khung, dạng thanh tròn, ống mỏng, tấm thép.</p> 	<p>Cắt được khoảng 4 giờ/ngày.</p>
Loại HARD EDGE FLEX Back	 <p>Máy cắt loại sử dụng thông thường, sử dụng khoảng từ 1-3 giờ/ ngày, hệ thống tự động hoặc hệ thống điều chỉnh bằng tay, máy cắt theo chiều thẳng đứng hoặc máy cắt theo chiều ngang hoặc cắt theo hình dạng có vòng làm việc nhiều hơn 15000 f/phút.</p>	<p>Cắt kim loại như nhôm, đồng, đồng thau, nhựa, gỗ, thép có độ cứng thấp đến thép có độ cứng trung bình, gang nhôm, thép làm khung, thép hình chữ I, ống mỏng, tấm thép.</p> 	<p>Cắt dạng thông thường thích hợp cho ngành sửa chữa bảo trì hoặc nhà máy tiện, người dùng có thể thay đổi kiểu hoặc thể loại kim loại.</p>

BAND SAW BLADES LƯỠI CỬA DẠNG DÂY ĐAI

Lưỡi cưa MORSE loại CHALLENGER RockWell 68 – 69.

Thể loại sử dụng và Đặc điểm : dùng được lâu/ đường cắt thẳng.

- Dùng để cắt thép hình chữ I, cả dạng đơn và dạng bó.
- Dùng để cắt ống thép tròn và ống thép vuông cả dạng đơn và dạng bó.
- Cắt kim loại được nhiều kích cỡ, nhiều dạng, cả dạng tròn, dạng vuông, dạng mỏng, dạng dày.
- Cắt kim loại dạng hợp kim, thép thông thường và thép kết cấu A36.

Challenger® Bi-Metal Structural Blades Challenger® Blades



Width x Thickness		Teeth Per Inch				
Inches	mm	2/3	3/4	4/6	5/7	8/11
1/2 x .025	12.7 x .64					▼
3/4 x .035	19 x .90				▼	▼
1 x .035	27 x .90			▼	▼	▼
1-1/4 x .042	32 x 1.1	▼▼	▼▼	▼▼	▼	▼
1-1/2 x .050	41 x 1.3	▼▼	▼▼	▼▼	▼	▼
2 x .063	54 x 1.6	▼▼	▼▼	▼▼		
2-5/8 x .063	67 x 1.6	▼▼	▼▼	▼▼		

▼ Heavy Set



Lưỡi cưa MORSE loại MATRIX II GENERAL PURPOSE RockWell 66 – 67.

Thể loại sử dụng và đặc điểm : dành cho ngành sửa chữa bảo trì và nhà máy tiện.

- Dùng để cắt thép thông thường, thép kết cấu A36, thanh thép, gang, thép làm khung, thép hình chữ U.
- Dùng cho máy cưa loại nhỏ đến loại vừa, là loại máy cắt theo kiểu thẳng đứng và máy cắt theo kiểu nằm ngang.
- Giá cả phù hợp với chất lượng sử dụng cả loại quấn và loại cắt.

Matrix II General Purpose Bi-Metal Blades Variable Pitch-Positive Rake

Width x Thickness		Teeth Per Inch		
Inches	mm	2/3	3/4	4/6
		Variable		
3/4 x .035	19 x .90		▼	▼
1 x .035	27 x .90		▼	▼▼
1-1/4 x .042	34 x 1.07		▼	▼
1-1/2 x .050	41 x 1.27	▼	▼	▼

▼ Heavy Set



Lưỡi cưa MORSE loại M42 PRODUCTION BI – Metal Blade * BEST SELLER *

Thể loại sử dụng và đặc điểm : sử dụng được lâu/dành cho máy móc có vòng xoay nhanh.

- Dùng tốt nhất cho việc cắt thép dạng thanh tròn, thanh vuông và ống thép loại dày.
- Dùng cho thép thông thường, hợp kim thép, thép stainless một số loại.
- Chi phí cắt cho mỗi lần cắt thấp.
- Dùng cho máy cưa (HEAVY DUTY) là loại máy cắt theo kiểu thẳng đứng và kiểu nằm ngang.



M42 Production Bi-Metal Blades Variable Pitch – Positive Rake

Width x Thickness		Teeth Per Inch					
Inches	mm	1.4/2.5	2/3	3/4	4/6	5/7	8/11
		Variable					
1/2 x .025	12.7 x .64						▼
3/4 x .035	19 x .90				▼	▼	
1 x .035	27 x .90		▼	▼▼	▼▼	▼	
1-1/4 x .042	34 x 1.07		▼	▼▼	▼▼	▼	
1-1/2 x .050	41 x 1.27	▼	▼	▼▼	▼▼		
2 x .050	54 x 1.27		▼	▼			
2 x .063	54 x 1.60	▼	▼	▼			

▼ Available with 6° rake angle



TOOL

T38

THIẾT BỊ

BAND SAW BLADES LƯỠI CỬA DẠNG DÂY ĐAI



Independence II® High Production Bi-Metal Blades

Width x Thickness		Teeth Per Inch			
Inches	mm	2/3	3/4	4/6	5/7
		Variable			
1 x .035	27 x .90	▼	▼	▼	▼
1-1/4 x .042	34 x 1.07	▼	▼	▼	▼
1-1/2 x .050	41 x 1.27	▼	▼	▼	▼
2 x .063	54 x 1.60	▼	▼	▼	▼



Lưỡi cưa MORSE loại INDEPENDENCE II RockWell 71.

Thể loại sử dụng và đặc điểm : cắt được nhiều loại kim loại.

- Có tốc độ cắt cao, bền bỉ, chịu nhiệt và lực cắt mạnh.
- Cắt được kim loại nhiều kích cỡ, nhiều loại, thanh thép tròn, thanh thép vuông, thép làm khung, dạng đơn hoặc dạng bó.
- Dùng cho thép cứng A2, D2, S7, thép không gỉ 304, 316, 17 - 4.
- Cắt kim loại dạng hợp kim độ cứng ở mức độ vừa, thép cacbon và thép kết cấu A36.
- Tiết kiệm chi phí, sử dụng được lâu và ít khi thay dây đai.

Independence EXS
Made In USA

MORSE

Independence EXS High Production Bi-Metal Blades

Width x Thickness		Teeth Per Inch				
Inches	mm	1/1.5	1.5/2	2/3	3/4	4/6
		Variable				
1 x .035	27 x .90			▼	▼	▼
1-1/4 x .042	34 x 1.07			▼	▼	▼
1-1/2 x .050	41 x 1.27	▼	▼	▼	▼	
2 x .063	54 x 1.60	▼	▼	▼	▼	



Lưỡi cưa MORSE loại INDEPENDENCE EXS HIGH PRODUCTION

Thể loại sử dụng và đặc điểm : hạn sử dụng

- Thích hợp với máy cưa dạng dây đai có tốc độ cao khi cắt
- Dùng để cắt thanh thép tròn, thanh thép vuông, ống thép dày.
- Cắt kim loại dạng hợp kim, cacbon, thép không gỉ một số loại.
- Dành cho máy cưa cỡ vừa đến máy cưa HEAVY DUTY (sử dụng hơn 7 giờ/ ngày) là loại máy cắt theo kiểu thẳng đứng và máy cắt theo kiểu nằm ngang.
- Tiết kiệm chi phí trong mỗi lần cắt.

BAND SAW BLADES LƯỠI CỬA DẠNG DÂY ĐAI

Lưỡi cưa MORSE
loại ACHIEVER PRODUCTION BLADE RockWell 69.

Thế loại sử dụng và đặc điểm
có độ chính xác cao khi cắt.

- Hạn sử dụng lâu, có tốc độ khi cắt cao.
- Cắt loại đối tượng bó cỡ lớn, chồng lên nhau dạng dây, thép chữ I, thanh thép cỡ lớn.
- Cắt khuôn mẫu, khung hình học, cắt hợp kim, cacbon, stainless.
- Thích hợp cho trung tâm phân phối sắt thép và nhà máy sản xuất thép.

THE MORSE ACHIEVER™
The Morse Achiever™

Width x Thickness		Teeth Per Inch							
Inches	mm	.75/1.1	1.1/1.5	1.5/2.0	1.4/2.5	2/3	3/4	4/6	5/7
1 x .035	27 x .90					▼	▼	▼	▼
1-1/4 x .042	34 x 1.07				▼	▼	▼	▼	▼
1-1/2 x .050	41 x 1.27				▼	▼	▼	▼	▼
2 x .063	54 x 1.60				▼	▼	▼	▼	▼
2-5/8 x .063	67 x 1.60	▼	▼	▼		▼	▼	▼	▼
3 x .063	80 x 1.60	▼	▼	▼		▼	▼	▼	▼

Variable Pitch - Positive Rake

▼ Heavy Set ▼ Available in 6° Positive Rake

INDUSTRIAL HAND TOOLS (THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP)



Kéo cắt kim loại
xích hoặc dây điện (USA)
loại 0190 FC dài 2,45 inch
tay cầm làm từ fiber
loại 0990 MC dài 24 inch
tay cầm làm từ kim loại



Bàn chải và chổi loại nhập khẩu, dùng trên tàu thuyền và ngành công nghiệp.



Nhãn hiệu TEMPEST loại 375k, cưa máy
sử dụng lưỡi cưa 14 inch
cắt sâu 4,77 inch (120 mm)
động cơ 5 mã lực (74,7 cc)
chọn lưỡi cưa loại CARBIDE và FIBER
để cắt bê tông và kim loại.

Loại	hình dạng	vật liệu	chiều dài/ bàn chải
2-DOPE	PIPE DOPE W/ GUARD	Gry. Tampico	Dài 16 inch/ 2,5 inch (bàn chải lồng)
4S (387)	SHOE HDL SCRATCH	4 X 16 WIRE	Dài 10 inch/ 1-1/8 inch (bàn chải lồng)
40 (8P)	8 inch FENDER WASH	PALYMYRA	Dài 8.5 inch/ 2 inch (bàn chải lồng)
41 (8T)	8 inch FENDER WASH	WHT. TAMPICO	Dài 8.5 inch/ 2 inch (bàn chải lồng)
44 (20P)	20inch FENDER WASH	PALYMYRA	Dài 20 inch/ 2 inch (bàn chải lồng)
45 (20T)	20 inch FENDER WASH	WHT. TAMPICO	Dài 20 inch/ 2 inch (bàn chải lồng)
58	COUNTER DUSTER	BL.TAMPICO	Dài 13.5 inch/ 2 inch (bàn chải lồng)
500 WB	3 SEW-WHISK BROOM	BROOM CORN	Dài 12 inch
44056	4 ROW SCRATCH	4 X 19 WIRE	Dài 14 inch
			bàn chải lồng 6 inch
44007	UPRIGHT BROOM	BASS FIBER	Dài 55 inch
			bàn chải lồng 10 inch



Thang cuốn chữa cháy loại AE 4000.

Cuốn 2 khúc (USA) chọn chiều dài 6-40 fts (2-12 mét)
thang công nghiệp nhãn hiệu LOUISVILLE (sản xuất tại HOA KỲ)
tùy chọn vật liệu Fiber hoặc nhôm, dạng chữ A, dạng thẳng
và dạng cuốn, chọn chiều dài 6-40fts (2- 12 m)
chịu trọng lượng đến 300 pound (136 kg).

TOOL

T40

THIẾT BỊ

WELDING THIẾT BỊ HÀN GA VÀ HÀN ĐIỆN

CABLE CONNECTIONS



QUALITY ELECTRODE HOLDERS



Light, Medium, and Heavy Duty Models



CABLE LUGS



Series 1 1-218

Deseaming, gouging, weld preparation, removing defective welds, and washing rivets.



THIẾT BỊ ĐẦU HÀN ĐIỆN

Nhãn hiệu	chi tiết	thể loại	đặc điểm
LENCO	đầu kẹp	01020(AF-2)	200-250 AMP
LENCO	đầu kẹp	01040(AF-3)	300-500 AMP
LENCO	đầu kẹp	01050(AF-35)	350-400 AMP
LENCO	Khớp nối dây điện loại nối nhanh	05050(LC-40)	một bộ
LENCO	khớp nối đồng	07020(L-1020)	màu đen cỡ dây điện 1/0-2/0
LENCO	khớp nối đồng	9520-1109(T-40HD)	dây HD cỡ 4/0
LENCO	khớp nối đồng	9520-1105(T-120)	1-2/0
LENCO	dạng kẹp (GROUND)	9205-1202 (WSEG-500)	500 AMP
LENCO	dạng kẹp (GROUND)	9205-1150 (GC-600-50)	600 AMP
LENCO	dạng kẹp (GROUND)	9205-1130 (GC-300)	300 AMP

Thiết bị hàn ga và hàn điện nhãn hiệu VICTOR ga dùng để hàn và cắt với hệ thống ga

Loại	chi tiết	
0381-0816 (CA2460)	loại đủ bộ, đầu cong 90 độ	
0381-0818 (CA2462)	loại đủ bộ đầu hàn cong 90 độ	
0382-0034 (315FC)	loại chỉ có cán.	
Chỉ đầu hàn/loại	kích cỡ	chi tiết
0330-0012 (0-1-101)	số 0 dạng thẳng	dùng để cắt
0330-0114 (4-1-118)	số 4 dạng tròn/cong và dẹp	dùng để cắt và chữa
0330-0113 (2-1-118)	số 2 dạng tròn/cong và dẹp	dùng để cắt và chữa
0330-0178 (4-1-218)	số 4 loại tròn và cong	dùng để cắt
0330-0005 (1-1-005)	dạng thẳng	dùng để cắt
0330-0109 (0-1-118)		
0323-0250 (04MFA)	số 4 loại cong	dùng để thám nhiệt
0323-0252 (10MFA)	số 10 loại thẳng	dùng để tăng nhiệt
0331-0014 (1-3-101)	đầu TIPG	
Dụng cụ bổ sung	thể loại	chi tiết
0903-0004	loại B 9/16"-18"	ga ACETYLENE
0690-0032	loại CTO check valve	khí ôxi
0690-0032	loại CTF check valve	ga ACETYLENE
0386-0297	loại mỗi lửa	
0330-0005	1	dùng để cắt.

Mặt nạ hàn và mền chống tia lửa.

Nhãn hiệu	thể loại	loại	đặc điểm
BAYON	mũ	B 730	có sprink xoay điều chỉnh, kính mắt có thể đóng / mở
BAYON	lót trong	B-730-H	có sprink điều chỉnh
BAYON	mắt kính	B 730-L	mắt kính 2" x 4 - 1/4"
BAYON	mền chống tia lửa	10ftx10ft loại 30101	dùng để treo.



BAYON B730 MẶT NẠ HÀN LOẠI TRÙM ĐẦU.

Làm từ vật liệu Fiberglass trọng lượng nhẹ chống ánh sáng và tia lửa khi hàn có thể điều chỉnh theo kích cỡ đầu bền bỉ, trọng lượng nhẹ, kích cỡ mắt kính 2"x4,25" chống bức xạ da, chống tia lửa và không bắt lửa.



Mền chống tia lửa

Mền chống tia lửa dùng làm màn trùm chịu nhiệt độ 300°C làm từ vải chịu lửa, trùm đồ vật.

DIXON AIE HOSE COUPLING & CONNECTIONS NHÃN HIỆU DIXON KHỚP NỐI ỐNG KHÍ

DIXON AIR HOSE COUPLINGS & CONNECTIONS NHÃN HIỆU DIXON KHỚP NỐI ỐNG KHÍ

khớp nối đuôi



knurled wrench grip

tua vít



bu lông



Kích cỡ ống	1/4"	3/8"	1/2"	3/4"	1"
Nipples	-	-	STC1	STC1	STC10
Coupling/khớp nối					
HOSE END/khớp nối đuôi	-	AMH	AM1	AM6	AM11
Tua vít NPT (M),	AMB1	AMB	AM2	AM7	AM12
Bu lông NPT (F)	AMC1	AMC	AM3	AM8	AM13
Clamps/dây nịt					
loại Boss 2- Bolt	BD	CD	DD	B9/BU9	POR
Loại AIR KING-2/B	-	CD	A4	A9	POR
CLIP	-	AC1	AC1	AC1	AC1



2-bolt type
Clamps



Triple Connections



KHỚP NỐI 3 CHIỀU AM 10



Hose End

Tool End

Style WSR, for hose-to-tool service



Hose End

Hose End

Style W, for hose-to-hose service

DIXON AIR HOSE & AIR TOOL SAFETY CABLES / Dây cáp an toàn

Kích cỡ dây	dây vòng trong	độ dài	áp lực cao nhất	vật liệu
Loại WSE-dây-dụng cụ	WSR2 1-1/2"-3"	38"	200 PSI	thép
Loại w - dây - dây	WA2 1-1/2"-3"	38-1/4"	200 PSI	thép



TAPES AND MARKERS - BĂNG KEO VÀ VẼ PHÒNG PHẨM

MARKAL MARKERS

PAINT STICK

Có thể sử dụng dưới nhiệt độ 150°F
có thể viết lên bề mặt thô hoặc mịn
ướt hoặc rỉ sét

TYPE B Loại 80220 màu trắng
Loại 80221 màu vàng



T42

TYPE E Loại 88620 màu trắng
Loại 88621 màu vàng

THIẾT BỊ



KEO DÁN CÔNG NGHIỆP DÙNG ĐỂ ĐÓNG BẢO VỆ, GÓI, NỐI

- Băng keo quấn tua vít từ HOA KỲ tùy chọn 3 kích cỡ 1/2", 3/4" và 1"
- Băng keo quấn ống chiều rộng 4" và 6" để ống không bị rỉ
- Duct Tape hay băng keo vải màu bạc sử dụng để nối hoặc sửa ống máy điều hòa

BĂNG KEO PHÂN CÁCH

- Băng keo ni - lông dùng để phân cách khoảng trống có thể tái sử dụng được gồm màu trắng - đỏ
- Băng keo có in chữ "CAUTION"
- Keo dán phân cách dành cho dán tường hoặc nền.

SAFETY LIGHTING ĐÈN PIN

Đèn pin chống nước và chống nổ tiêu chuẩn UL-DIV1 BRIGHT STAR

www.flashlight.com



- Loại tốt 17340 */ Loại tốt nhất 14460 ** (2-D Cell)
- Loại tốt 14240 */ Loại tốt nhất 14720 ** (3-D Cell)
- Loại 2206 dạng cầm tay (sử dụng pin hình vuông kích cỡ 6V 1 cục)
* Công tắc làm bằng Polyethylene, cầu giao làm bằng đồng
** Công tắc làm bằng Polyrthylene, cầu giao làm bằng đồng thau+sắt.
Lưu ý: pin dành cho đèn phải đặt mua riêng.

Chức năng đèn pin chống nước, chống nổ Bright star kiểu DIV1 màu cam

- Sử dụng trong khu vực có ga hoặc chất lỏng có thể gây nổ như Acetylene, Hydrogen, Ethylene, Propane.
- Sử dụng bóng đèn loại thường và có bóng đèn bán riêng lẻ.

Division 1 WorkSAFE™ I Tiêu chuẩn chứng nhận mức độ an toàn

Loại MODEL NUMBER	Type Designation	MSHA Approved	UL Underwriter Laboratories Division 1			
			Class I Group C	Class I Group D	Class II Group G	Class II
13740 / 14460	II	✓	✓	✓	✓	✓
14240 / 14720	II	✓	✓	✓	✓	✓
2206	II	✓	✓	✓	✓	✓

Đèn pin dạng cầm tay và sạc lại được RECHARGEABLE

Chức năng đèn pin kiểu cầm tay và sạc lại được

- Có thể sạc bằng điện trong xe và điện nhà
- Trọn bộ gồm có pin khô 6V thiết bị sạc điện nhà và sạc điện trong xe
- Tay cầm tùy chỉnh gồm kiểu thẳng đứng và kiểu xách tay.

Đèn pin chống nổ tiêu chuẩn FM PELICAN



- Chức năng đèn pin chống nước, chống nổ
- Sử dụng loại pin ALKA LIGHT sử dụng điện cao
 - Có bóng đèn bán riêng lẻ
 - Chống nước: 100 feet

- Loại 2400C + 700 kiểu gắn với mũ (4AA Cell)
- Loại 2000C kiểu cầm tay (3-C Cell)
- Loại 4000B kiểu dual filament (8-D Cell)
- Loại 1900C kiểu cầm tay (2. AAA Cell)



Pelican
www.pelican.com



CASIKO



Loại CK 9288
1,000,000 nắn điện



MAG INSTRUMENT

- Loại M2A01H đèn pin cùng với túi (2-AA Cell)
- Loại S2D 016, S3D016, S4D016 (2-D Cell), (3-D Cell), (4-D Cell)
- Loại S6D016 (6-D Cell)

www.maglite.com

Chức năng đèn pin chống nước

- Khung đèn làm bằng hợp kim nhôm
- Chống thấm 100%
- Có bóng đèn bán riêng lẻ



HEAD PROTECTION BẢO VỆ ĐẦU



- Trọng lượng nhẹ
- Dùng chung với
 - mặt nạ
 - bộ trùm tai
 - mũ mặt nạ hàn.
- Dụng cụ bổ sung
 - dây đeo cằm
 - đèn pin
 - tấm hút mồ hôi.
- Phụ tùng
 - lót trong mũ
 - kích cỡ S,M
- Tiêu chuẩn ANSI Z 89.1 1997 CLASS E & G

MSA V-GUARD CAP



Dạng nút điều chỉnh loại

W 96 mặt nạ.
H 18
tấm chắn mặt

Loại FAS-TRAC phân phối phụ tùng
chỉnh loại

Loại STAZ-ON

• Dạng trượt để điều chỉnh
cả hai loại đều có màu để chọn
(màu trắng, vàng, xanh, xanh lá
cây và màu đỏ)

• **REPLACEMENT**
dạng nút điều chỉnh



AEARO H18 + W96

- Tấm chắn, mũ cùng mặt nạ
- có thể dùng chung với mũ bảo hiểm nhiều loại
- có mặt nạ bán riêng.



CHINTRAPS

Dây đeo cằm dạng thắt
Loại 81390 dạng cầm
Loại 88128 dạng móc
Dây đeo cằm loại vải dệt
Loại 81390 dạng cầm
Loại 81329 dạng móc.



**VENTED SAFETY
ADVANCE CAP
V-GUARD
MŨ LOẠI THÔNG HƠI.**



Hơi nóng thoát
ra từ bên trên



gió vào từ bên dưới

chống ánh nắng

Dạng nút điều chỉnh V-GUARD HAT

- mũ bảo hiểm loại có vành xung quanh
- tiêu chuẩn ANSI Z 89.1 1997 CLASS C
- tùy chọn màu (màu trắng, vàng, xanh, xanh lá cây, đỏ)
- có phụ tùng lót trong có thể đổi được.

NEW

HEAD PROTECTION TIS 368-2538 DỤNG CỤ BẢO VỆ ĐẦU TIS 368-2538

S GUARD

Mũ bảo hiểm

- Loại S-1 R lót trong xoay để điều chỉnh
- Loại S-1 P lót trong trượt để điều chỉnh
có lỗ thông hơi.
- Loại J-1 R lót trong xoay để điều chỉnh
có lỗ thông hơi.
- Loại J-1 D lót trong trượt để điều
chỉnh có lỗ thông hơi.

sản xuất tại Thailand



Lót trong mũ

- Loại RS-119 lót trong xoay để điều chỉnh
- Loại PS-121 lót trong trượt để điều chỉnh.

Dây đeo cằm.

- Loại CT-S1 dành cho (mũ loại S-1P) dây đeo cằm cao su đàn hồi.
- Loại CT-S2 dành cho (mũ loại S-1P) dây đeo cằm cao su đàn hồi, có cao su lót cằm.
- Loại J-1S1 dành cho (mũ loại J-1R) dây đeo cằm cao su đàn hồi.
- Loại J-1S2 dành cho (mũ loại J-1P) dây đeo cằm cao su đàn hồi, có cao su lót cằm.
- trọng lượng nhẹ, sản xuất từ nhựa ABS (Acrylonitrin butadien styren) .
- vành xung quanh mũ có rãnh chống nước mưa chảy vào gây bẩn
- cạnh mũ có khe để dùng chung với dụng cụ xung quanh mũ, mặt nạ hàn kim loại và bộ tấm chắn mặt.
- lót trong dây nylon 2,5 cm, loại chịu lực chấn động, 6 bộ sẽ giúp chịu lực chấn động được tốt hơn.
- Lót trong tùy chỉnh kích cỡ 50-65 cm.
- Có nhiều màu để chọn (màu trắng, vàng, cam, xanh lá cây, xanh, đỏ)
- Hạn sử dụng từ 3 - 5 năm, các bộ phận cấu tạo mũ nên thay mỗi 6-12 tháng.



MŨ BẢO HIỂM DẠNG CÓ LỖ THÔNG HƠI

THIẾT BỊ

Xem thêm chi tiết : www.msanet.com

EYE PROTECTION BẢO VỆ MẮT

- Mắt kính bảo hộ kiểu thể thao (sleek, sporty style)
- Thích hợp với khuôn mặt mọi kích cỡ (soft-touch temples)
- Trọng lượng nhẹ, thoải mái khi đeo vào (lightweight construction)

Nemesis™

- Bảo vệ từ mọi phía với chỉ một ống kính (single-lens-wrap-around protection)
- Chống tia UV 99,9% protection 99,9%
- Tiêu chuẩn Z87,1 + (Meets ANSI Z. 87,1 +)
- Tặng dây cổ định mắt kính (free neck cord)

● **NEMESIS 25676**

ống kính trong suốt (clear) thêm độ sắc nét, thích hợp với công việc bên trong tòa nhà.



● **NEMESIS 25685**

ống kính màu trà (indoor/outdoor) chống ánh nắng, thích hợp với công việc ngoài trời.



● **NEMESIS**

ống kính thủy ngân (Blue Mirror) chống nắng thích hợp cho công việc ngoài trời.



● **NEMESIS**

ống kính trong suốt màu vàng (Amber) thêm độ sáng khi sử dụng trong khu vực tối.



● **NEMESIS 25679**

ống kính màu trong suốt (clear) chống tia UV



● **NEMESIS**

ống kính màu đen chống nắng.



NƯỚC RỬA ỐNG KÍNH



- Giấy lau ống kính nhãn hiệu UV EX
Loại S462 (500 miếng/ hộp)
- Nước rửa ống kính nhãn hiệu UV EX
Loại S463 16oz

BOUTON 1LC382D 3,5oz

- Có cả giấy lau và nước rửa ống kính trong một hộp
- Tiện lợi khi mang theo và sử dụng ở mọi nơi
- Tiện lợi khi lau và làm vệ sinh ống kính
- Có thể lấy và sử dụng ngay không mất thời gian khi làm vệ sinh.



THUỐC RỬA MẮT



EYEWASH STATION

Loại 461 bộ 1 chai 32oz cùng khay đựng



DOUBLE EYEWASH STATION

Nước rửa mắt loại 462 gồm 2 chai 32oz cùng khay đựng



Loại 455 (chỉ nước rửa mắt)

T45

THIẾT BỊ

FOOT

JUSTRITE CHEMICAL STORAGE DỤNG CỤ BẢO QUẢN HÓA CHẤT

Tủ cất vật liệu dễ cháy, vật liệu có thể gây cháy
vật liệu ăn mòn.

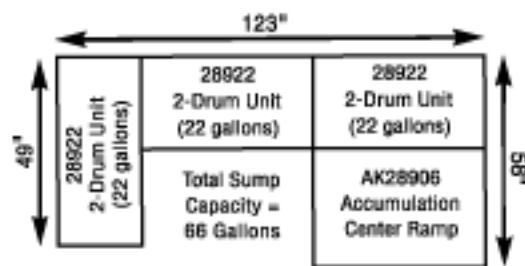


STORAGE CABINETS FOR FLAMMABLE,
COMBUSTABLE & CORROSIVE MATERIALS

Hệ thống tủ cất, hệ thống nạp và hệ thống GATOR (pallet ngăn tràn) là thiết bị giữ an toàn có chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế để bảo quản hóa chất một cách an toàn, nhãn hiệu JUSTRITE thích hợp với nhà máy quan tâm đến sự an toàn khi bảo quản hóa chất và đi vào hệ thống ISO 1800 (sự an toàn) và ISO 14000 (môi trường) sản phẩm từ HOA KỲ được chứng nhận tiêu chuẩn từ 87 và OSHA.



3 - 28922 2-Drum Units
1 - AK28906 Ramp
2 - 28927 Sump-to-Sump™ Drain Kits



Add a ramp for convenience!
Sturdy clips securely join ramp to pallet edge for a snug fit.

www.justritemfg.com



Gator® Accumulation Centers

Product Description	Sump Cap. (Gallons)	Load Bearing Capacity	Outside Dimensions W x D x H	Model No.
2 drum unit	22	2400 lbs	49" x 25" x 5 1/2"	28922
4 drum unit	43	6000 lbs	49" x 49" x 5 1/2"	28923
6 drum unit	64	7000 lbs	73" x 49" x 5 1/2"	28924
8 drum unit	85	8000 lbs	97" x 49" x 5 1/2"	AK28905
Ramp for above	-	1000 lbs	48" x 33" x 5 1/2"	AK28906
Joining clips, one pair, stainless steel			4" x 2" 6 1/4"	28926
Sump-to-Sump™ Drain Kit			One pair stainless steel joining clips, one pair rubber grommets, one teflon transfer tube	28927

Màu tiêu chuẩn của vật liệu nguy hiểm

	Yellow for flammable liquids	Dễ cháy
	Red for paints, inks, and other combustible liquids	Màu, mực khác.
	Blue for corrosive liquids	Ăn mòn
	Green for pesticides and insecticides	Thuốc diệt côn trùng
	White or Gray for other uses such as for hazardous waste materials.	Rác thải độc hại Màu đặc biệt
	Other neutral colors for laboratory settings to match existing casework.	Dành cho hóa chất khác



Bình cất và nạp
Easy-to-Use-Safety Can
100% Compliant • 100% Leak-tested



Bộ trám lỗ thùng loại 715
Trám lỗ thùng đến ¾ - 4 inch
Làm bằng gỗ 3 miếng ¾ - 4 inch
Làm bằng cao su NEOPRENE
¾-4 inch cùng khay đựng và búa bằng đồng.



Bộ thấm hút hóa chất.
Dụng cụ thấm hút hóa chất dạng phao, miếng, cuộn, bộ bảo hộ (PPE) bao tay giày và bộ đồ liền thân. Thiết bị bảo vệ khu vực, bảng an toàn bằng keo ngăn cách khu vực, epoxy trám lỗ thùng nhãn hiệu DEVCON 11600 MAGIC BOND.



Bộ thấm hút hóa chất cùng xe đẩy
thấm hút hóa chất đến 14 gallons (53 lít)
cùng dụng cụ phao, cuộn, miếng chứa trong tủ với bánh đẩy, sử dụng cả bên trong và ngoài tòa nhà.



This Kit even fits through narrow aisles and doorways!

T46

THIẾT BỊ

WORK CLOTHING FLAME CHEMICAL AND DIRT RESISTANT

BỘ QUẦN ÁO LÀM VIỆC CHỐNG CHÁY, HÓA CHẤT VÀ CHỐNG BẨN



CHEMICAL SUIT LEVELS

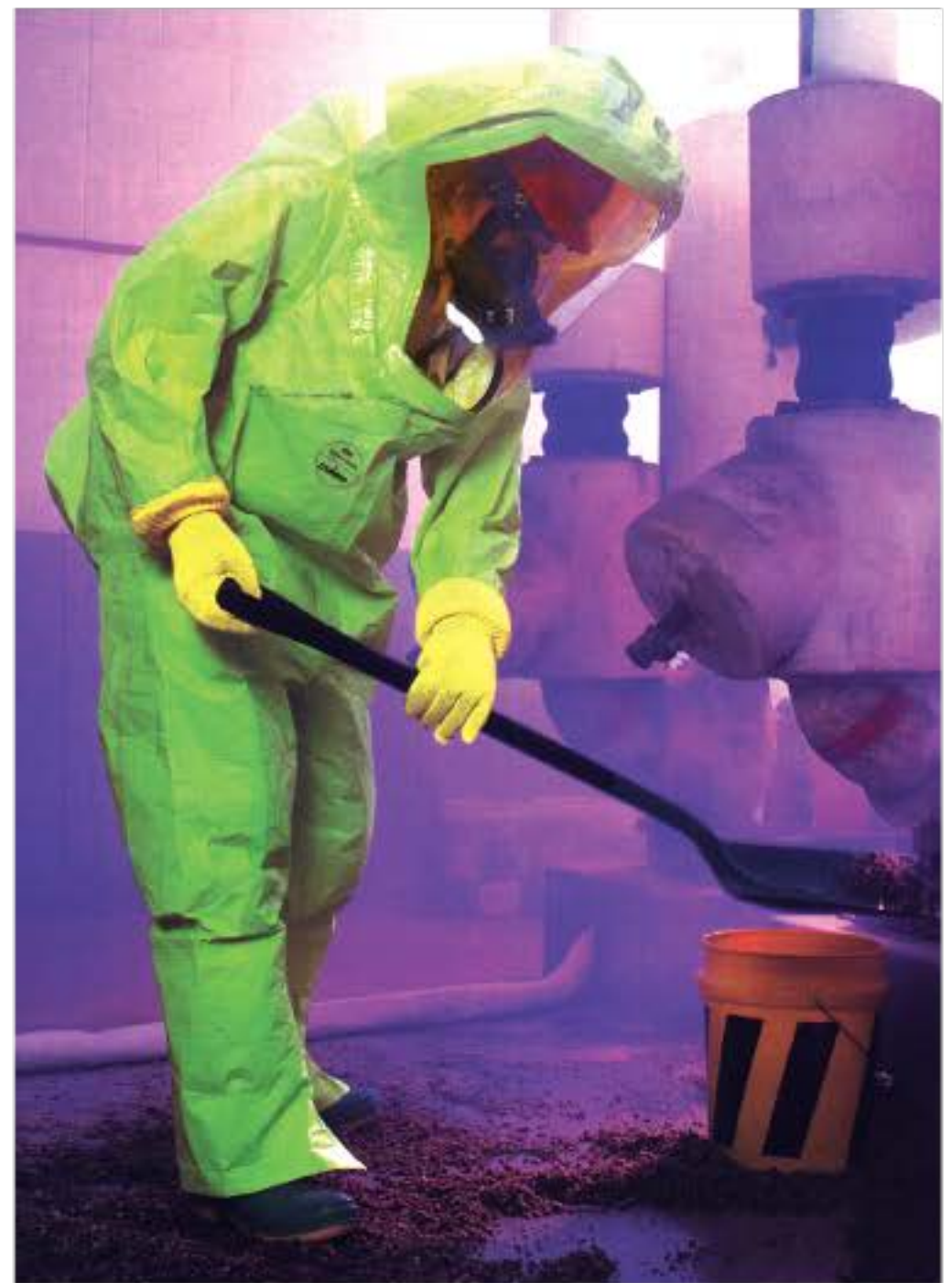
LEVEL A : dùng để chống khí độc và hóa chất nguy hiểm, là loại trang phục kín phải dùng chung với máy trợ thở.

LEVEL B : dùng để chống hóa chất nguy hiểm, dùng chung với máy trợ thở

LEVEL C : dùng để chống hóa chất dạng lỏng , phải dùng chung với máy

BỘ QUẦN ÁO CHỐNG HÓA CHẤT

Loại 275-ACA-L-Y NEESE LEVEL



BỘ QUẦN ÁO CHỐNG HÓA CHẤT

- Sản xuất từ chất xơ DUPONT
- bền bỉ, thoải mái khi mặc vào an toàn khỏi vi khuẩn
- chống bụi, màu sơn, chống nhiễm điện
- chống thấm nước và hóa chất

Loại TYVEK BARRIER MAN

Loại TYVEK C chống hóa chất

Xem thêm chi tiết : www2.dupont.com/nomex/en__us/

TY CHEM TK

Là bộ quần áo chống hóa chất dạng giới hạn khi sử dụng, làm từ vải 2 lớp , chịu hóa chất 8 giờ, dùng để trùm lên người sử dụng.

HEARING PROTECTION BẢO VỆ THÍNH GIÁC



3M loại 1450

- Dùng chung với mũ bảo hiểm
- Có thể sử dụng trong công việc liên quan đến điện
- Khi không sử dụng có thể cất giữ mà không cần tháo mũ. NRR 23 (cấp độ âm thanh 96 - 105db)



3M loại 1270 EAR PLUGS

- Phích cắm giảm thanh từ vật liệu cao su tổng hợp hình cây thông 3 tầng, màu vàng cam cùng với dây.
- Sản xuất từ vật liệu tổng hợp có tính mềm mại thoải mái khi đeo vào.
- Phích cắm dài giúp đeo vào và tháo ra dễ dàng tránh được việc cắm dây để tháo ra.
- Có thể làm vệ sinh để tiết kiệm chi phí
- Dây phích cũng được sản xuất từ vật liệu tổng hợp
- Mức độ giảm thanh 25 db



PELTOR loại H 6 B/V EAR MUFF

- Kích cỡ nhỏ gọn
- Trọng lượng nhẹ
- Phần che tai mềm mại thoải mái
- Có thể dùng chung với mũ bảo hiểm hoặc tách ra dùng riêng.
- Có thể dùng chung với mũ mặt nạ hàn
- Mức độ giảm thanh 21 db.

MSA loại 10061 535 XLS CAP EAR MUFF



- Thoải mái khi đeo vào
- Vừa vặn đầu mà không bóp tai
- Dùng chung với mũ nhãn hiệu MSA các loại
- Mức độ giảm thanh 22 Dba



Loại tròn
CAP STYLE



dạng hình trụ
CAP STYLE

Loại 320-2001



Loại 321-2001

LỜI KHUYÊN

mức độ âm thanh trong nhà máy và xí nghiệp = 85 db.

AEARO EAR PLUGS

AEARO loại 310-1001

Phích cắm tai dạng xốp làm từ PVC không hút mồ hôi không nở chống dị ứng



NRR 29 (cấp độ âm thanh 96-105 db)

AEARO loại 340-4004 ULTRAFIT

Phích cắm tai dạng Silicon cùng với dây. Có thể giặt và sử dụng lại được



NRR 21 (cấp độ âm thanh 96-105 db)

Đóng gói 100 đôi / hộp

AEARO loại 320-2001 CABO FLEX 600

Xốp cắm tai giảm thanh dạng hình trụ đeo dưới cằm NRR 26db.

AEARO loại 321-2101 CABO FLEX 600

Xốp cắm tai giảm thanh loại tròn đeo dưới cằm NRR 26db.

BACK SUPPORT ĐAI CHỖNG LƯNG

ALLEGRO BACK SUPPORT



LIFTING dây đai chống lưng

- Thêm sự an toàn
- Chống đau nhức từ việc bốc vác.

□ Loại 7170 ALL FIT (FREESIZE)

□ Loại 7160 HEAVY DUTY

□ Loại 7176 36-48 inch ECONOMY (loại tiết kiệm)

□ Loại 7178 48-58 inch (viền phản quang)

□ Loại 7120 MAXBAK (dạng dây nịt)



MAXBAK



ECONOMY BACK SUPPORT
(OPTIONAL HI - VIS)

□ 01 SM. Cỡ eo 26-36 inch

□ 02 MED cỡ eo 36-48 inch

□ 03 LG cỡ eo 48-58 inch

□ 04 XL cỡ eo 58-68 inch

T48

THIẾT BỊ

TOOL

SPECIALIZED INDUSTRIAL CHUYÊN CÔNG NGHIỆP

INDUSTRIAL BLOWERS

TEMPEST
CONTROLLED AIRSTREAMS



25 FT. (7.65 M.)



Loại dùng mô-tơ điện
TEFC chống nước hoặc
EXPLOSION PROOF
chống nổ

Điện lực TFFC hay EXP

Loại	kích cỡ cánh quạt (inch)	mã lực (HP)	lượng gió (CFM)	trọng lượng (kg)
SS-18-S-1.0-EP	18	1	8,748	23
SS-21-S-1.0-EP (700-059)	21	1	11,698	30
SS-24-S-1.0-EP	24	1	12,867	32

Loại	kích cỡ cánh quạt (inch)	mã lực (HP)	lượng gió (CFM)	trọng lượng (kg)
SS-18-S-1.0 (700-056)	18	1	8,748	76
SS-21-S-1.0 (700-060)	21	1	11,698	81
SS-24-S-1.0 (700-062)	24	1	12,867	90



Nhãn hiệu MAXIFORCE thiết bị nâng dùng hơi

dùng áp suất không khí chỉ ở 8 bar
nâng trọng lượng lên tới 130000 kg và cao đến 1 m.

Loại 890351 bộ điều khiển, khóa điều chỉnh áp suất
công tắc và dây dẫn khí.

Loại 80080 bình khí cỡ 80 FT³ (dụng cụ bổ sung) là
bộ được ưa chuộng.

- Bộ 34 tấn (KPI 17X2 + 890351)

- Bộ 50 tấn (KPI 17X2 + KPI 22 + 890351)

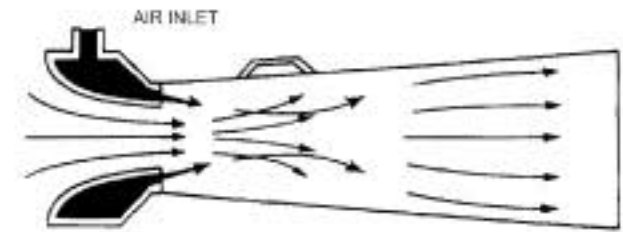


HURRICANE Venturi Air Blowers
From 970 CFM to 10,500 CFM

- LIGHTWEIGHT
- HIGH CAPACITY
- RELIABLE
- LOW COST



PRINCIPLE OF OPERATION



In the HURRICANE, air or steam enters a concentric manifold chamber surrounding a venturi throat. A series of orifices located symmetrically around the chamber are positioned to expand the air or steam into the reaction zone downstream of the throat. It is here that the high velocity air or steam imparts its energy to slower moving air and accelerates it which in turn draws more air through the throat into the reaction zone. Direction and expansion rate of the accelerated air is controlled by a conical-shaped diffuser.

QUẠT THỔI VÀ HÚT DÙNG SỨC GIÓ

Dùng trên tàu : loại Prime Air 12 , kích cỡ 12 inch, thổi và hút khí trên tàu với lắp
bích dạng Butter Worth 2 lần, toàn bộ cấu trúc và cánh quạt làm
từ hợp kim nhôm loại dày, viên bi có tuổi thọ đến 50000 giờ, trục
làm từ thép không gỉ, hút hoặc thổi ở 4000 ft³/giờ ở áp suất khí
5,5 bar dùng trong nhà máy công nghiệp.

Dùng trong nhà máy công nghiệp : loại Prime Air 20 , cỡ 20 inch thổi và hút
hình dạng giống với loại 12, hút hoặc thổi
11000 ft³/giờ ở áp suất khí 6,9 bar.

Phích cắm ống loại áp suất thấp.

Loại	kích cỡ	vật liệu	sử dụng	dụng cụ bổ sung
TYPE C	2 inch(51 mm)-60 inch (1,52 m)	cao su nitrile Butyl ADPM	ống dẫn nhiệt độ 300F 350F.	Mền đắp polyester dụng cụ bơm hơi đồng hồ đo và ống cao su
TYPE C	2 inch(51 mm)-60 inch (1,52 m)	cao su tự nhiên	ống nước và ống ga	mền đắp polyester dụng cụ bơm hơi đồng hồ đo và ống cao su

Lưu ý : áp suất trong ống không quá 1PSI (0,07 bar) (theo cỡ phích cắm)
Áp suất nén : 0,07 bar đến 1 bar (theo cỡ phích cắm)



PRIME - AIR 12 MARINE BLOWER



PERMA-TYPE RUBBER



TYPE "B"

TYPE "C"
OIL, GAS & WATER
PIPE LINES

T49

THIẾT BỊ

TOOL

Tiêu chuẩn EN 137 & 136



Mặt nạ dùng được cho mọi khuôn mặt

Vật liệu là E.P.D.M có hệ thống khuếch đại âm thanh

Mặt nạ FULL MASK loại PANORAMA NOVA

- Dạng trùm cả khuôn mặt, có duy nhất một kích cỡ vừa với tất cả mọi khuôn mặt.
- Cạnh của mặt nạ là cao su silicon 2 lớp
- Làm từ vật liệu E.P.D.M chịu được nhiệt độ và hóa chất tốt.
- Mặt nạ là hệ thống POSITIVE PRESSURE.
- Mặt nạ có hệ thống khuếch đại âm thanh (SPEECH DIAPHRAGM)

Dụng cụ đeo vai (BACH PLATE)

- Trọng lượng nhẹ làm từ vật liệu cacbon
- Chống hiện tượng nhiễm điện
- Dây thắt lưng làm từ KEVLAR thắt vai, eo và bình khí.

Thiết bị trợ thở

- Có bộ điều chỉnh áp lực khí
- LDV (LUNG DEMAND VALVE) là loại thiết bị bơm khí đều đặn
- Tiện lợi trong việc nối và tháo gỡ khỏi mặt nạ.
- Có đồng hồ đo áp lực dạng phản quang.

Bình khí

- Làm từ vật liệu CACBON COMPOSITE
- Thể tích bình 6,8 lít áp suất 300 bars có thời gian sử dụng 45 phút

PSS 3000

- Là một bộ gồm mặt nạ, bộ đeo hệ thống trợ thở và bình khí.

PSS 5000

- Có dụng cụ đủ bộ như PSS 3000 cùng dây đeo lót vai, đệm bao bọc và bộ dụng cụ bơm khí tới đồng nghiệp (BUDDY)

Được chứng nhận tiêu chuẩn en 137 & 136 SOLAS, CE
Dịch vụ phụ cùng phân phối

- Tập huấn cách sử dụng 4 giờ
- Miễn phí vũ khí quân đội
- Kiểm tra việc sử dụng 2 lần trong năm.

Loại PSS 3000



Thiết bị điều chỉnh áp lực LDV
Mặt nạ loại PANORAMA NOVA



Loại PSS 5000

Cùng dây lót vai có đệm bao bọc
Dụng cụ bơm khí tới đồng nghiệp
(BUDDY)



Vải bao bọc bình khí SCBA
cùng viên phản quang bảo vệ bình khỏi bị xước



Bình khí

Vật liệu CACBON COMPOSITE

Thể tích bình 6,8 lít, áp suất khoảng 300 bars có khoảng thời gian sử dụng 45 phút

T50

Dräger

THIẾT BỊ

Xem thêm chi tiết : www.draeger.com

CONFINED SPACE RESCUE EQUIPMENT THIẾT BỊ CỨ HỘ TRONG VÙNG HIỂM KHÍ



Bộ EZE-MAN+giá cứu hộ dạng lưới
loại JSA-300 CS

Bộ dụng cụ 3 chân loại EZE-MAN cấu tạo bởi

- TRIPOD HEAD ASSEMBLY loại 15300
- TRIPOD LEG ASSEMBLY loại 15301
- TRIPOD WINCH loại 15300
- Cao 213 cm, chiều cao khi làm việc 124,4 cm
- Trọng lượng an toàn khi nâng (SWL) 500 lbs (227,2 kg), trọng lượng cao nhất có thể nâng 5000 lbs (2,27 tấn)
- Làm từ hợp kim nhôm cứng, chắc và nhẹ.
- Cả 3 chân có thể điều chỉnh, cùng dây xích cố định và lót chân cao su chống trơn.
- Ròng rọc và sợi dây cáp loại EZE-MAN kích cỡ 3/16" x 75 ft), (4,7 mm x 23 m)
- Trọng lượng an toàn khi nâng (SWL 35 lbs) (159 kg)
- Có thể sử dụng chung với dây chống rơi và ròng rọc chống rơi.
- Cùng dụng cụ ròng rọc và lưỡi móc.



Bộ EZE-MAN+giá cứu hộ SKED



Bộ EZE-MAN+Lifting bridle
và dây bảo hiểm toàn thân



EZE-MAN TRIPOD WINCH
SINGLE PULLEY & SNAP HOOK



Dây bảo hiểm nửa người
loại 155770
tiêu chuẩn NFPA.

Lưu ý : có tay cầm ở vai,
lưng, bụng và eo , tiêu
chuẩn NFPA.



Dây bảo hiểm toàn thân
loại 151720 dành cho người
bị thương hoặc nhân viên cứu hộ.



Dụng cụ bảo vệ nhân
viên cứu hộ.

- 1 Mũ loại 450222
- 2 Kính bảo hộ loại Nemesis
- 3 Tấm lót cùi chỏ loại 450540
- 4 Bao tay an toàn loại Rappel I
- 5 Tấm lót đầu gối loại 450530.



RESCUE
Công việc cứu hộ



Loại PSS 5000
cùng dây lót vai có vải
bao bọc, thiết bị bơm khí
cho đồng nghiệp (BUDDY)

T51

THIẾT BỊ

TOOL

RESCUE EQUIPMENT DỤNG CỤ CỨU HỘ

Giá cứu hộ, cứu thương và bảo đảm an toàn



E-Z MAN TRIPOD + JUNKIN JSA 300 CS



E-Z MAN TRIPOD+SKED RESCUE SYSTEM
Siêu giá cứu hộ di chuyển người bị thương từ trên cao, lọt vào tổng 10 thiết bị cứu hộ tốt nhất thế giới. Có thể sử dụng trong tư thế thẳng đứng để xuống nơi chật hẹp hoặc góc song song với mặt đất, dùng trong việc di chuyển thông thường, là loại giá cứu hộ duy nhất có thể di chuyển người bị thương mà chỉ cần 1 người giúp bằng cách kéo, có thể sử dụng trong tình huống người bị thương nhiều hơn người cứu thương như: rò rỉ hóa chất. sản xuất tại HOA KỲ.



7. Loại JSA-365 tấm ván lót lưng loại dài cùng các lỗ xỏ dây nhanh là một sợi chung, lỗ tay cầm 12 lỗ, mặt trên mịn, mặt dưới lỗ để bảo vệ nạn nhân và giá cứu hộ. tia bức xạ nhiệt X-RAY có thể bắn xuyên qua được 100% và có thể đưa vào thiết bị MEI được, chịu sức nặng được 400 pounds (182 kg) màu vàng dài 183 cm (72 inch), rộng 41 cm (16 inch), dày 4,5 cm (1,75 inch).



8. Loại JSA-363-BF thiết bị kẹp giữ đầu, dùng chung với JSA - 365S có tấm xốp hai bên trái phải để cố định đầu cùng lỗ tai nghe, dây thắt đầu có thể điều chỉnh, có tấm xốp lót dưới đầu loại nhỏ.



9. Loại JSA-360-S dây đai thắt người bị thương cùng speed clip (lỗ xỏ nhanh) có thể điều chỉnh độ dài, có dây thắt 3 sợi, có thể đeo vào và tháo gỡ nhanh.



MADE IN U.S.A.

JUNKIN

RESCUE STRETCHERS - giá cứu hộ loại nhập khẩu

- Loại JSA-601-NA giá cứu hộ dạng gấp nửa làm bằng nhôm, có tay cầm bằng gỗ dài 86 inch, trọng lượng nhẹ chỉ 14 pound (6,4 kg), chịu sức nặng lên tới 300 pound (137 kg) vải làm từ nilông nhúng cao su tổng hợp, loại cứng, chắc, làm vệ sinh và diệt khuẩn dễ dàng.
- Loại JSA-602 giá cứu hộ dạng gấp nửa, làm bằng nhôm, có tay cầm và bánh xe, dài 74 inch, trọng lượng nhẹ 13 pound (6kg), chịu sức nặng 300 pound (137 kg), vải làm từ nilông nhúng cao su tổng hợp, loại cứng, chắc, làm vệ sinh và diệt khuẩn dễ dàng.
- Loại JSA-603 giá cứu hộ dạng gấp nửa làm bằng nhôm, có tay cầm (không có bánh), dài 74 inch, trọng lượng nhẹ 13 pound (6kg), chịu sức nặng lên đến 300 pound (137 kg), vải làm từ nilông nhúng cao su tổng hợp, loại cứng, chắc, làm vệ sinh và diệt khuẩn dễ dàng (giống loại JSA - 602 nhưng không có bánh.)
- Loại JSA-400 giá cứu hộ làm bằng nhôm, có thể rời ra được và tháo gỡ thành 2 phần đầu và đuôi, dùng cho nạn nhân bị thương không cử động được hoặc không nghiêng người được, có dây thắt 3 sợi, có thể móc vào và tháo ra nhanh, độ dài tùy chỉnh 49,5 inch - 80 inch, trọng lượng nhẹ 21,5 pound (9,8 kg) chịu sức nặng 400 pound (181 kg) làm vệ sinh và diệt khuẩn dễ dàng.
- Loại JSA-300+302+300X giá cứu hộ dạng lưới cùng tấm xốp lót giá và dây đeo để nhấc, trọng lượng nhẹ, có dây thắt 3 sợi, loại 302 cùng tấm xốp lót giá và dây đeo để nhấc, làm từ sợi chất sơ tổng hợp chắc, khỏe, làm vệ sinh và diệt khuẩn dễ dàng, loại 300x có dây đeo thể nhấc theo thể thẳng đứng và thể ngang, có thể nâng được trọng lượng đến 2000 pounds, dài 80,5 inch, rộng 22,5 inch, trọng lượng 31 pounds (14kg), chịu sức nặng 300 pounds (137 kg).
- Loại JSA-300CS+302+300X giá cứu hộ dạng lưới cùng tấm xốp lót giá và dây đeo để nhấc, giá cứu hộ dùng trong nơi chật hẹp, chức năng giống JSA - 300 dài 81,5 inch, trọng lượng 23 pounds (10,5 kg), chiều rộng 19 inch (48 cm) chịu sức nặng được 300 pounds (137 kg) (dùng chung với dụng cụ 3 chân).

Lưu ý: giá cứu hộ nhãn hiệu JUNKIN sản xuất tại HOA KỲ cùng chứng nhận tiêu chuẩn MIL-SPEC và đã qua kiểm chứng tiêu chuẩn.

WATER JEL

Kích cỡ 6 x 5 ft (183 x 152 cm) dùng để chữa cháy, trong nhà, trong trường hợp có người bị cháy, bóng có thể dùng để trùm lên người bị cháy.



JUNKIN SAF 1002 WOOL FIRE BLANKET

Chăn làm từ WOOL 100%, kích cỡ 62" x 82" dùng để trùm mình thoát khỏi ngọn lửa (không cần nhúng nước).



WATERJEL

- Kích cỡ vừa vặn, tùy chọn 2 kích cỡ 1,2 x 1,2 m, 1,2 x 1,8 m Thích hợp cho việc chữa cháy trong nhà bếp Thích hợp cho việc chữa cháy khi lửa cháy trên người



Loại TH 001 Gấp được 2 kiểu để tiện lợi cho việc cất giữ trong túi.



Loại TH 002 Giá cứu thương, khung làm bằng nhôm, vải lót làm từ vải cao su Gấp được 2 kiểu để tiện lợi cho việc cất giữ trong túi.

ANALYZER & DETECTOR

THIẾT BỊ PHÂN TÍCH VÀ THUỐC THỬ TÍN HIỆU

ALCOHOL ANALYZER

THIẾT BỊ PHÂN TÍCH NỒNG ĐỘ CỒN



Loại CA 20 FL

Có thể đo nồng độ cồn khoảng 200 lần trên một bộ pin có thể đo nồng độ cồn trong máu bằng cách thổi hơi.



Loại Alcotest 5510 "GRAGER"

Đo nồng độ cồn được nhiều hơn 1000 lần trên một bộ pin có thể đo nồng độ cồn trong máu cả kiểu thổi hơi và hơi thở có dung lượng bộ nhớ để chứa dữ liệu và báo kết quả sau được 10 dữ liệu có tín hiệu báo khi pin yếu.



GAS DETECTOR

THIẾT BỊ PHÂN TÍCH KHÍ GA

CONFINED SPACE

FIRE & RESCUE

Máy đo loại X - am 2500.

Chức năng đặc biệt chống nước và chống bụi bản cấp độ IP 67. Là loại máy đo khí ga có thể mang theo và báo hiệu liên tục đối với các loại khí dẫn điện, ôxi, carbonmonoxide và khí hydrogen sulfide có ở trong không khí xung quanh nơi là việc, số lượng khí dò được phụ thuộc vào sensor được gắn trên thiết bị mà có thể lựa chọn khí như sau : EX, EX/OX, EX/O2/CO, EX/O2/H2S, EX/O2/CO/H2S. có cao su bao bọc chống va đập và hệ thống báo hiệu 3 phần gồm đèn nháy, âm thanh và rung, đo khí nguy hiểm được 4 loại.



SMOKE ALARM / TESTER



HOME SAFEGUARD

Sử dụng để kiểm tra đến 100 lần trên 1 lon.

SMOKE DETECTOR TESTER (UL) ỢU 25S

- Kiểm tra tín hiệu báo động sử dụng điện hoặc pin mà không làm cho thiết bị hư hỏng.

DUST AIR

- Làm vệ sinh sensor trong thiết bị báo động mà không làm cho thiết bị hư hỏng.



đáng tin cậy
dễ sử dụng
nhạy chóng



KIDDE loại i9040 E (9V) BATTERY OPERATED SMOKE ALARM

- Cài đặt thiết bị báo hiệu ở mọi nơi
- Dó tìm khói và báo hiệu âm thanh 90 dB trước khi tình huống nguy hiểm hơn.
- Thích hợp với nơi dễ cháy như nhà bếp phòng ngủ nhà kho, tàu bè và nơi công cộng.
- Tín hiệu báo động đủ bộ và pin cỡ 9 V.

Loại DUS97
10 kích cỡ 10oz



Loại DUS97
HSG kích cỡ 5oz

Thích hợp cho sử dụng trong khách sạn, siêu thị, nhà, bệnh viện, tàu thủy.

Xem thêm chi tiết : www.draegersafety.com

T53

THIẾT BỊ

TOOL

FIRE EXTINGUISHER BÌNH CHỮA CHÁY

LỰA CHỌN BÌNH CHỮA CHÁY CHO PHÙ HỢP VỚI CÔNG VIỆC ĐƯỢC SỬ DỤNG RỦI RO HAY NGUY HIỂM

TIÊU CHUẨN MOC 332 - 2537



Dạng hóa chất khô CLASS A, B, C
Hiệu suất chữa cháy

- 2A 2B
- 6A 10B
- 6A 20B

Kích cỡ

- 5 pounds
- 10 pounds
- 15 pounds
- 20 pounds

Dạng bột và dạng không văng lung tung.



- Dạng bột đậm đặc
LOW/MED EXPANSION
MỨC ĐỘ TẠO BỘT



- Dạng chất tạo bọt hỗn hợp
- Loại AF - 9P

Tính chất đặc biệt***

Là chất tạo bọt tương đương với bình chứa chất tạo bọt thông thường (trong nước) 30 bình.

Hóa chất khô loại đặc biệt

- Loại BF - 2000
Dạng dung dịch lỏng bay hơi CLASS A, B
- Loại AF - 9P
dạng bột CLASS B
PRIMA FOAM DELTA FIRE
- Loại LX - PRIMA
Low Expansion
- Loại MX - PRIMA
Medium Expansion
- Loại WATER GAS
dạng nước CLASS A

Dạng khí CO2 CLASS B, C



- 5 pounds
- 10 pounds
- 15 pounds

- Sắt
- nhôm

Dạng khí ga CO2 CLASS B, C



Kích cỡ

- 5 pounds
- 10 pounds
- 15 pounds
- 20 pounds

Dạng khí CO2
tiêu chuẩn UL

Dạng CO2
bình nhôm

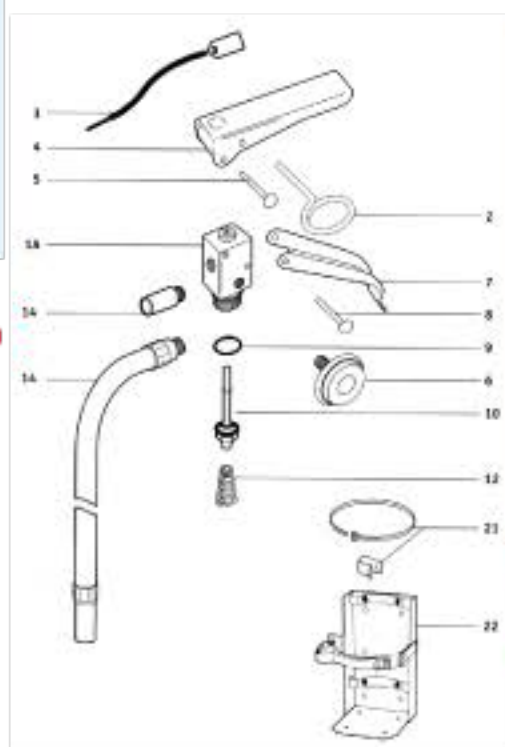
SERVICE & INSTALLATION DỊCH VỤ VÀ CÀI ĐẶT



Loại WATER GAS
dạng nước



- Dạng lỏng bay
- hơi loại BF - 2000



- Kiểm tra
- Thay thế phụ tùng và sơn màu
- Nạp chất lỏng
- Tập huấn
- Cài đặt

ITEM	YES	NO
JAN.		
FEB.		
MAR.		
APRIL		
MAY		
JUNE		
JULY		
AUG.		
SEPT.		
OCT.		
NOV.		
DEC.		

FOOT

T54



THIẾT BỊ

BS NFPA CHỨNG NHẬN FM ỒNG DẪN NƯỚC CHỮA CHÁY SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN

- Ống dẫn nước loại 3 lớp, ống được làm từ chất xơ tổng hợp (FIBER) toàn bộ cả chiều dọc và chiều ngang.
- Lớp trong và lớp ngoài được làm từ cao su tổng hợp (NITRILE RUBBER), toàn bộ được kết hợp thành một ống.
- Lớp trong cùng được thiết kế bề mặt mịn để giảm độ ma sát của nước, lớp ngoài cùng được thiết kế theo kiểu lõi lõm để chống mài mòn cho ống.
- Vừa tay khi cầm, giữ, chịu nhiệt độ bảo quản ở 50°C và chịu nhiệt độ trong khi sử dụng lên tới 600°C, chịu chất hoá học và điều kiện gỉ sét.
- Không phản ứng với chất petrolium các loại, dễ dàng bảo quản, không bị tì vết sau khi sử dụng, ống không bị gãy hay nhẹp sau khi sử dụng.
- Tất cả ống dẫn nước chữa cháy đều phải có nhãn dán được chứng nhận đã qua kiểm chứng FM.



BLINDEX 4-LAYER FIRE HOSE (Yellow Outer Cover/Red Inner Tube)

ARMTEX ARMTEX 600 Choose From Two (2) Colors, Red and Yellow

Mô hình	Kích thước	áp lực cho phép (PSI)	áp lực gây bể hoặc nổ (PSI)	trọng lượng* (KG)
ARMTEX	1 1/2"	300	910	10.0
ARMTEX	1 3/4"	300	900	11.5
ARMTEX	2 1/2"	300	780	18.0
ARMTEX	3"	200	700	21.0
ARMTEX	4"	200	700	36.0
ARMTEX 600	1-1/2"	350	900	14.5
ARMTEX 600	2-1/2"	350	900	22.5

*Trọng lượng ở độ dài 30m



Mô hình	Kích thước	áp lực cho phép (PSI)	áp lực gây bể hoặc nổ (PSI)	trọng lượng* (KG)
BLINDEX	1 1/2"	350	925	10.8
BLINDEX	2 1/2"	350	780	19.5



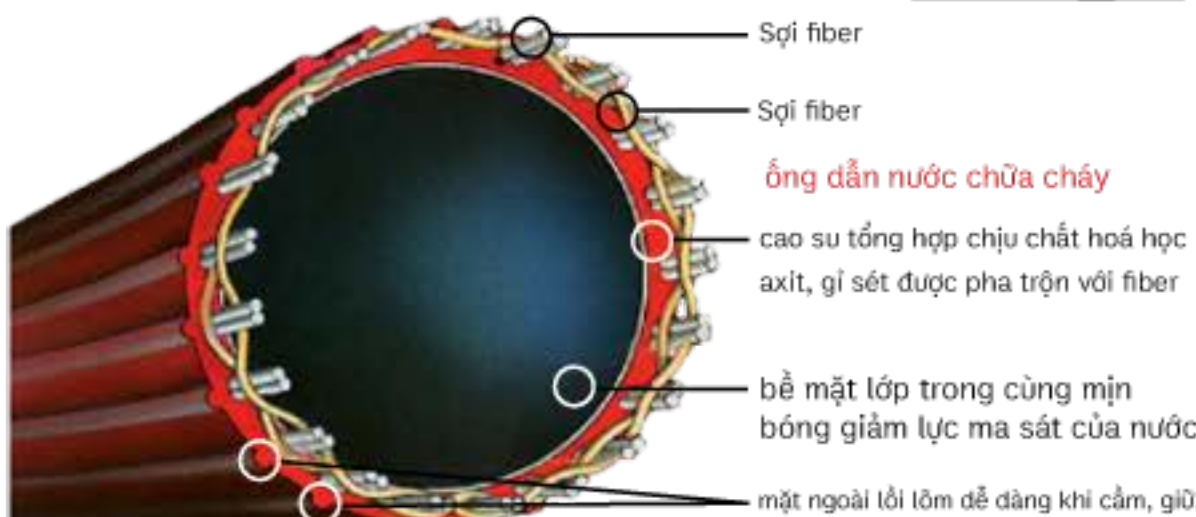
Vết lủng do bị cắt
sửa ống nhãn hiệu ARMTEX màu vàng màu đỏ và ống nhãn hiệu BLINDEX



sau khi sửa xong



Hệ thống sửa chữa ống dẫn nước chữa cháy sửa chữa theo tiêu chuẩn nhà sản xuất nhãn hiệu ARMTEX kích thước ống 1.5 inch đến 4 inch vết cắt, kích thước lỗ 1/8 đến 2 inch bên cạnh ống hoặc trên ống, sau khi sửa xong được kiểm tra ống lên tới 250 PSI (17 BARS) cùng giấy chứng nhận.



FIRE EQUIPMENT STANDARDS TIÊU CHUẨN PHỤ KIỆN CHỮA CHÁY

Thuật ngữ tiêu chuẩn ống dẫn nước chữa cháy

- Burst pressure (áp lực gây nổ) sự thử nghiệm ống nước chữa cháy đến khi nổ (không bao gồm khớp nối)
- ACCEPTANCE (TEST) PRESSURE (áp lực thử nghiệm ống chữa cháy trong khi sản xuất) thử nghiệm chất lượng ống chữa cháy vào khoảng 66% của áp lực gây nổ (không bao gồm khớp nối).
- WORKING SERVICE PRESSURE (áp lực cho phép) thử nghiệm ống chữa cháy cùng khớp nối Tiêu chuẩn thử nghiệm khả năng sử dụng theo NFPA
 - ống kích cỡ 1.5" (300 PSI tại 10 phút)
 - ống kích cỡ 2.5" (250 PSI tại 10 phút)
 - ống kích cỡ 4" (200 PSI tại 10 phút).

EUROPE AND ENGLAND TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ ANH QUỐC

- Ống dẫn nước chữa cháy**
- BS 6391 ống cao su tổng hợp
- BS 6391 ống chất xơ tổng hợp
- Tiêu chuẩn thử nghiệm ống cỡ 1.5" và 2.5" (22.5 bar tại 1 phút)
- Tiêu chuẩn BS 6391 : TYPE 3
- EN 694 & 14510 chất xơ tổng hợp
- UNE là tiêu chuẩn riêng của TÂY BAN NHA
- Khớp nối**
- BS 336 khớp nối loại đeo vào nhanh kích cỡ 2.5" (bên được đeo)
- 3rd PARTY TESTING, Tổ Chức Chứng Nhận Tiêu Chuẩn FM, AENOR, CERTIFIED LABS.

T55

THIẾT BỊ

TOOL

WOVEN FIRE HOSE ỐNG NƯỚC CHỮA CHÁY BẰNG VẢI

- Loại ống nước chữa cháy bằng vải làm bằng sợi chất xơ(SYNTHETIC) toàn bộ 100%
- Bên trong là cao su tổng hợp gắn chặt với sợi chất xơ SYNTHETIC
- Bên ngoài được nhúng chất POLYURETHANE (DURACOAT) (sợi màu đỏ) để ống chịu được chất hoá học, dầu mỡ, nhiệt độ, bảo vệ khỏi các vết trầy và vết gấp của ống nhiều hơn 50% - 70% loại ống không nhúng.

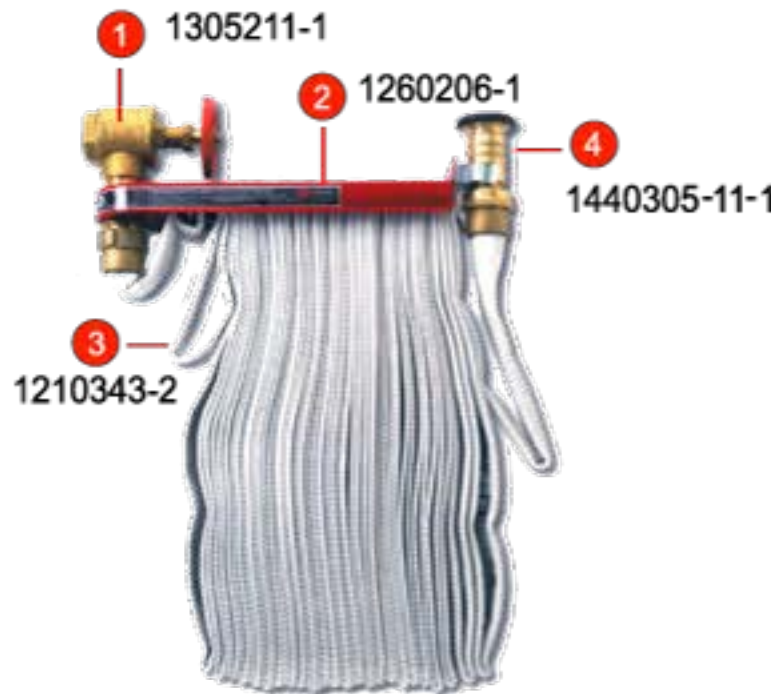


Loại	Kích cỡ (inch)	áp lực gây nổ (bar)
HRS 061 "SRI"	1"X30M.	62

TITAN-C 800

Loại	Kích cỡ (inch)	áp lực cho phép (PSI)	áp lực gây nổ (PSI)
TITAN 800 màu trắng	1-1/2"	300	750
	2-1/2"	300	750

Loại	Kích cỡ (inch)	áp lực cho phép (PSI)	áp lực gây nổ (PSI)
TITAN-C 800 màu trắng	1-1/2"	300	750
	2-1/2"	300	750



Tiêu chuẩn quốc tế của HOA KỲ

NFPA 1962 ống nước chữa cháy
NFPA 1963 Khớp nối
NFPA 1964 đầu phun
3rd PARTY TESTING Hiệp Hội Chứng Nhận Tiêu Chuẩn
UL - UNDERWRITERS LABORATORIES
FM - FACTORY MUTUAL
USA CERTIFIED TESTING LABS

Loại	Kích cỡ	áp lực cho phép	áp lực gây nổ
TITAN 500 ống HOSE RACK màu trắng bên trong là cao su tổng hợp	1.5"	250	500

CHỐNG TRỘM

UL / FM HOSE / RACK NOZZLES



Chống trộm/
đầu phun HOSE RACK
Kích cỡ 1,5 inch NH bằng đồng, tiêu chuẩn UL/FM kiểu phun vòi sen và phun thẳng



Đầu phun HOSE RACK kích cỡ 1.5 NH làm từ nhựa cứng màu đỏ tiêu chuẩn UL/FM kiểu phun vòi sen và phun thẳng.

Nắp đậy 2.5 inch BS 336 I âm từ cao su tổng hợp cùng dây xích



Nắp đậy 2.5 inch BS 336 I làm từ nhựa cứng màu đỏ cùng dây xích



1 1440305-2 2 1410202-6 3 1410202-5

- 1 Đầu phun kiểu vòi sen 2.5 inch (răng NH)
- 2 Đầu phun loại thẳng + điều chỉnh vòi sen 2.5 inch x 12 inch đeo vào nhanh
- 3 Đầu phun loại thẳng 2.5 inch x 12inch đeo vào nhanh.

- 1 Van Angel bằng đồng 1,5 inch
- 2 Bộ khay kiểu đường ray HOSE RACK
- 3 Dây ống FM màu trắng 1.5 inch x 30m
- 4 Đầu phun HOSERACK 1.5 inch (NH) bằng đồng.

Ống Nối Đa Năng

Đầu phun nước chữa cháy, phun được hai kiểu Chính đường phun thẳng kiểu vòi sen và kiểu đường thẳng tự lại, làm từ hợp kim nhôm. Có van đóng/mở kiểu đòn bẩy, ngăn phun nước

Loại CCM 1,5" lỗ phun 9 mm. 120 lít
Loại CCM 2,5" lỗ phun 12 mm. 215 lít



FOOT

T56

THIẾT BỊ

HOSE COUPLING

KHỚP NỐI ỚNG DẪN NƯỚC CHỮA CHÁY

BS336 (kiểu QUẤN DÂY)
 Chứng nhận sử dụng 300 PSI
 Bảo hành 5 năm.



IMPORT
 LOẠI HÀNG NHẬP KHẨU

BS 336 Làm Bằng hợp kim Nhôm



Kích cỡ 1.5" x 2.5" BS 336
 Kích cỡ 2.5" x 2.5" BS 33

Khớp nối loại khác
 (BS, NH, STORZ)



BS336 làm bằng đồng
 Kích cỡ 1.5" x 2.5" BS 336
 Kích cỡ 2.5" x 2.5" BS 336

Khớp nối "NH" kiểu hệ thống nén
Nhãn hiệu "RED HEAD" HOA KỲ



HỢP KIM CỨNG Đồng kích cỡ
 kích cỡ 1.5 và 2.5" 1.5" và 2.5"
NH (NST)

Nhãn hiệu
"TITAN" đồng



kích cỡ 1.5" kiểu "RACK"
 và kiểu sân

Khớp nối "EURO" làm bằng hợp kim



nhôm loại răng
 cưa kiểu Thụy sĩ



và kiểu răng nanh
 (STORZ 1.5", 2.5")



• DỊCH VỤ NHẬN SỬA CHỮA ỚNG VÀ KHỚP NỐI (DẠNG NÉN VÀ QUẤN DÂY) •

COUPLING SIZE CHART - BẢNG KÍCH CỠ KHỚP NỐI ỚNG CHỮA CHÁY

INSTANTANEOUS BS336 Loại đeo nhanh		STORZ Loại răng cưa (SWEDEN) (STORZ)		HOSE SIZE Kích cỡ ống	COUPLING SIZE Kích cỡ khớp nối	NATIONAL STANDARD Loại xoắn ốc NH (NST)*		STRAIGHT IRON PIPE Loại xoắn ốc NPSH (IPT)		BRITISH STANDARD Loại xoắn ốc BSPT	
kích cỡ ống	kích cỡ khớp nối	kích cỡ ống	kích cỡ khớp nối	inch	inch	ODP	TPI	ODP	TPI	ODP	TPI
1.5"	1.5" / 2.5"	1.5"	1.5" / 2.5"	1.5"	1.5"	1.990	9	1.8788*	11 1/2	1.882	11
2.5"	2.5"	2.5"	2.5"	2.5"	2.5"	3.0686	7 1/2	2.841*	8	2.960	11
4"		2.5"	2.5"	4"	4"	5.0109	4	4.470	8	4.450	11

Khớp nối có độ bền cao, sử dụng hệ thống quấn hoặc nén có chất lượng cao và đáng tin cậy, có giấy chứng nhận đã qua kiểm nghiệm ống và khớp nối



ĐỒNG **NHÔM**
 Loại đeo vào nhanh 2.5" BS 336
 Cách quấn dây gồm 3 bước
 (sử dụng dây thép không gỉ)
 cùng vải lót và cao su bao bọc



Máy quấn ống dẫn nước chữa cháy bằng dây kẽm
 sử dụng mô-tơ điện 220 v
 quấn khớp nối kiểu đeo vào nhanh
 răng cưa chịu lực quấn khớp nối chịu
 áp lực ở 300 PSI.



Trung tâm dịch vụ nén khớp nối của
 "RED HEAD"
 - Có dịch vụ nén khớp nối kiểu nén 1.5" - 4" kiểu
 NH, BS336 và STORZ
 - Sử dụng máy nén khớp nối HYDROLIC 220 V
 loại "BRUTE" của công ty "RED HEAD"
 HOA KỲ

FOOT

T57

THIẾT BỊ

Xem thêm chi tiết :
www.akronbrass.com

LOCAL FIRE SUIT

TRANG PHỤC CHỮA CHÁY NỘI ĐỊA



2 LAYER
(2 lớp)

3 LAYER
(3 lớp)



Bộ đồ thao dượt chữa cháy (áo + quần)
loại FSL - 01 Kích cỡ tiêu chuẩn, màu cam.
Chức năng : sử dụng để chống nóng và luyện tập chữa cháy

Bộ đồ thao dượt chữa cháy (áo + quần)
loại FSL - 01 Kích cỡ tiêu chuẩn, màu vàng
Chức năng : sử dụng để chống nóng và luyện tập chữa cháy

Áo thao dượt chữa cháy (áo choàng)
loại FSL - 02 Kích cỡ dài 42", 48" màu cam.
Chức năng : Chức năng : sử dụng để chống nóng và luyện tập chữa cháy

Bộ đồ thao dượt chữa cháy (áo + quần)
FR COTTON màu xanh
Chức năng : dùng để chống nóng.



Loại F - 500
kiểu Mỹ
tiêu chuẩn NFPA



Giày (boot) cao su chữa cháy **loại MT - 02**
nhãn hiệu MT kích cỡ số 40 - 44, màu đen.
Chức năng : sử dụng trong thao dượt và luyện tập chữa cháy

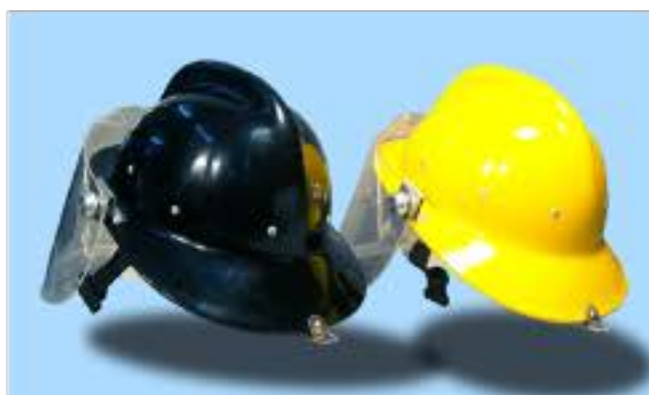


Giày chữa cháy **loại 9687L** nhãn hiệu HARVIK
Kích cỡ số 39 - 46 màu đen
Chức năng : sử dụng trong việc chữa cháy, mũi giày bằng sắt.

FOOT



Mũ chữa cháy cùng tấm chắn bảo vệ mặt, kích cỡ tiêu chuẩn, màu đen **loại FH - B**, màu vàng **loại FH - Y**, màu cam **loại FH - O**, màu trắng **loại FH - W**. Chức năng : bảo vệ phần đầu và tấm chắn bảo vệ khuôn mặt từ các vật liệu va vào.



Bao tay chống nóng bằng da **loại BR - 001**
Kích cỡ dài 12" , màu cam
Chức năng : dùng để chống nóng.



Bao tay chống nóng bằng da **loại BL - 001** Kích cỡ dài 12", 15" màu đen Chức năng : dùng để chống nóng.

T58

THIẾT BỊ

LINE CARD

Devcon.

Devcon

SỬA CHỮA KIM LOẠI VÀ
SỬA CHỮA KHẨN CẤP

Honeywell

Honeywell Bao Tay Chữa Cháy
HYSAFETY
EURO VI
FIREMAN VI



BSP TRANG PHỤC CHỮA CHÁY (MAHERO)
EN Manufactured to NFPA
Eagle I, Eagle II, Century Series
Phenix Tech. Helmets-NFPA



THERMOPROBE - NHIỆT KẾ
ĐỒNG HỒ ĐO NHIỆT KẾ
NHIỆT KẾ CHO PHÒNG THÍ NGHIỆM
VÀ KHU VỰC HỘI HỢP.



UVEX

NƯỚC RỬA ỒNG KÍNH



EYESALINE

NƯỚC RỬA MẮT



BOUTON

NƯỚC RỬA ỒNG KÍNH



HARVIK

GIÀY CHỮA CHÁY-EN&NFPA



SICOR

MŨ CỨU HOẢ - EN



PGI

MŨ TRÙM ĐẦU - NFPA



KOLOR KUT

THUỐC THỬ NƯỚC - KK01&KKM3
THUỐC THỬ XĂNG DẦU - KK02



MOLYSLIP

SẢN PHẨM CHỐNG ĂN MÒN
VÀ BÔI TRƠN



NEVER-SEEZ

SẢN PHẨM CHỐNG ĂN MÒN



DRAEGER

THIẾT BỊ TRỢ THỞ SCBA

PSS 3000/5000

MẶT NẠ CHỐNG KHÍ ĐỘC

TRANG PHỤC KHÍ ĐỘNG HỌC THIẾT BỊ DÒ KHÍ



KIDDE

KIDDLE MÁY DÒ KHÓI

HSG loại 25S, DUST AIR

DUNG DỊCH THỬ NGHIỆM TÍN HIỆU

BẢO ĐỘNG NFPA



TEMPEST - MÁY QUẠT KHÓI

DÒNG DD CÁNH QUẠT NỔI THẮNG

DÒNG BD ĐIỀU KHIỂN BẰNG ĐAI

DÒNG 375K MÁY CỬA

ỐNG DẪN NƯỚC CHỮA CHÁY



ARMTEX



BLINDEX



TITAN



MORSE

LƯỚI CỬA CÔNG NGHIỆP

GARCO

CÔNG CỤ BAO BÌ



GOJO

NƯỚC RỬA TAY CÔNG NGHIỆP



AMKUS - THIẾT BỊ CỨU NẠN THUYẾT LỰC



PARATECH

THIẾT BỊ CỨU HỘ BẰNG TÚI NÂNG



VIPER - VÒI PHUN CHỮA CHÁY

Viper SG3012/SG7515

Rylstatic - VÒI PHUN CÔNG NGHỆ MỚI

BD3012/BD7515



DELTA FIRE

VÒI PHUN TẠO BỌT HV225/450

THIẾT BỊ PHA DUNG DỊCH TẠO BỌT Z225/450

XE ĐẨY DUNG DỊCH TẠO BỌT DF130



MSA - MŨ CỨU HỘ



Nemesis - KÍNH BẢO HỘ

ĐÈN PIN DÀNH CHO KHU VỰC NGUY HIỂM



BRIGHTSTAR - UL DIV1

ĐÈN PIN



PELICAN - ĐÈN PHA CHỨNG

NHẬN BỞI FM



MAGLITE

ĐÈN PHA BẰNG NHÔM

WARRANTY HỢP ĐỒNG BẢO HÀNH

PACIFIC AND FIRE AEC Co., Ltd. WARRANTY TERMS

Điều kiện : Công ty TNHH PACIFIC AND FIRE AEC bảo hành toàn diện 1 năm cho tất cả các sản phẩm do công ty phân phối, hợp đồng bảo hành sản phẩm là sự đồng ý giữa bên bán và bên mua, thời gian bảo hành 365 ngày tính từ ngày giao hàng. Việc bảo hành sản phẩm mà quý khách đã mua phải sử dụng đúng với mục đích và theo nguyên tắc sử dụng của sản phẩm, bao gồm cả việc bảo quản và bảo trì theo hướng dẫn sử dụng và được sử dụng an toàn bởi người đã được tập huấn cách sử dụng.

Ngoại lệ : Bảo hành toàn diện 1 năm/ bao gồm cả sự hao mòn trong sản phẩm và công việc thủ công trong khi lắp ráp, ngoại trừ những lý do sau đây : Sự mất mát hoặc sai lệch do tai nạn, thiếu sự bảo quản và chăm sóc, sử dụng không đúng mục đích, không an toàn, không đúng cách, hư hỏng theo thường lệ hoặc bảo quản không đúng nơi quy định, việc sửa chữa hoặc thay thế sản phẩm bởi người khác mà không phải là nhân viên của công ty thì việc bảo hành sẽ không hợp lệ.

Các yêu cầu bảo hành : Khi sử dụng quyền bảo hành khách hàng phải gửi sản phẩm về công ty TNHH PACIFIC AND FIRE AEC sau khi công ty đã nhận được sản phẩm thì sẽ cho thợ kiểm tra nguyên nhân của sự hư hỏng, sau khi tóm tắt nguyên nhân hư hỏng. Công ty sẽ gửi tài liệu tóm tắt cho khách hàng để xác định sản phẩm nằm trong diện được bảo hành hay ngoại lệ.

1. Nếu như sản phẩm nằm trong diện được bảo hành. Công ty TNHH PACIFIC AND FIRE AEC sẽ sửa chữa hoặc thay thế phụ tùng nào đó cho phù hợp để sản phẩm có thể được sử dụng lại bình thường.
2. Nếu như sản phẩm hư hỏng nằm ngoài diện được bảo hành thì bên công ty sẽ gửi tài liệu kèm theo hình ảnh để chứng minh sự hư hỏng do sử dụng không đúng cách như thế nào và sẽ gửi phiếu định giá chi phí cho việc sửa chữa.

Chi phí : Đối với các sản phẩm hư hỏng được gửi về công ty, nếu nằm trong khu vực Bangkok hoặc vùng lân cận bên công ty sẽ đến nhận hàng tận tay, nếu trong trường hợp sản phẩm nằm ở ngoại tỉnh thì khách hàng phải gửi sản phẩm về công ty TNHH PACIFIC AND FIRE AEC 51/193 tổ 1, hẻm Wat-bangsrimumang, đường thanamnon, ấp Bangsrimumang, quận muang nonthaburi, tỉnh Nonthaburi 11000. Sau khi đưa ra phương án sửa chữa xong thì công ty sẽ gửi lại sản phẩm cho khách hàng ngay sau đó.

Các bước gửi đi sửa chữa : Công ty có thể sửa chữa tất cả các loại sản phẩm do công ty phân phối và bảo hành sửa chữa theo điều kiện đã đề ra.

Các bước trong việc sửa chữa : khách hàng phải gửi sản phẩm về công ty và chi phí cho công việc tháo gỡ và kiểm tra cơ bản cho các loại sản phẩm bắt đầu từ 500 bath và chi phí cho việc kiểm tra bằng máy nén khí có phí đặt cọc 5000 bath, sau khi bên công ty định giá và khách hàng đồng ý cho phép sửa chữa thì phí đặt cọc 500 bath hay 5000 bath sẽ được bao gồm với phí sửa chữa thật. Nếu khách hàng quyết định không sửa chữa thì bên công ty sẽ thu phí đặt cọc bằng tiền mặt ngay sau khi hoàn trả sản phẩm cho khách hàng.

Những ngoại lệ trong việc chịu trách nhiệm cho sự hư hỏng khác :

Việc bảo hành có giới hạn cho việc sửa chữa và thay thế phụ tùng bị hư hại phụ thuộc vào sự quyết định chung của cả bên bán và nhà sản xuất. Việc yêu cầu bồi thường do bị hư hại trong khu vực làm việc, do nhân viên làm việc hoặc sự mất mát do thiết bị nằm trong khu vực làm việc không nằm trong điều kiện bảo hành đã được đưa ra. Sự đồng ý đặt mua hàng và dịch vụ tại công ty TNHH và phân phối PACIFIC AND FIRE AEC chứng minh cho việc khách hàng sẽ hiểu và sẽ thực hiện theo tất cả các nguyên tắc đã đưa ra trong phiếu đồng ý bảo hành này.



PACIFIC AND FIRE AEC Co., Ltd.



HEAD OFFICE

PACIFIC AND FIRE AEC Co.,Ltd.

SỐ 51/193 ẤP 1 HẸM WAT-BANGSRIMUANG, ĐƯỜNG
THANAM - NON, THỊ TRẤN BANG SRIMUANG, QUẬN MUANG,
TỈNH NONTABURI 11000, THAILAND

TEL. (+66 2) 038 5840 - 41 FAX. (+66 2) 886 7585

Dịch vụ khách hàng : DEVCON Epoxies

Điện thoại di động : (+66 81) 825 1634

E-mail : csdevcon@pacificandfire.com

Line ID : devcon-pacific

Dịch vụ khách hàng : thiết bị bảo hộ và công nghiệp

Điện thoại di động : (+66 81) 917 2049

E-mail : customer@eis-pacific.com

Line ID : eis-pacific

